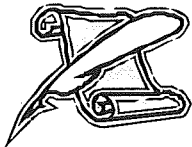


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHI LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



Xã luận

ISSN 1145-9557 * Số 187 - Năm thứ 17, tháng 12-2004

Kinh nghiệm UKRAINE

Tình hình Ukraine sau hai tuần căng thẳng có lúc tưởng như sắp làm tan vỡ quốc gia này đã có lối thoát. Cuộc bầu cử tổng thống gian lận ngày 21-11-2004 đã bị hủy bỏ. Sự gian lận đã trắng trợn đến nỗi Hoa Kỳ và Liên Hiệp Châu Âu phải lên tiếng chính thức mạnh mẽ lên án. Cuối cùng chính quyền Ukraine và Nga đã phải nhượng bộ. Một cuộc bầu cử mới được quyết định vào ngày 26-12-2004 với sự thắng lợi gần như chắc chắn của ứng cử viên độc lập Yushchenko.

Đối lập Ukraine đã tỏ ra rất kiên trì và có chuẩn bị. Tuyệt và lạnh đã không làm cho họ mệt mỏi và bỏ cuộc như chính quyền Ukraine mong đợi. Hậu cần của phe đối lập đã rất mạnh, họ đã cung cấp đầy đủ thực phẩm, thuốc men, quần áo lạnh, lều vải và tiện nghi vệ sinh cho hàng trăm ngàn người biểu tình một cách liên tục trong nhiều ngày mà không tỏ ra bối rối. Họ cũng huy động được đầy đủ các nghệ sĩ, trí thức để liên tục hoạt náo và động viên những người biểu tình; họ có tổ chức mạnh. Tuy nhiên yếu tố quan trọng nhất và cũng đáng kính phục nhất chính là quyết tâm của dân chúng Ukraine.

Ukraine tạm thời tránh được nguy cơ tan rã, nhưng vết thương do cuộc bầu cử gian lận này cũng sẽ rất khó hàn gắn, ngay cả nếu có một cố gắng hòa giải tích cực và thành thực. Người Ukraine phía Đông và phía Tây sẽ chia rẽ trầm trọng và lâu dài, liên hệ giữa Nga với Hoa Kỳ và châu Âu cũng đã bị tổn thương rất nặng.

Chúng ta cần quan sát kỹ những gì xảy ra tại Ukraine bởi vì rất có thể Việt Nam cũng sẽ gặp phải những vấn đề tương tự. Ukraine và Việt Nam giống nhau ở nhiều điểm.

Điều chắc chắn là không sớm thì muộn Việt Nam cũng sẽ có bầu cử và cũng sẽ có gian lận trắng trợn không kém Ukraine. Những người dân chủ Việt Nam phải tiên liệu để đối phó. Phải động viên tinh thần

dân chúng chống bầu cử gian lận từ lâu trước cuộc bầu cử và phải chuẩn bị những biện pháp để đối phó. Quan trọng hơn hết, phải có tổ chức mạnh. Người Việt Nam, kể cả đa số trí thức dân chủ, đều chưa thấy được sự cần thiết của tổ chức và cũng chưa biết sinh hoạt tổ chức, đây là điều đáng lo ngại nhất.

Sau đó, phải nhận diện một nguyên nhân chính của những hỗn loạn do gian lận bầu cử đã từng xảy ra tại Georgia, vừa xảy ra tại Ukraine, sắp xảy ra tại Romania và sẽ còn xảy ra ở nhiều nước đang chuyển hóa về dân chủ: chế độ tổng thống. Sự được thua trong một cuộc bầu cử tổng thống quá lớn nên rất dễ đưa tới gian lận; quá nhiều quyền lực và quyền lợi được quyết định trong một cuộc bầu cử nên mỗi lần bầu tổng thống gần như một cuộc nội chiến; sự gian lận không tránh khỏi lại ảnh hưởng trên cả nước thay vì giới hạn trong một vùng để có thể giải quyết một cách tương đối dễ dàng. Vả lại, chế độ tổng thống là một chế độ dở, đã thất bại ở mọi nước, trừ Hoa Kỳ. Những người dân chủ Việt Nam vừa có cơ hội để nhìn thấy những tai hại của chế độ tổng thống, để dứt khoát bác bỏ chế độ này.

Sau cùng, không dân tộc nào được quyền coi nhẹ di sản lịch sử của chính mình. Yushchenko và những người ủng hộ ông hình như quên rằng phần phía Đông của Ukraine trước đây là đất Nga, triều đại đầu tiên dựng ra nước Nga đã được thành lập tại Kiev, thủ đô hiện nay của Ukraine. Nhiều người Ukraine thực sự là người Nga và khó có thể chấp nhận để Ukraine trở thành thành viên của NATO, như Yushchenko công khai mong muốn. Mặt khác, nước Nga cũng khó có thể khoanh tay thụ động để mất trắng một phần đất của mình cùng với bán đảo Crimea và Biển Đen. Một chính sách đúng đắn cho nước Ukraine dân chủ không thể bỏ qua sự kiện là miền Đông Ukraine theo đạo Cơ Đốc Chính Thống và rất gắn bó với Nga. Quốc gia nào cũng phải theo đuổi một chính sách phù hợp với điều kiện địa lý và lịch sử của mình.

Thông Luận

Ông Giang Trạch Dân (78 tuổi) đã chính thức từ chức chủ tịch Ủy ban quân ủy trung ương trong Hội nghị lần thứ 4 của Ủy ban trung ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc, họp tại Bắc Kinh từ 16 đến 19-9-2004 vừa qua. Chức vụ này đã được Hội nghị giao lại cho Hồ Cẩm Đào. Đối với thế giới, đây là một sự kiện quan trọng mở ra một trang sử mới của Trung Quốc.

Tại sao Giang Trạch Dân từ chức ?

Đây là một câu hỏi này chứa đầy bí ẩn, vì cho đến vài ngày trước cuộc hội nghị, những người thân tín nhất của họ Giang và giới thạo tin quốc tế về Trung Quốc đã rất bất ngờ trước quyết định thoái vị này. Tất cả đều nghĩ rằng đây chỉ là quả bong bóng của họ Giang tung ra để đón nhận những lời mời lưu nhiệm như đã xảy ra hai năm trước đây.

Cuối cùng sự kiện đã diễn ra ngoài ý muốn của mọi người, ngày 19-9 đơn xin từ chức của ông Giang đã được Hội nghị trung ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc thông qua với đa số phiếu.

Cũng nên biết, trước khi nhường chức chủ tịch nước cho Hồ Cẩm Đào năm 2003, Giang Trạch Dân đã thương lượng khá gay gắt để tiếp tục giữ chức chủ tịch ủy ban quân ủy trung ương. Đây là một khó chịu đối với đại đa số những người lãnh đạo Trung Quốc, kể cả các tướng lĩnh trước đó đã từng ủng hộ ông, nhưng không để lộ ra ngoài. Hầu như tất cả các cấp lãnh đạo cộng sản Trung Quốc đều đồng ý rằng sẽ không để những tranh chấp nội bộ ảnh hưởng đến sự phát triển của Trung Quốc ít nhất cho tới ngày khai mạc Thế vận hội Bắc Kinh 8-8-2008.

Tuy nhiên, nếu nhìn kỹ, người ta vẫn có thể thấy cuộc đọ sức ngấm ngấm bắt đầu xảy ra từ cuối năm 2002 giữa Hồ Cẩm Đào - tổng bí thư Đảng Cộng Sản Trung Quốc, người đứng đầu một tổ chức chính trị lớn nhất thế giới với 68 triệu đảng viên - và Giang Trạch Dân - người nắm giữ quyền lực tối cao trên 1,3 tỷ người trong suốt 15 năm qua và vẫn còn giữ thực quyền trong bóng tối từ sau 2002.

Theo giới thạo tin, có ít nhất ba lý do buộc Giang Trạch Dân phải từ chức :

1. Không còn được các tướng lĩnh ủng hộ

Trong buổi lễ chiêu đãi kỷ niệm 77 năm ngày thành lập quân đội nhân dân do bộ quốc phòng tổ chức ngày 31-7-2004 ở Đại Hội Đường Nhân Dân Bắc Kinh, tướng Tào Cương Xuyên, bộ trưởng quốc phòng kiêm phó chủ tịch quân ủy trung ương, đã ba lần kêu gọi "*chúng ta phải khấn mật đoàn kết chung quanh trung ương đảng đứng đầu là đồng chí tổng bí thư Hồ Cẩm Đào*", và không lần nào nhắc đến tên Giang Trạch Dân. So với một năm trước đó, cũng

chính ông bộ trưởng quốc phòng này đã không ngừng lặp đi lặp lại ba lần "*mọi hành động nhất thiết phải theo sự chỉ đạo của trung ương đảng, của quân ủy trung ương đứng đầu là chủ tịch Giang Trạch Dân*".

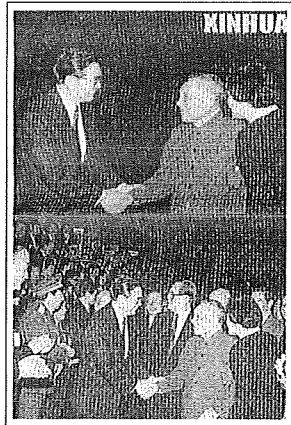
Sự thay đổi thái độ này cho thấy các cấp tướng lĩnh đang ngoảnh mặt với họ Giang. Mặc dầu vậy nó cũng đã diễn ra trong một không khí rất là khó thở vì vây cánh của Giang Trạch Dân vẫn còn mạnh trong các mọi ngành và tại khắp nơi. Tuy Hồ Cẩm Đào được bầu làm chủ tịch của quân ủy trung ương, nhưng hai phó chủ tịch là Đỗ Tài Hậu, chủ nhiệm bộ phận chính trị viên, và tư lệnh không quân, hải quân, pháo binh và quân khu Tế Nam đều là người thân tín của phe họ Giang. Có lẽ đây là cách sắp xếp của họ Giang, và cũng được phe bảo thủ ủng hộ, để phòng khi khẩn cấp (như Đài Loan tuyên bố độc lập) ông sẽ có thể trở lại chính trường. Nhưng tình trạng này sẽ rất khó xảy ra vì người thân tín nhất của họ Giang là tướng Tào Khánh Hồng, phó chủ tịch nhà nước, không có chân quân ủy trung ương vừa mới bầu.

2. Hình họ Giang bị xóa trên các báo chí

Sự trở mặt trắng trợn đối với Giang Trạch Dân là trên báo chí. Từ *Thời Báo Châu Á* (Asia Times), phát hành tại Hồng Kông cuối 8-2004 vừa qua, cho đăng lại ba tấm hình chụp hồi tháng 10-1992, lúc Hồ Cẩm Đào còn là tổng bí thư đảng khu tự trị Tây Tạng vừa được bầu vào ủy ban thường trực Bộ chính trị, mà báo chí Trung Quốc cho đăng lại nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Đặng Tiểu Bình.

Hai tờ báo lớn *Văn Miển báo* (11-8-2004) và *Tân Hoa Xã* (16-8-2004), phát hành tại Bắc Kinh, đăng hình Hồ Cẩm Đào bắt tay Đặng Tiểu Bình có bà Đặng Dung ở bên cạnh, trong khi tờ *Liễu Vọng Đông Phương chu báo* (19-8-2004), phát hành tại Thượng Hải, đăng lại toàn cảnh tấm hình bế mạc Đại hội lần thứ 14 của Đảng Cộng Sản Trung Quốc tháng 10-1992, trong đó có Giang Trạch Dân, Kiều Thạch cùng rất nhiều người khác. Nhưng tất cả hình những người này đã bị đục bỏ trên các tờ báo lớn tại Bắc Kinh.

Có lẽ đây là một truyền thống của chế độ cộng sản Trung Quốc, những lãnh tụ thất sủng đều xóa tên và xóa hình trên các báo nhà nước như Bành Đức Hoài, Lưu Thiếu Kỳ, Lâm Bưu, "bè lũ bốn tên" và Đặng Tiểu Bình trước đây. Điều này cho thấy cuộc đấu đá ở cấp cao tuy kín đáo nhưng rất kịch liệt, những người chống Giang Trạch Dân ủng hộ liên minh con cháu Đặng Tiểu Bình và lãnh tụ mới Hồ Cẩm Đào. Điều này cho thấy thế lực của Giang Trạch Dân vẫn còn rất mạnh tại Thượng Hải, thành trì tài chính và kinh tế của Trung Quốc, những cú đánh phá này càng làm cho hai phe khó xích lại gần nhau hơn.



3. Không còn nắm bắt xu thế thời đại

Khi dịch SARS vừa được phát hiện và gây ra nhiều thiệt hại, Giang Trạch Dân gần như im lặng. Ông không những không đi thăm mà còn không ủy lạo những người đang bị nạn. Có lẽ Giang Trạch Dân không biết rằng Trung Quốc ngày nay rất cần hình ảnh những lãnh tụ gần gũi với dân hơn. Ê-kíp lãnh đạo mới thì ngược lại, Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo không những đi thăm và ủy lạo những người bị nạn, do đó đã tạo được uy tín và tin tưởng trong dân chúng.

Thay đổi trong đường lối ngoại giao

Cuối năm 2002, chính sách ngoại giao của Trung Quốc vẫn còn xếp hạng thứ tự ưu tiên : các nước lớn, các nước láng giềng và các nước đang phát triển. Nhưng từ giữa năm 2003, ban lãnh đạo mới Hồ Cẩm Đào, Ôn Gia Bảo muốn tăng cường quan hệ ngoại giao với các nước xung quanh nên đã đổi lại như sau : các nước láng giềng, các nước lớn. Có lẽ ban lãnh đạo muốn cảnh giác trước sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ. Điều này thể hiện qua thái độ tích cực của Trung Quốc trong các cuộc họp về Bắc Triều Tiên, Hiệp định mậu dịch tự do (FTA) với các nước Đông Nam Á, hội nghị ASEM ở Hà Nội đầu tháng 10 vừa qua.

1. Quan hệ với Nhật Bản

Để phát triển đất nước mình và để ổn định khu vực, Trung Quốc rất cần sự hợp tác của Nhật. Trong buổi gặp gỡ gần đây nhân dịp chủ tịch quốc hội Nhật viếng thăm Trung Quốc, ông Hồ Cẩm Đào tuyên bố : *"Quan hệ Trung-Nhật là một trong những quan hệ song phương quan trọng nhất trên thế giới"*. Điều này cho thấy ban lãnh đạo mới của Trung Quốc có cái nhìn khác với họ Giang trước đó.

Thế hệ Giang Trạch Dân là thế hệ cách mạng đời thứ hai, có nhiều kinh nghiệm cay đắng với Nhật trong cuộc chiến 1936-1945. Từ sau thập niên 1980, mặc dù có nối kết lại những quan hệ ngoại giao và kinh tế nhưng ban lãnh đạo họ Giang vẫn còn giữ ấn tượng Nhật Bản muốn bành trướng và áp đặt chủ nghĩa kinh tế nước lớn.

Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo thì ngược lại, hai ông sinh năm 1942, thuộc thế hệ cách mạng thứ ba, không có ký ức về chiến tranh với Nhật, lớn lên trong cố gắng hòa bình và phát triển đất nước, có học thức và hiểu biết tình hình thế giới. Ban lãnh đạo mới này chỉ muốn sống hòa bình, do đó rất cần Nhật Bản trong cố gắng phát triển đất nước.

2. Quan hệ với Đài Loan

Trước kia, để chứng tỏ lòng yêu nước, yêu cách mạng, hầu hết các lãnh tụ từ Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình đến Giang Trạch Dân đều hô hào "đem Đài Loan về lại mẫu quốc", bằng vũ lực nếu cần và đều đã thất bại.

Với ban lãnh đạo hiện nay, vấn đề thống nhất Đài Loan bằng vũ lực không còn đặt ra nữa. Mặc dầu vẫn tiếp tục xác nhận Hoa lục và Đài Loan đều là những bộ phận của Trung Quốc, Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo chủ trương duy trì tốt quan hệ qua lại giữa hai vùng biển, và có nhiều khả năng cho thấy ban lãnh đạo mới chấp nhận thống nhất với Đài Loan kiểu liên bang, nghĩa là ngang hàng với nhau chứ không còn phân biệt ai là chính quyền trung ương, ai là

chính quyền địa phương.

Quan điểm mới này phù hợp với ước muốn của Mỹ nên chính quyền Bush cũng đã yêu cầu chính quyền Đài Loan không nên tuyên bố độc lập. Sự thành công này có được là nhờ có sự góp ý của các chuyên gia. Ban lãnh đạo mới ý thức rằng cho dù có thống nhất được với Đài Loan bằng bạo lực, họ sẽ bị thế giới lên án và Thế Vận Hội 2008 sẽ bị tẩy chay, sự thiệt hại sẽ rất khó lường.

Trước sự thay đổi này, Đài Loan chỉ có lợi. Giữa lúc trao đổi thương mại của Đài Loan với các quốc gia tiên tiến (Mỹ, Nhật, châu Âu) đều bị lỗ, trao đổi thương mại với Trung Quốc thì có lời. Năm 2003 tổng số thương vụ với Trung Quốc lên đến 40 tỷ đô la, Đài Loan thu về 27 tỷ đô la tiền lời. Thật ra Trung Quốc còn cần rất nhiều tư bản và kỹ thuật của Đài Loan, sự thành công và phát triển hiện nay có được phần lớn nhờ vào số tiền đầu tư của Đài Loan.

3. Quan hệ với các quốc gia Đông Nam Á

Để duy trì tốc độ phát triển và ổn vững của Trung Quốc, ban lãnh đạo tăng cường những quan hệ láng giềng tốt với các quốc gia Đông Nam Á bằng đường lối hòa bình qua các hội nghị liên vùng như Hội nghị 38 nước ASEM tổ chức tại Hà Nội đầu tháng 10-2004 vừa qua và Hội nghị các nước APEC tổ chức tại Chile trong tháng 11 này. Trong Hội nghị ASEM, thủ tướng Ôn Gia Bảo cũng đã thành công trong những hội đàm song phương với hầu hết các nước tham dự hội nghị châu Âu, châu Úc đến châu Á.

Trung Quốc đã ký kết Hiệp ước mậu dịch tự do (FTA) với Singapore và Mã Lai, gia tăng lượng hàng trao đổi. Trung Quốc cũng đã đầu tư vào khu "Tam giác vàng", nơi sản xuất á phiện lớn nhất thế giới, để cùng với Thái Lan và Miến Điện biến Cảnh Hồng (Vân Nam) thành trung tâm kinh tế phát triển nhất vùng thượng nguồn sông Mêkông, chấm dứt thời kỳ vàng son của những chúa tể á phiện trong vùng.

Với Việt Nam, ban lãnh đạo của Trung Quốc không nhắc lại những hiệp định biên giới đã ký mà chỉ gia tăng ký kết những hiệp ước trao đổi thương mại mới. Bắc Kinh khuyến khích các công ty tư nhân và các công ty liên doanh đầu tư sang Việt Nam để sản xuất, chế tạo, gia công ô-tô, tin học, phụ tùng xe hơi, xe gắn máy, dụng cụ vệ sinh, và mua gạo và cà phê của Việt Nam. Thủ tướng Ôn Gia Bảo còn yêu cầu Việt Nam gia tăng xuất khẩu lao động sang Quảng Đông và Thượng Hải cho đến năm 2010.

Về những tranh chấp trên biển Đông, chủ trương của ban lãnh đạo là không dùng sức mạnh quân sự để đe dọa hay chiếm đóng thêm những hải đảo mới, nếu có tranh chấp thì sẽ tìm cách giải quyết trong hòa bình. Nhưng Trung Quốc sẽ không trả lại những hải đảo nào đã chiếm, Bắc Kinh muốn giữ nguyên trạng tình hình hiện nay trên biển Đông.

Nói tóm lại, ban lãnh đạo của Trung Quốc hiện nay là những người thuộc thế hệ trẻ, có kiến thức và biết nhận xét, đã đưa ra những chính sách phù hợp với trào lưu tiến hóa của loài người, nghĩa là cùng nhau chia sẻ phúc lợi của thế giới trong hòa bình và tương ái.

Machida Trinh Nguyên (Tokyo)

Quyền con người

Nguyễn Gia Kiểng

Quyền con người, cũng như tự do, dân chủ và môi trường, đã trở thành những giá trị phổ cập không thể chối cãi. Ngay cả các chế độ bạo ngược nhất cũng không còn phản bác sự đúng đắn của quyền con người nữa.

Chúng ta có thể mừng rằng cuộc tranh luận quyền con người đã ngã ngũ, quyền con người đã được nhìn nhận là một giá trị phổ cập. Nhưng cũng chính vì không còn thảo luận nữa mà quyền con người có nguy cơ trở thành mơ hồ; người ta cảm nhận như là một điều hiển nhiên nhưng không thể giải thích một cách minh bạch và do đó không thể tranh đấu cho nhân quyền một cách thuyết phục và hiệu lực. Chưa kể là còn có thể không hiểu đúng và lý luận lệch lạc. Đây không phải chỉ là một giả thuyết, trong nhiều trường hợp đã thực sự có những phát biểu rất đáng buồn. Có những người tuyên bố chỉ tranh đấu cho nhân quyền chứ không "làm chính trị"; họ coi hoạt động nhân quyền như một hành động từ thiện mà quên, hay không biết, rằng nhân quyền bao giờ cũng *thuần túy* là một vấn đề chính trị. Tệ hơn nữa, còn có người tự nhận là tranh đấu cho dân chủ nhưng lại phân biệt những quyền cấp một (gồm quyền được ăn no, mặc ấm, săn sóc sức khỏe và những quyền tương tự) cần được thỏa mãn ngay, và những quyền cấp hai (gồm các quyền tự do chính trị và văn hóa) có thể trì hoãn, mà không hiểu rằng ngay cả những chính quyền độc tài cũng không còn lý luận như vậy nữa. Những quyền gọi là "cấp một" thực ra chỉ là quyền con vật chứ không phải quyền con người. Bản *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền*, được cả thế giới văn minh nhìn nhận, không có sự phân biệt này. Vấn đề chỉ là chọn đứng về phía thế giới văn minh hay chọn làm đồng lõa với những chế độ chà đạp nhân quyền mà thôi. Và tại sao, vì lý do siêu hình nào, căn cứ vào kinh nghiệm cụ thể nào, các quyền tự do chính trị và văn hóa lại mâu thuẫn với cơm no áo ấm?

Sự thiếu kém tư tưởng của người Việt Nam biểu lộ qua chính một danh xưng đã thành thói quen: bản *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền*. Cụm từ này được dùng để dịch cụm từ Universal Declaration of Human Rights (tiếng Pháp là Déclaration Universelle des Droits de l'Homme). Dịch như vậy không những sai mà còn trái nghĩa. Universal có nghĩa là phổ cập, nghĩa là phải được coi là đúng ở mọi nơi, bởi mọi người. Quốc tế (International) là giữa các nước. Đáng lẽ phải gọi là *Tuyên Ngôn Phổ Cập Về Quyền Con Người* hay *Tuyên Ngôn Toàn Cầu Về Nhân Quyền*. Từ "quốc tế" không những chỉ sai mà còn phản nghĩa vì nó làm người ta hiểu lầm rằng nhân quyền là một vấn đề trong bang giao giữa các quốc gia mà không kể đến những gì xảy ra trong mỗi quốc gia, trong khi đây là văn kiện khẳng định quyền của mỗi cá nhân. Về nội dung nó là một bản tuyên ngôn của tự do cá nhân, không phân biệt quốc tịch, địa lý, chủng tộc, hay bất cứ một tiêu chuẩn nào, mà mọi người, mọi

đoàn thể và mọi nhà nước phải tôn trọng (1). Những lần cần và sai lệch như vậy chứng tỏ rằng thảo luận lại để nhìn rõ hơn về quyền con người vẫn còn cần thiết.

Cụm từ "quyền con người", hay nhân quyền, đặt ra ít nhất bốn câu hỏi: Con người mà chúng ta nói đến là con người nào? Ai ban phát những quyền này và nhân danh cái gì? Những quyền con người là những quyền nào? Tất cả những quyền ấy có ngang hàng với nhau không, hay có những quyền phải được tôn trọng một cách tuyệt đối, tức khác và toàn diện, và những quyền khác chỉ có thể thỏa mãn theo từng hoàn cảnh?

Câu hỏi "con người nào?" không giản dị như người ta tưởng. Đã phải mất hơn hai thế kỷ tranh cãi người ta mới đạt tới câu trả lời dứt khoát: đó là *mỗi cá nhân*, không phân biệt theo bất cứ tiêu chuẩn nào. Đó là tôi, là bạn, là bất cứ *mỗi người* nào mà chúng ta có thể gặp, hoặc biết tới, hoặc nghĩ tới. Con người phổ cập này một mặt khá trừu tượng vì không chỉ định riêng một cá nhân nào cả, nhưng mặt khác lại rất cụ thể vì thể hiện một cách toàn diện trong mỗi cá nhân. Đây là một vấn đề triết lý tế nhị. Tại Tây Âu và Hoa Kỳ, con người này, mà *đặc tính cốt lõi là phải được nhìn nhận và tôn trọng vì có những quyền căn bản không thể xâm phạm*, dù đã manh nha với Phật giáo, Thiên Chúa giáo và tư tưởng cổ Hy Lạp, đã chỉ được thực sự thai nghén từ thế kỷ 16, giai đoạn cuối của thời Phục Hưng, và ra chào đời cuối thế kỷ Ánh Sáng (thế kỷ 18), trong đó sự xuất hiện của đạo Tin Lành một cách vô tình đã góp phần đáng kể. Các nước châu Á và châu Phi chỉ thực sự biết đến cá nhân sau khi tiếp xúc với phương Tây. Trước khi cá nhân xuất hiện chỉ có *con người thành viên* của một đoàn thể hay một đẳng cấp nào đó. Con người thành viên này không có sự hiện hữu độc lập và những quyền riêng biệt.

Sự ra đời của con người phổ cập này đã rất khó khăn, sự trưởng thành của nó cũng khó khăn không kém. Cho đến cuối thế kỷ 20, và một phần nào đó ngay trong lúc này, vẫn còn có những người không thừa nhận sự hiện hữu của cá nhân độc lập. Hai triết gia lớn cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19 là Edmund Burke và Joseph de Maistre phủ nhận con người phổ cập, mà họ gọi "con người trừu tượng", một cách quyết liệt. Đối với họ chỉ có con người thuộc một chủng tộc, một quốc gia, một tôn giáo hay một giai cấp mà thôi. Trong suốt hai thế kỷ 19 và 20, Karl Marx và trường phái của ông cũng phủ nhận một cách thù ghét cá nhân và chủ nghĩa cá nhân. Marx định nghĩa cá nhân như là "*con người tách biệt khỏi xã hội*" và đồng hóa nó với sự vị kỷ. Các chế độ cộng sản không biểu quyết bản *Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền* và chà đạp trắng trợn con người không khác gì các chủ nghĩa phát-xít, quốc xã.

Cá nhân (individu), tức con người phổ cập, đã chỉ được nhìn nhận và tôn trọng (ít nhất trên lý thuyết) nhờ hai sự kiện : một là các nước dân chủ, lấy chủ nghĩa cá nhân làm nền tảng, đã thành công hơn hẳn các chế độ chuyên chính chà đạp con người ; hai là các tiến bộ về khoa học và nhân chủng học đã chứng minh được rằng quả nhiên có một giống người, khác hẳn với các động vật khác, có cấu tạo như nhau, những khả năng bẩm sinh như nhau, những bản năng, ước vọng và suy tư giống nhau, và chia sẻ với nhau một số giá trị chung. Có thể nói khám phá trọng đại nhất của loài người đã là khám phá ra chính mình, khám phá ra cá nhân.

Những gì vừa nói trên đây có thể bị một số người coi là mộng lung. Họ lầm. Sự không biết đến cá nhân đã có những hậu quả, triết lý cũng như cụ thể, rất trầm trọng.

Một thí dụ là trường phái Lãng Mạn (Romanticism) tại châu Âu đã bị trôi dạt rất xa khỏi tinh thần khởi đầu của nó chỉ vì sự thiếu vắng của cá nhân. Trường phái này bắt đầu bằng một tuyên ngôn tự do tuyệt đối : "Tôi không cần phải giống ai cả, tôi không bị ràng buộc vào một hệ thống giá trị nào cả, tôi tự tạo cho mình những giá trị của riêng mình". Tôi tự cho tự do tuyệt đối để sáng tạo. Nhưng "tôi" là ai ? Vào lúc đó (thế kỷ 17) cá nhân chưa xuất hiện, và lại trường phái Lãng Mạn đã phủ nhận cá nhân khi khẳng định "tôi không giống ai cả", trong khi nền tảng của khái niệm cá nhân chính là niềm tin có một giống người trong đó mỗi thành viên có những khả năng giống nhau và chia sẻ một số giá trị. Sự thiếu vắng cá nhân đã tức khắc biến cái tôi lãng mạn thành cái tôi tập thể : nhà nước, đảng, tôn giáo. Cái tôi mà người ta tuyên bố giải phóng lúc ban đầu chẳng còn gì cả, nó chỉ như viên gạch trong một lâu đài, và chỉ có lâu đài là đáng kể. Cái tự do tuyệt đối bất chấp mọi giá trị mà người ta định dành cho "tôi" biến thành tự do tuyệt đối của tập thể, đúng hơn là quyền muốn làm gì cũng được của người cầm quyền. Từ đó nảy ra những khẩu hiệu "tổ quốc trên hết", "đảng đã quyết định như thế", "dân làm chủ" nhưng "dân" không là ai cả mà chỉ có người đại diện toàn quyền là đảng và nhà nước. Đảng và nhà nước không thể sai vì không bị ràng buộc bởi một hệ thống giá trị nào cả. Lenin đã nói một câu chắc nịch như nhát búa của đao phủ : "Đạo đức là những gì tốt cho đảng cộng sản", các tín đồ của Lenin tại Việt Nam cũng ngạo nghễ không kém : "Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội" (phải hiểu : chống chủ nghĩa xã hội là phản quốc). Sự vắng bóng của cá nhân đã khiến cho trường phái Lãng Mạn, một phong trào có mục tiêu giải phóng và sáng tạo lúc ban đầu, biến thành nhà hộ sinh cho những chủ nghĩa chuyên chính cộng sản, phát-xít, quốc xã Đức, quân phiệt Nhật. Đây là sự hoại loạn (perversion) lớn nhất trong lịch sử tư tưởng thế giới.

Một thí dụ khác. Nước Pháp thường tự hào là quê hương của nhân quyền. Họ coi bản *Tuyên Ngôn Quyền Con Người và Quyền Công Dân* (Déclaration des Droits de l'Homme et du Citoyen) năm 1789 có giá trị tương đương với bản *Tuyên Ngôn Độc Lập* của Hoa Kỳ năm 1776. Điều này sai, điểm khác biệt lớn giữa hai văn kiện này là định nghĩa con

người. Con người trong bản tuyên ngôn của Hoa Kỳ là cá nhân, vừa phổ cập và trừu tượng vì không là riêng ai, vừa rất cụ thể vì có thể là bất cứ người nào trên thế giới. Con người trong bản tuyên ngôn của Pháp là một công dân Pháp. Người Pháp cũng đề ra những quyền căn bản và phổ cập của con người, nhưng hầu như họ chỉ nhìn nhận những quyền này cho người Pháp. Thái độ này thể hiện một cách cụ thể trong tư tưởng chính trị Pháp : cho đến thế chiến II Pháp là một đế quốc thực dân, thực hiện dân chủ tại nước họ nhưng chà đạp nhân quyền tại các thuộc địa. Người dân các thuộc địa không được nhìn nhận là *công dân* (citoyen) Pháp, họ chỉ được coi là *thần dân Pháp* (sujet français). Hoa Kỳ, cái nôi thực sự của quyền con người và chủ nghĩa cá nhân, không có thuộc địa. Nước Anh, gần với văn hóa Mỹ hơn, tuy cũng có thuộc địa nhưng đối xử với các thuộc địa theo một tinh thần rất khác với Pháp. Họ coi mối liên hệ với các thuộc địa là liên lạc thương mại ; nếu cần họ giúp các thuộc địa lập ra các quốc gia để làm những đối tác bình đẳng với họ, như trường hợp Úc, Canada, Mã Lai và Ấn Độ. Họ tôn trọng quyền con người trong các thuộc địa bởi vì họ có ý niệm rõ ràng về cá nhân. Đối với họ, con người là con người. Đối với Pháp, con người trước hết là người Pháp, người Ý, người Việt, người Congo, v.v. (2).

Những thí dụ trên cho thấy vai trò nền tảng của cá nhân và chủ nghĩa cá nhân. Vắng bóng cá nhân những tư tưởng tốt đẹp cũng trở thành bệnh hoạn.

Ai ban phát quyền con người và nhân danh cái gì ?

Câu hỏi này giản dị hơn nhiều so với câu hỏi "con người nào ?" trên đây. Bản *Tuyên Ngôn Độc Lập* của Hoa Kỳ trả lời một cách giản dị và dứt khoát : thượng đế tạo ra con người và ban cho con người những quyền cơ bản, không thể bị tước đoạt, không thể chuyển nhượng và không thể tiêu hao với thời gian. Khẳng định này rập khuôn theo tư tưởng chính trị của John Locke (1632-1704). Có những câu được chép gần như nguyên văn từ tác phẩm *Tổng Luận Về Chính Quyền Dân Sự* (Second Treaty of Civil Government) của ông. Như vậy thượng đế là căn bản chính đáng của quyền con người và vì thượng đế là tối cao nên quyền con người cũng là tối cao, và là *quyền tự nhiên*.

Bản *Tuyên Ngôn Quyền Con Người và Quyền Công Dân* năm 1789 dựa trên một nền tảng chính đáng khác : đó là "các đại biểu của nhân dân Pháp họp thành đại hội" tuyên bố các quyền con người và công dân với sự chứng giám của Đấng Tối Cao (l'Être Suprême). Như vậy tính chính đáng của tuyên ngôn này bị giới hạn. Trước hết là về tính phổ cập, nếu những quyền này do một hội đồng đại biểu của nhân dân Pháp quyết định thì một hội đồng đại biểu của một dân tộc khác (thí dụ dân tộc Libya) cũng có quyền qui định một cách khác. Mặt khác lại có thêm khái niệm "công dân", một khái niệm chính trị và một tư cách do chính quyền nhìn nhận, như vậy không áp dụng cho những người không được coi là công dân. (Ở đây xin mở một ngoặc đơn để chú thích về một vấn đề từ ngữ chính trị Việt Nam. Khái niệm *xã hội dân sự* (civil society) được một số tác giả dịch ra tiếng Việt là "xã hội công dân". Tôi không đồng ý với

cụm từ này ; một người dù không được nhà nước cộng sản Việt Nam coi là công dân vẫn là một người và do đó vẫn có những quyền cơ bản, một trong những quyền này là quyền tham dự vào các đoàn thể, nghĩa là hiện diện trong xã hội dân sự). Sau cùng, ngay trong nội bộ một dân tộc, cái gì một hội đồng quyết định thì sau đó một hội đồng khác có thể bãi bỏ, Đấng Tối Cao có hiện diện hay không cũng bất lực. Tóm lại, tính chính đáng của bản Tuyên Ngôn Quyền Con Người và Quyền Công Dân của Pháp bị giới hạn cả về không gian lẫn thời gian.

Những quyền con người trong Tuyên Ngôn Độc Lập của Mỹ như vậy có tính chính đáng vững mạnh hơn nhiều. Nhưng bản tuyên ngôn này lấy thượng đế làm nền tảng chính đáng cho quyền con người nên một câu hỏi được đặt ra : nếu tôi không phải là tín đồ Thiên Chúa giáo và không tin ở sự hiện hữu của thượng đế thì sao ? Ngay từ thế kỷ 17, giữa một châu Âu Thiên Chúa giáo, đã có những nhà tư tưởng (như Grotius) tuyên bố đồng ý "dù có Thượng Đế hay không thì những quyền cơ bản của con người vẫn thế". Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (cụm từ sai lầm đáng tiếc này đã trở thành thông dụng !) một phần nào đã giải quyết trên lý thuyết nền tảng chính đáng của quyền con người : đó là cộng đồng các quốc gia, thay mặt cho Nhân Loại, tự khẳng định những quyền căn bản của con người. Đây là một bước tiến lớn của loài người trên lộ trình tự giải phóng mình và khẳng định chính mình. Tuy nhiên bước tiến này vẫn chưa đủ xa và đủ mạnh, bởi vì Liên Hiệp Quốc vẫn còn chấp nhận những thành viên chà đạp trắng trợn quyền con người, như Trung Quốc, Việt Nam, Cuba và nhiều nước khác ; đại biểu các nhà nước này nhiều khi hiện diện ngay trong ủy ban nhân quyền của Liên Hiệp Quốc. Như vậy thì cuộc chinh phục tự do của con người vẫn chưa xong.

Tương lai sẽ ra sao ? Cần nhận định một cách dứt khoát là các quyền căn bản qui định trong Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền này - tự do cư trú, tự do chọn lựa nghề nghiệp, tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận và thông tin, tự do thành lập và tham gia các tổ chức, tự do bầu cử và ứng cử, v.v. - định nghĩa rõ rệt một chế độ dân chủ. Bản tuyên ngôn này cũng chính là Tuyên Ngôn Dân Chủ. Như vậy, quyền con người sẽ chỉ được thể hiện trọn vẹn khi dân chủ trở thành trật tự mới của thế giới. Chúng ta có mọi lý do để tin tưởng rằng trật tự này sẽ được thực hiện trễ nhất là trong một hai thập niên nữa. Lúc đó thế giới sẽ quả thực bước vào thời đại văn minh.

Những quyền nào và theo thứ tự nào ?

Câu hỏi này phức tạp hơn và sẽ luôn luôn cần được thảo luận và cập nhật. Một cách tóm lược ta có thể phân biệt hai loại quyền : những "quyền không bị" (freedoms from / droits-libertés) và những "quyền được có" (freedoms to / droits-créances).

Những quyền không bị là những quyền căn bản tối thiểu : không bị xâm phạm tới cơ thể, gia đình, tài sản ; không bị cấm đoán phát biểu lập trường, thu nhận và phổ biến thông tin ; không bị cấm cản thành lập và tham gia các tổ

chức, ứng cử và bầu cử, v.v. Những quyền này qui định một không gian cá nhân mà nhà nước hay bất cứ ai không thể xâm phạm. Đó là những quyền tự do căn bản.

Những quyền được có là những gì cá nhân có thể đòi hỏi ở cộng đồng, đặc biệt là nhà nước, thí dụ như quyền được có một lợi tức bảo đảm một mức sống xứng đáng về thực phẩm, sức khỏe, nhà ở ; được hưởng giáo dục miễn phí, được trợ cấp sinh đẻ và nuôi con, được có công ăn việc làm và được hưởng một số ngày nghỉ có trả lương, v.v. (những điều 23, 24, 25 và 26 của Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền).

Tùy theo thứ tự ưu tiên dành cho hai loại quyền này mà tự do hay bình đẳng được coi trọng hơn. Những quyền không bị bảo đảm tự do, trong khi những quyền được có có mục đích bảo đảm một mức độ bình đẳng nào đó để tự do không phải chỉ là một khái niệm trừu tượng và có thể rỗng nghĩa đối với những người yếu đuối hoặc thiếu may mắn (quyền tự do đi du lịch ở Bahamas có ý nghĩa gì khi tôi không có tiền ngay cả để mua thực phẩm ?). Cuộc thảo luận về ưu tiên giữa hai loại quyền đã rất gay go, có lúc dữ dội, đôi khi đẫm máu. Các chế độ cộng sản đã hứa hẹn những quyền được có và nhân danh lời hứa không hề được thực hiện này để xóa bỏ những quyền không bị.

Một cách khách quan và lương thiện, chúng ta có thể đưa ra một vài nhận định. Trước hết, thực tế cho thấy các xã hội tôn trọng tự do cũng là những xã hội phồn vinh nhất và tự do không phải là hậu quả mà là nguyên nhân của phát triển, bởi vì các xã hội dân chủ và phát triển đã chọn tự do kể từ lúc họ chưa phát triển, như Hoa Kỳ từ ngày lập quốc, và nhờ đó đã phát triển nhanh. Nhân quyền và dân chủ chưa bao giờ ngăn cản một dân tộc trở thành giàu mạnh. Đây là một tin vui vì nó chứng tỏ khả năng lớn của con người. Con người tự do có khả năng làm ra những phép màu. Mặt khác, các quyền được có, dù không ai có thể phủ nhận tinh thần quảng đại của chúng, cần được quan niệm một cách dè dặt. Chúng ta chỉ có thể đòi hỏi nhiều ở nhà nước nếu ngược lại chúng ta chấp nhận cho nhà nước khá nhiều quyền. Càng đòi hỏi ở nhà nước bao nhiêu thì càng phải chấp nhận một nhà nước càng ngày càng bấp bênh và không gian cá nhân càng bị thu hẹp bấy nhiêu. Và quyền lực để ra tham nhũng và lạm quyền, với hậu quả là áp bức và nghèo khổ. Nhà nước tốt nhất vẫn là một tối thiểu, chỉ còn lại vấn đề thế nào là tối thiểu, một vấn đề tế nhị. Phải hết sức thận trọng đối với nhà nước. Con người nói chung vừa mong manh vừa không thông thái. Nếu không được bảo đảm một không gian tự do cá nhân bất khả xâm phạm, nó có nguy cơ bị giảm thiểu đến chỗ không còn gì. Từ chỗ làm cho người dân, người cầm quyền rất dễ đi đến chỗ làm thay cho người dân, suy nghĩ thay cho người dân, quyết định những gì là tốt cho người dân, những gì người dân nên biết và không nên biết, phải làm và không được làm. Các quyền được có đã là lý cơ để các chế độ cộng sản, quân phiệt, phát-xít, quốc xã tước bỏ những quyền phải có, nghĩa là những quyền không bị, tạo ra những tai họa kinh khủng trong thế kỷ 20.

Chìa khóa để giải đáp bài toán này không phải là kỹ thuật mà là triết lý. Một lần nữa chúng ta không được quên một yếu tố căn bản : con người, với tất cả những khả năng, thiếu sót và yếu kém của nó. Con người có giới hạn cho nên không thể xây dựng ra được những xã hội tuyệt hảo. Những giá trị cao quý nhất thường mâu thuẫn với nhau. Chọn tự do tuyệt đối, chúng ta để cho kẻ mạnh đàn áp kẻ yếu, sói ăn thịt cừu ; chọn bình đẳng tuyệt đối, chúng ta phải cấm kinh doanh để đừng ai giàu có hơn ai và đóng cửa các trường đại học để đừng ai thông thái hơn ai. Cũng thế, sáng tạo mâu thuẫn với ổn định, công lý không phải lúc nào cũng thể hiện được sự bao dung. Chúng ta luôn luôn phải thỏa hiệp, đó là bất buộc của loài người. Tìm thỏa hiệp tối ưu là nghệ thuật và sự quyến rũ của hoạt động chính trị.

Nếu cần phải có một nguyên tắc cho hoạt động chính trị để đừng bị trôi giạt như người đi biển không la bàn thì ta có thể nói : con người phải được tôn trọng trước hết, xã hội sẽ phải làm tối đa cho mỗi thành viên trong chừng mực khả năng của nó. Nói khác đi, các quyền tự do căn bản, các quyền không bị phải được tôn trọng trước, các quyền được có sẽ ngày càng tăng, và sẽ mãi mãi tiếp tục tăng lên, cùng với sự gia tăng phần vinh của xã hội. Một xã hội quảng đại nhất cũng chỉ có thể cho những gì nó có.

Tranh đấu cho nhân quyền

Một người bạn ở Mỹ rất tận tụy tranh đấu cho nhân quyền trong gần hai thập niên qua ghé Paris thăm tôi mùa hè này. Anh đặt câu hỏi : "Tại sao nhân quyền bị chà đạp tại Việt Nam như vậy mà chúng ta vẫn chưa có được một phong trào nhân quyền mạnh ?".

Chính tôi cũng đặt một câu hỏi tương tự : "Tại sao chế độ cộng sản đã kéo dài ba mươi năm rồi mà chúng ta vẫn chưa hình thành được một tập hợp dân chủ có tầm vóc ?". Chắc chắn là dân tộc Việt Nam đã quá mệt mỏi vì nghèo khổ và vì đã trải qua một cuộc chiến dài và đẫm máu, nhưng một phần của câu trả lời có lẽ là chúng ta chưa nhìn rõ vấn đề. Chúng ta vẫn còn phân biệt nhân quyền và chính trị, đấu tranh cho nhân quyền và đấu tranh cho dân chủ, và do đó phân tán lực lượng. Nhân quyền bao giờ cũng là một vấn đề chính trị. Một tổ chức nhân quyền quốc tế như Amnesty International hoặc Human Rights Watch có thể phi chính trị, bởi vì họ bảo vệ nhân quyền cho các nước khác, nhưng cuộc tranh đấu vì nhân quyền, tức là vì tự do, dân chủ, cho chính nước mình không thể nào khác hơn là một cuộc đấu tranh chính trị. Cả hai tài liệu gốc rễ của bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền - Tuyên Ngôn Độc Lập của Hoa Kỳ năm 1776 và Tuyên Ngôn Quyền Con Người và Quyền Công Dân năm 1789 của Pháp - đều là thành quả của những đấu tranh chính trị rất khốc liệt.

Sau cùng, để tạm kết luận, chúng ta cần lưu ý tới ý nghĩa triết học của chính khái niệm "quyền". Quyền thuộc về luật và vì thế nó phải thẳng thắn, nó không thể chấp nhận thỏa hiệp trên những điểm cơ bản, nếu không nó không còn là quyền. Quyền luôn luôn đối nghịch với thực

tại ; nhân danh thực tại để hy sinh quyền là một thái độ đầu hàng hèn nhát ; quyền đòi hỏi nhìn thực tại với con mắt của con người chứ không chấp nhận để nhìn con người từ thực tại ; sự phản kháng là cốt lõi của quyền. Quyền cũng không thể chấp nhận sự vô lý ; nó là thành quả của trí tuệ và nó không thể tách ra khỏi sự hợp lý vì trí tuệ là nền tảng chính đáng của nó. Những gì đúng với khái niệm quyền lại càng đúng với quyền con người bởi vì đó là những quyền bất buộc nhất. Trong cuộc tranh đấu cho nhân quyền, cũng là tranh đấu cho dân chủ, lập trường đúng nhất là không nhân nhượng, đòi hỏi thực hiện tức khắc và trọn vẹn các quyền tự do cơ bản. Đừng sợ rơi vào bẫy giáo điều, quyền con người chỉ là qui luật tự nhiên của sự sống.

Nguyễn Gia Kiểng

Chú thích :

(1) Bản tuyên ngôn này, cùng với hai công ước, *Cộng Ước về các Quyền Kinh Tế, Xã Hội và Văn Hóa* và *Công Ước về các Quyền Dân Sự và Chính Trị*, được gọi chung là *Công Ước Quốc Tế về Quyền Con Người* (International Bill of Human Rights) qui định những điều mà các nhà nước phải tôn trọng trong các quan hệ với nhau. Tuy nhiên tự bản thân nó bản Tuyên Ngôn Phổ Cập về Quyền Con Người là một tuyên ngôn về quyền của mỗi cá nhân.

(2) Cho đến nay tư tưởng chính trị Pháp vẫn còn rất xa lạ với khái niệm con người phổ cập. Tổng thống Pháp Jacques Chirac đã nhắc lại nhiều lần rằng dân chủ là một xa xỉ phẩm đối với các nước chưa phát triển.

Đã tái bản

TỔ QUỐC ĂN NĂN

của

NGUYỄN GIA KIỂNG

Chó sửa chữa và bổ túc, thêm lời tựa cho lần in thứ hai.

Liên lạc :

Nguyễn Gia Kiểng - 11 Mail Le Corbusier,
77185 Lognes, France - Email : kqhh@aol.com

Giá bán (đã kể cước phí bưu điện) :

- Tại châu Âu : 30 Euro, chi phiếu xin đề : **Nguyễn Gia Kiểng**, và gửi về địa chỉ như trên.

- Tại Hoa Kỳ : 35 USD, chi phiếu xin đề : **Nguyen Ngoc Oanh**, và gửi về địa chỉ : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151, USA. Email : vnt29@yahoo.com.

- Tại Úc : 50 AUD, chi phiếu xin đề : **Thu S. Duong**, và gửi về địa chỉ : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl, NSW 2196, Australia.

Có bán tại nhà sách **KHAI TRÍ**, 93 avenue d'Ivry, 75013 Paris. ĐT : 01 45 82 12 40 hay 01 45 82 95 81 ; và nhà sách **SUD-EST ASIE**, 17 rue du Cardinal Lemoine, 75005 Paris. ĐT : 01 43 25 18 04.

Tổ Quốc Ăn Năn đã là cuốn sách chính luận gây thảo luận sôi nổi nhất trong ba năm qua ở cả trong lẫn ngoài nước.

Vụ án siêu nghiêm trọng giữa cung đình Hà Nội :

BỘ CHÍNH TRỊ TÊ LIỆT TRƯỚC THỦ THÁCH HIỂM NGHÈO

*** Một bộ chính trị ốm yếu * Bản báo cáo làm trò cười * Viên đại tướng chuẩn *
* Giải pháp nào đây ? * Như đội đá vá trời * Bệnh tê liệt vì đặc lợi ***

Bộ chính trị ốm nặng

Bộ chính trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện đang "ốm nặng" ; nó ốm về năng lực lãnh đạo, về uy tín trong đảng và trước nhân dân, về khả năng đối phó với các cuộc khủng hoảng. Tổng bí thư tự thú nhận không đủ khả năng, hai lần từ chối trách nhiệm, bị gò ép đóng vai trò nhân vật số một của chế độ ; một chủ tịch nước bị tố cáo "hai nhà, ba đất, bốn xe" ; một thủ tướng đã quá hạn về hưu, cứ bo bo giữ ghế ; một bộ trưởng quốc phòng bị lên án rắp tâm bênh che Tổng Cục 2 làm bậy ; một chủ tịch quốc hội chăm lo việc thông qua hàng đồng luật chỉ để làm cảnh mà không hề quan tâm việc thi hành luật ; một bộ trưởng công an chỉ lo đàn áp những người yêu nước đòi dân chủ cho xã hội, nhắm mắt trước sự lộng hành phá hoại của Tổng Cục 2, v.v.

Bộ chính trị quá yếu, vì thực tế không có ai là "ông số một", là lãnh tụ để điều hòa các ý kiến, để khi cần ra những quyết định mạnh mẽ, chuẩn xác, quả đoán. Dàn hợp xướng Hà Nội thiếu nhạc trưởng, rã ra từng mảng riêng : hành chính, quốc phòng, an ninh, kinh tế, ngoại giao, văn hóa...

Bộ chính trị ốm ! Nó "quên khuấy" việc triệu tập Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ của đảng cộng sản đã định vào đầu năm 2004 mà không thêm xin ý kiến của 150 vị ủy viên trung ương ; nó quên rằng ban chấp hành trung ương về nguyên tắc là cao hơn bộ chính trị, nó tự cho mình cái quyền cho trung ương biết điều gì thì phải chịu. Nó đứng trước nguy cơ bị toàn ban chấp hành trung ương nổi giận, chất vấn về tội vi phạm nguyên tắc, khinh thường cấp trên.

Bản lĩnh kém cỏi của bộ chính trị đặc biệt tỏ rõ trong việc giải quyết vụ án siêu nghiêm trọng Tổng Cục 2 và T4. Bộ chính trị khóa 8 đã lập ban điều tra liên ngành, ban này đã làm việc 6 năm nay, vậy mà bộ chính trị hiện tại vẫn một mực che giấu ban chấp hành trung ương, thậm chí không chuyển cho các ủy viên trung ương những bức thư rất quan trọng của tướng Giáp và tướng Nam Khánh, cũng như rất nhiều thư từ, kiến nghị khác.

Báo cáo quái dị

Bộ chính trị đã có ý kiến gì về bản báo cáo của bộ quốc phòng ngày 24-8-2004 ? Bộ chính trị có chịu mở mắt để thấy đó là bản báo cáo kỳ quặc đến độ quái dị, cấu trúc lộn xộn, câu cú trục trặc, chữ nghĩa tùy tiện, ý tứ lung tung, nguy hiểm về ngoại giao, hờ hênh về chính trị ? "Phản động cấp tiến", "giới tình báo Mỹ", "đài phát thanh RFA"... là cái gì ? Rõ ràng văn phong và chính kiến của những kẻ vô học, mang tính lưu manh hoặc mafia, nằm

trong Tổng Cục 2 lâu nay, dám ngang nhiên đối lốt bộ quốc phòng để tung ra những luận điệu vu cáo những chiến sĩ dân chủ, thù hận với chính phủ và nhân dân Mỹ, đi ngược với đường lối ngoại giao chính thức hiện nay. Báo cáo nêu lên "âm mưu của bọn phản động cấp tiến bôn nhọ, hạ uy tín của Tổng Cục 2", cứ làm như Tổng Cục 2 còn sạch sẽ, còn uy tín lắm ! Rồi "củng cố trục Việt-Mỹ-Trung" là cái trục gì vậy, sau khi dựng đứng chuyện "Hoa Kỳ hứa chi viện cho bọn phản động cấp tiến 4 triệu đô-la ?".

Tôi từng biết rõ công việc thảo công văn rất chặt chẽ, trình độ nghiệp vụ khá cao của văn phòng đảng ủy quân sự trung ương, của bộ tổng tham mưu, của tổng cục chính trị. Chưa bao giờ có văn kiện nào hạ cấp, bôn bác, lảm cẩm, làm nhục bộ quốc phòng đến vậy.

Tướng chuẩn

Kẻ đạo diễn để để ra cái quái thai báo cáo nói trên không ai khác cũng là cha đẻ của Tổng Cục 2 : tướng Lê Đức Anh.

Những tay chân của ông Anh lảm tưởng rằng bản báo cáo kỳ quái ấy sẽ biến Tổng Cục 2 thành nạn nhân oan uổng, bị bôn nhọ, hạ uy tín bởi "bọn phản động cấp tiến"; ngay sau đó, chúng hí hửng được tin tướng Giáp ốm, liền bố trí công phu cho sự xuất hiện đầy khí thế của ông Anh tại lễ kỷ niệm ngày thành lập bộ tổng tham mưu sáng 5-9-2004. Những năm trước, vào dịp này ông Anh chỉ mặc thường phục, năm nay ông thắp đại lễ phục cấp đại tướng và chuẩn bị bài diễn văn thật oách !

Đúng phút khai mạc, ông Anh được bộ hạ là bộ trưởng quốc phòng Phạm Văn Trà mời lên bục thì... tướng Giáp bất ngờ xuất hiện, được chào đón bằng pháo tay và tung hô "như sấm động" - theo thuật ngữ của một nhân chứng tại chỗ. Thế là người ta thấy tướng Anh len lén đánh bài chuẩn, luồn cửa sau như một kẻ gian ; tướng Trà sững sờ như bị trời trồng. Thượng tướng tổng tham mưu trưởng Phùng Quang Thanh liền mời tướng Giáp lên nói chuyện.

Nội dung nói chuyện của ông Giáp làm diên đầu bộ chính trị. Họ đang muốn bóp nghẹt vụ Tổng Cục 2, không cho ban chấp hành trung ương biết thì ông Giáp nói toạc móng heo ra hết. Vì nhắc đến lịch sử của bộ tổng tham mưu, làm sao không nói đến Cục 2 - Cục quân báo, mà sau này ông Anh đã nâng lên thành Tổng Cục 2, tách ra khỏi bộ tổng tham mưu, để trở thành công cụ riêng của ông ta, với biết bao hậu quả tệ hại. Khi ông Giáp lớn tiếng yêu cầu đưa Tổng Cục 2 trở về là Cục 2 của bộ tổng tham mưu thì cả hội trường lại hoan hô như sấm. Bộ chính trị thêm kinh hoàng khi bài nói của ông Giáp được ghi âm đầy đủ trong cả một cuốn phim thời sự .

Ông Anh và bộ hạ càng bội phần cay đắng khi ông Giáp khẳng định rằng những kẻ xấu biến chất, phạm trọng tội trong Tổng Cục 2 chỉ là một nhóm nhỏ, nhưng chiếm giữ những vị trí then chốt, cần xử lý nghiêm minh theo pháp luật, không loại trừ một ai. Đây lại thêm một đòn phân hóa rất lợi hại trong chiến lược phản công của ông Giáp.

Từ Hà Nội, có nhận định : ngày 5-9, thế lực chống ông Anh đã đặt thêm một quả tạ lên bàn cân của phía mình. Thế mất thăng bằng này có tài thánh cũng không đảo ngược nổi.

Giải pháp nào ?

Bộ chính trị Hà Nội nhưc đầu dử dội. Giải pháp bóp nghẹt, tâng lờ, tĩnh bơ như không có gì xảy ra, bịt tai, che mắt ban chấp hành trung ương, khinh thường công luận, rõ ràng đang phá sản. Quân đội ,cựu chiến binh, trí thức, đảng viên thường, cán bộ, viên chức cho đến phó thường dân đều đã biết, bàn tán về các vụ án này.

Bộ chính trị có dám tỉnh táo nhận định tình hình tìm ra giải pháp thích hợp để thoát khỏi thế bị động, buông trôi nguy hiểm hiện nay ?

Bộ chính trị có nhớ rằng trong cuộc họp ban chấp hành trung ương lần thứ 10, khóa 9 vào tháng 8 vừa qua đã có 30 vị chất vấn về vụ Tổng Cục 2 và T4, nhưng bộ chính trị đã "quên" trả lời. Vậy trong cuộc họp lần thứ 11 sắp đến, nếu có 40, 50 hay 60 vị nêu vấn đề thì bộ chính trị còn giả vờ quên được không ?

Và nếu như... ngộ nhớ ra... các nhà báo Mỹ, vài ông bà dân biểu Mỹ, hoặc là nhân viên bộ ngoại giao, chính phủ Mỹ... cất tiếng hỏi rằng : có phải một cơ quan của bộ quốc phòng Việt Nam đã đưa tin là cơ quan CIA của chính phủ Hoa Kỳ đã thọc tay vào nội bộ Việt Nam, mua chuộc từ tổng bí thư, thủ tướng, phó thủ tướng, các ủy viên bộ chính trị và trung ương đảng, nhiều bộ trưởng..., thì các vị sẽ trả lời ra sao, hay lại ngậm hột thị, hay vẫn lặp lại lời người phát ngôn bộ ngoại giao mặt trời trán bóng : đó là chuyện bịa đặt, chuyện dựng đứng của kẻ xấu... ; điều này có thể gây rắc rối cho quan hệ ngoại giao.

Giải pháp "thí mã", cho tướng Trà về vườn xem ra không giải quyết được gì.

Bộ chính trị hãy lắng nghe nhận định khái quát của một vị lão thành cách mạng qua vụ Tổng Cục 2 : bộ chính trị thì bạc nhược ; bộ quốc phòng thì biến chất ; bộ công an thì hèn nhát ; quốc hội và chính phủ thì lảng tránh ; viện kiểm sát và tòa án tối cao thì bù nhìn ; ban tư tưởng văn hóa thì cầm điếu ; nhân dân thì tức tối chờ đợi.

Bộ chính trị là cơ quan lãnh đạo. Lãnh đạo là dự kiến, là đi trước, là chủ động. Trong vụ Tổng Cục 2 và T4, bộ chính trị đã bị động, đã buông trôi, đã từ bỏ trách nhiệm suốt 13 năm nay. Từ "cái sậy đã nảy cái ung", từ cái ung đang có nguy cơ thành căn bệnh ung thư hiểm nghèo, lan nhanh vào lục phủ ngũ tạng của chế độ độc đoán đảng trị, một chế độ đang mất tín nhiệm của nhân dân.

Mọi sự vật có giới hạn. Để xem bộ chính trị còn bị động, còn buông trôi, còn vô trách nhiệm đến độ nào, đến bao giờ.

Chính bộ chính trị yếu đuối, bạc nhược đến mức kỷ lục đang phá hoại chế độ hiện hành.

Cá độ chính trị

Khi thâm cung bí sử lọt ra ngoài, trở thành câu chuyện của nhân dân, của vỉa hè, của đường phố, thành chuyện rĩ tai rôm rả trong các câu lạc bộ quân nhân, Thăng Long, Bạch Đằng, Lao Động, chuyện mua vui của phó thường dân, chuyện giải trí trong tiệm cà-phê... thì chẳng có lực lượng công an nào bóp nghẹt nổi dù cho bộ chính trị có ra đến hàng trăm chỉ thị khẩn cấp.

Tin từ Hà Nội, trong một quán cà-phê, tám thanh niên đánh cá với nhau xem phe tướng Giáp hay phe tướng Anh thắng. Cứ như cá cược bóng đá vậy. Giá đề ra là 100.000 đồng. Hai phía đều nghiên cứu kỹ thế và lực của mỗi bên, chiến lược chiến thuật của hai đối thủ, cứ như là xem giò của cầu thủ bóng đá vậy. Chuyện vỉa hè như thế cho thấy bộ chính trị vẫn cứ tự giam mình trong cung cấm, ôm chặt những thâm cung bí sử đình ninh rằng mình vẫn giữ độc quyền thông tin, trong khi người dân thường đã tỏ tường mọi sự. Sự thật tự mở đường một cách sinh động, muôn vẻ.

Bộ chính trị có nghĩ rằng vào dịp kỷ niệm 60 năm Quân Đội Nhân Dân : 22-12-1944 / 22-12-2004, các lực lượng quân đội nhân dân, cựu chiến binh, thương binh, gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình quân nhân sẽ sôi nổi yêu cầu làm rõ nội dung của vụ án siêu nghiêm trọng Tổng Cục 2 và T4, để khôi phục danh dự cho quân đội. Bộ chính trị sẽ giải thích, ăn nói ra sao đây ?

Có nhiều khả năng bộ chính trị vẫn một mực án binh bất động vì bị tê liệt bởi căn bệnh trầm kha : sợ mất quyền vì quyền lúc này gắn liền với sở hữu bất chính vô vàn đặc lợi, của cải vợ vét chất chồng, còn hơn những bao nặng chịch vàng bạc châu báu kim cương trong chuyện thần thoại Hy Lạp.

Họ vẫn cố công bóp nghẹt vụ án, làm chuyện đội đá vá trời. Mua thời gian, vợ vét gắp.

Do đó màn bi hài kịch chưa thể kết thúc. Cứ như tiểu thuyết trinh thám ly kỳ nhiều tập.

Cuối năm nay và sang năm 2005, sẽ còn nhiều pha gây căm, giết gân, ngoạן mục, phơi bày ra ánh sáng tất cả ung nhọt khiếp đảm của một chế độ độc đoán, trong tay một tập đoàn những kẻ bị bả vật chất cầm tù, đã tự đánh mất lương tâm và nhân tính. Sự tồn tại của nó đang thách thức mọi người Việt Nam yêu nước thương dân, nhất là tuổi trẻ hồn nhiên, kiên cường đứng dậy đòi dân chủ và tự do.

Bùi Tín (Paris, 26-11-2004)

"Quốc gia Việt Nam phải được quan niệm như là một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Trong quan niệm này, nhà nước chỉ là công cụ để thực hiện một đồng thuận dân tộc, đúc kết của những nguyện ước cá nhân được phát biểu một cách tự do. Nhà nước ấy phải ở trong và ở dưới quốc gia, và phải xuất phát từ chọn lựa tự do của dân chúng". (*Thành Công Thế Kỳ 21*, trang 133)

Thư ngày 15-11-2004 của thượng tướng Nguyễn Nam Khánh

LTS : Đây là thư thứ 3 của ông Nguyễn Nam Khánh mà dư luận chờ đợi. Vì khuôn khổ hạn hẹp của tờ báo, chúng tôi đã cắt bỏ một số đoạn không quan trọng với cố gắng giữ nguyên những ý chính của ông Nguyễn Nam Khánh. Trong một đoạn ông Nguyễn Nam Khánh nói rằng nếu đảng cộng sản muốn kỷ luật ông thì cũng phải xét các ông Võ Nguyên Giáp, Chu Huy Mân và nhiều vị khác, điều này xác nhận ông Nguyễn Nam Khánh đã hành động như người phát ngôn của số đông đảo các tướng lĩnh và đảng viên cao cấp trong Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Ngày 15 tháng 11 năm 2004

Kính gửi :

Ban Chấp hành Trung ương Đảng
Bộ Chính trị, Ban bí thư
Đồng chí Bí thư Đảng ủy quân sự Trung ương
Ủy ban kiểm tra Khóa 9
Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Khóa 7 và Khóa 8
Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương

Thưa các đồng chí,

Sở dĩ tôi phải viết thư này, gửi đến các đồng chí, yêu cầu, chất vấn, kiến nghị với các đồng chí, không phải chỉ vì khi truyền đạt tới các đầu mối trong toàn quân, những người thay mặt Đảng ủy quân sự Trung ương đã có một việc làm vô nguyên tắc, xúc phạm đến danh dự của tôi. Điều quan trọng hơn nhiều là vì trách nhiệm của một đảng viên mong muốn Đảng ta luôn luôn vững mạnh trong sạch, tôi thấy trong bản báo cáo của Bộ Quốc phòng trước Hội nghị Đảng ủy quân sự Trung ương mở rộng thông qua, đã có những nhận định không đúng, đi ngược lại đường lối chủ trương của Đảng, mượn danh nghĩa "bảo vệ Đảng, Quân đội, chế độ xã hội chủ nghĩa" để xuyên tạc, vu khống trắng trợn, hòng dọn đường cho bước tiếp theo là lừa dối Đảng, quần chúng để hãm hại, thanh trừng nội bộ, chia rẽ Đảng, phá hoại sức mạnh tinh thần, trí tuệ, dân chủ, đoàn kết của toàn dân, toàn Đảng, của các đồng chí lão thành cách mạng, cựu chiến binh, trí thức nhân sĩ yêu nước và các thế hệ trẻ.

Ngày 24-8-2004, Đảng ủy quân sự Trung ương đã họp mở rộng. Trong cuộc họp này, đã nghe bản báo cáo về "Âm mưu, ý đồ của Mỹ và các thế lực thù địch chống phá Việt Nam - Đông Dương từ nay đến Đại hội 10" (do Tổng cục 2 Bộ Quốc phòng chuẩn bị).

Trong bản báo cáo đó đã nhấn mạnh "hiện nay trong Đảng có tình hình chống phá Quân đội và tập trung mũi nhọn, trước hết là trực tiếp chống phá Tổng cục 2 ngày càng quyết liệt hơn, bôi nhọ Tổng cục 2, gây mâu thuẫn trong Tổng cục 2, "đánh sập" Tổng cục 2, làm cho Đảng "ù tai", "mờ mắt".

Khi truyền đạt bản báo cáo này, đồng chí Phạm Văn Trà nhấn mạnh thêm : Tổng cục 2 là người bảo vệ quân đội trung thành nhất, đánh Tổng cục 2 là đánh quân đội, đánh vào chế độ. Kinh nghiệm như ở Liên Xô, chỉ một nhóm người nhưng họ đã làm tan rã chế độ Xô Viết vì bước 1 họ đánh trước vào KGB (cơ quan tình báo Liên Xô) để dọn đường rồi sau đó đánh sập chế độ Xô Viết...

Báo cáo của Bộ quốc phòng tại Hội nghị Đảng ủy quân sự trung ương mở rộng có nêu tên tôi (Nam Khánh). Và khi trình bày miệng, người trình bày nói rằng ông Nam Khánh gây rối, ông Nam Khánh cơ hội chính trị. Ở một vài tình, truyền đạt ý kiến của Đảng ủy quân sự trung ương rằng ông Nam Khánh có liên hệ với các phần tử chống đối ở nước ngoài. Đặc biệt là cuộc họp cán bộ từ Thượng tá, Đại tá trở lên ở cơ quan Tổng cục Chính trị, đồng chí Bùi Văn Huấn (út Lê), Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị đã nói với cán bộ cao cấp của Tổng cục Chính trị là phải xem xét tư cách đảng viên của ông Nam Khánh, "với những hành động như vậy, ông Nam Khánh có xứng đáng với cấp hàm và chính sách được Nhà nước và Quân đội trao tặng hay không ?". [...]

Thưa các đồng chí,

Một : Hiện nay nội dung Báo cáo chính trị và các báo cáo khác tại Đại hội 10 chưa chuẩn bị xong và Ban Chấp hành Trung ương chưa thông qua lần thứ nhất. Ban chấp hành Trung ương cũng chưa có chỉ thị chung về Đại hội 10. Tại sao Đảng ủy Quân sự trung ương và Bộ Quốc phòng lại đưa ra một bản báo cáo về âm mưu của Mỹ và các thế lực thù địch chống phá Đại hội 10, có thể nói rất giật gân như vậy ? Thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch, qua tất cả các kỳ Đại hội, kể từ khi Bác Hồ sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa, triệu tập hội nghị hợp nhất năm 1930, từ Đại hội 1 cho đến nay đều không ngừng chống phá Đảng ta và nhân dân ta rất quyết liệt. Nhưng đề cập đến một vấn đề hệ trọng bao gồm cả Quốc phòng và an ninh [...] là việc của Ban chấp hành trung ương, phải thông qua Ban chấp hành trung ương mới được phép phổ biến và phải phổ biến chung cho cả hệ thống chính trị. [...]

Hai : Ban Chấp hành trung ương, Bộ Chính trị có nhận định hiện nay là Mỹ và các thế lực thù địch đánh phá Quân đội, tập trung mũi nhọn, đánh phá trực tiếp vào Tổng cục 2, đánh sập Tổng cục 2 không ?

Ban Chấp hành trung ương, Bộ Chính trị có nhận định: "bài học Liên Xô cho thấy rằng, với một nhóm nhỏ của các phần tử cấp tiến phản động và xét lại trong Đảng cộng sản Liên Xô, rất nhỏ, có thể đếm chỉ vài chục người, nhưng mà chúng đã xóa được Liên Xô"... vì ở Liên Xô chúng tập trung bước 1 đánh vào KGB hay không ?

Ba : Bản báo cáo của Bộ Quốc phòng đã nhắc tới mấy lần các lão thành cách mạng và cựu chiến binh là những đối tượng mà các thế lực thù địch lôi cuốn, [...] đã cố tình xuyên tạc, vu khống những lực lượng cách mạng và yêu nước rộng lớn và đáng kính trọng ấy.

Bốn : Bản báo cáo của Bộ Quốc phòng trình bày trước Hội nghị Đảng ủy Quân sự trung ương mở rộng đã nêu : Hoạt động chống phá của chúng mang tính chất tổ chức chặt chẽ, phối hợp nhịp nhàng, bước đi rõ ràng : đẩy uy tín của một số lão thành cách mạng lên cao, sau đó sử dụng chính họ để đánh vào nội bộ Đảng, nội bộ Quân đội.

Như vậy bản báo cáo của Bộ Quốc phòng ám chỉ ai ? Đồng chí Võ Nguyên Giáp, đồng chí Võ Văn Kiệt, đồng chí Chu Huy Mân hay đồng chí Nguyễn Thanh Bình, đồng chí Nguyễn Đức Tâm, đồng chí Đồng Sĩ Nguyên, đồng chí Mai Chí, đồng chí Lê Phước Thọ, đồng chí Mười Hương, đồng chí Hoàng Tùng, đồng chí Nguyễn Văn Trân, đồng chí Nguyễn Quyết, đồng chí Đỗ Mười, đồng chí Hai Xô, đồng chí Bùi Thiện Ngộ, đồng chí Võ Trần Chí, đồng chí Nguyễn Đôn, đồng chí Lê Ngọc Hiền, đồng chí Đàm Ngụy, đồng chí Võ Chí Công, đồng chí Lê Khả Phiêu, đồng chí Hoàng Minh Thảo, đồng chí Đồng Văn Cống, đồng chí Hoàng Cầm, đồng chí Nguyễn Trọng Xuyên, đồng chí Phùng Thế Tài hay là ai ? Bản báo cáo nói rằng : các thế lực thù địch đẩy uy tín của các lão thành cách mạng lên cao, rồi sử dụng chính họ "đánh" vào nội bộ Đảng, nội bộ Quân đội. Nghĩa là thế nào ? [...]

Chứng cứ nào để Bộ Quốc phòng nói rằng : sau đó, các thế lực thù địch sử dụng chính họ để "đánh" vào nội bộ Đảng, nội bộ Quân đội ?

"Thế lực thù địch đề cao rồi sử dụng" các đồng chí Võ Văn Kiệt, Võ Nguyên Giáp, Chu Huy Mân, Hai Xô, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Đức Tâm, Mai Chí Thọ, Lê Phước Thọ, Đồng Sĩ Nguyên, Nguyễn Văn Trân, Nguyễn Quyết, Hoàng Tùng, Trần Quyết, Trần Văn Quang, Nguyễn Đôn, Đồng Văn Cống, Đàm Ngụy, Đỗ Quang Thắng, Lê Khả Phiêu, Võ Trần Chí, Hoàng Minh Thảo, Phùng Thế Tài, Nguyễn Trọng Xuyên, Lê Ngọc Hiền, Đặng Vũ Hiệp, Phạm Thanh Ngân, Kxo Ní, Y Blốc... đánh vào nội bộ Đảng, nội bộ Quân đội hay sao ? [...]

Bản báo cáo của Bộ Quốc phòng đã nói một cách vu vơ mà thực chất là đã vu khống, xuyên tạc, bôi nhọ lão thành cách mạng, cựu chiến binh đã bị địch lợi dụng.

Bản báo cáo của Bộ Quốc phòng lại nêu một thủ đoạn của thế lực thù địch trong nước là "lợi dụng kích động một số lão thành cách mạng gửi cho các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước". Cán bộ lão thành cách mạng dễ dàng để cho địch lợi dụng, kích động như vậy hay sao ? Hễ có thư góp ý chân thành với Đảng là do các thế lực thù địch lợi dụng, kích động hay sao ?

Bản báo cáo của Bộ quốc phòng lại nêu : "giữ vững ổn định nội bộ, không để các thế lực thù địch lợi dụng, kích động gây chia rẽ nội bộ, đặc biệt là trong quá trình Đại hội 10, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, đặc biệt là không để các thế lực bên ngoài (địch, cấp tiến, xét lại, bất mãn, những người không am hiểu tình hình...) chi phối hoặc ngấm tác động".

Chúng ta phải kiên quyết và dứt khoát chống lại âm mưu phá hoại Tổ quốc, Đảng, chế độ, quân đội của các thế lực thù địch. [...] Đại hội 10 kế thừa truyền thống tốt đẹp của các Đại hội Đảng trước đây sẽ là một Đại hội yêu nước

và cách mạng, đoàn kết, trí tuệ, dân chủ, đổi mới, Đại hội của dân, do dân, vì dân, Đại hội của toàn Đảng vì sự nghiệp của Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội.

Nhưng bản báo cáo của Bộ Quốc phòng trong lúc cũng nói đến nguyên tắc tập trung dân chủ, không để cho các thế lực thù địch kích động chia rẽ nội bộ, thì lại nói đến một cách mơ hồ rằng : đặc biệt là tuyệt đối không để cho các thế lực thù địch bên ngoài (địch, cấp tiến, xét lại, bất mãn, những người không am hiểu tình hình...) chi phối hoặc ngấm tác động... Như vậy Bản báo cáo của Bộ Quốc phòng đã gộp cả địch, cấp tiến, xét lại, bất mãn, những người không am hiểu tình hình... vào một cục, đó là các thế lực bên ngoài có đúng không ?

Ban Chấp hành trung ương và Bộ Chính trị có nhận định như vậy không ? Có gộp tất cả địch, cấp tiến, xét lại, bất mãn những người không am hiểu tình hình... vào một cục không ? Những người không am hiểu tình hình... (chấm chấm : chấm chấm có nghĩa là còn có nhiều loại khác nữa) là những ai ? Muốn ám chỉ ai ? Tại sao lại gộp những người không am hiểu tình hình vào với địch, cấp tiến, xét lại làm một ? [...]

Phải xây dựng phong trào dân chủ ở cơ sở thật tốt. Chúng ta kiên quyết thực hành dân chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Dân chủ là một tư tưởng chiến lược mà Đại hội Đảng lần thứ 9 đã thông qua. Không được phép đả kích và o phong trào dân chủ ở cơ sở, phong trào xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở. [...]

Thưa các đồng chí,

Tôi thấy cần thiết nói thêm về việc Bản báo cáo của Bộ Quốc phòng nêu ra vấn đề "chống Tổng cục 2".

Bản báo cáo của Bộ Quốc phòng đã nói đến 7 lần cụm từ "chống Tổng cục 2" khi nêu việc "chống phá, tập trung mũi nhọn, đánh sập Tổng cục 2".

Thủ đoạn này không phải là mới mẽ. Thời kỳ có nhiều ý kiến trong Trung ương và trong cán bộ cao cấp về các sai lầm nghiêm trọng của những người lãnh đạo hiện nay của Tổng cục 2, thì Nguyễn Chí Vịnh, Tổng cục trưởng Tổng cục 2, đã có báo cáo lên lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước ta là đang có tình hình "chống Tổng cục 2". Lúc ấy, trước và sau đó, cũng từ Tổng cục 2 đưa ra tin Bộ Công an đánh Tổng cục 2, người này người kia đánh Tổng cục 2, chia rẽ Tổng cục 2, "đánh sập" Tổng cục 2.

Trước hết, cần nói rằng : các đồng chí lão thành cách mạng và tướng lĩnh Quân đội qua mấy thời kỳ kháng chiến đều đánh giá đúng sự đóng góp và truyền thống của Cục 2 (trước đây) và Tổng cục 2 sau này. Phát hiện, tố giác các sai lầm mắc phải là tố giác sai lầm của một số người lãnh đạo giai đoạn gần đây của Tổng cục 2 (Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh, Cù Xuân Tê, Hùng, viện trưởng Viện 70...).

Vin vào truyền thống trước đây và đồng nhất những sai lầm của một số người lãnh đạo Tổng cục 2 giai đoạn hiện nay với toàn thể cán bộ, nhân viên Tổng cục 2 là một thủ đoạn xấu, có dụng ý che giấu sai lầm của một số người lãnh đạo giai đoạn hiện nay của Tổng cục 2.

Đồng chí Phạm Văn Trà và một số đồng chí khác nói rằng : "đánh Tổng cục 2" là đánh Quân đội, đánh vào chế

độ, có nghĩa là đồng nhất sai lầm của một số lãnh đạo hiện nay của Tổng cục 2 với Quân đội, với chế độ xã hội chủ nghĩa, là có dụng ý xấu, là một thủ đoạn bao che tội lỗi, sai lầm của một số lãnh đạo Tổng cục 2, Tổng cục 2 là Tổng cục 2. Toàn thể Quân đội, Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa là toàn thể Quân đội, Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa. Đó là hai chủ thể không được phép nhầm lẫn. Vạch sai lầm của Trần Mai Hạnh không phải đánh đai Tiếng Nói Việt Nam. Vạch sai lầm của Bùi Quốc Huy không phải đánh Bộ Công an. Vạch sai lầm của con trai đồng chí Mai Văn Dâu không phải là đánh Bộ Thương mại. Nhập cục lại để vu khống và bao che tội phạm là một thủ đoạn bất lương.

Vạch ra sai lầm của một số người lãnh đạo giai đoạn hiện nay của Tổng cục 2, thậm chí yêu cầu khai trừ ra khỏi Đảng, tước quân tịch, truy tố trước tòa án quân sự Vũ Chính, Nguyễn Chí Vinh, không đồng ý mức kỷ luật cảnh cáo Vũ Chính và để lọt tội Nguyễn Chí Vinh, là để đảm bảo củng cố và phát huy truyền thống từ trước của Cục 2, chứ không phải là bôi nhọ Tổng cục 2. [...]

Còn làm cho Đảng "mờ mắt", "ù tai" thì trong vụ Xiêm Riệp ai làm ? [...] Chính là Tư Văn, Vũ Chính, Mạc Lâm... của Cục 12.

Vụ Sáu Sứ là một vụ án được dàn dựng, tổ chức công phu do Cục 2 chỉ đạo mà trực tiếp là Tư Văn, Vũ Chính và một số người dưới quyền, vừa tổ chức Sáu Sứ đi ghi âm 16 cuốn băng, vừa làm báo cáo lên Bộ Chính trị, tạo dựng lên tài liệu giả, chứng cứ giả, gọt tĩa, thêm bớt, đánh lừa dư luận xã hội, đánh lừa Bộ Chính trị, những người lãnh đạo cao nhất để hãm hại đồng chí, thanh trừng nội bộ mà thực chất là vu khống đồng chí Võ Nguyên Giáp. Ai làm cho Đảng "ù tai", "mờ mắt" ? Chính là Vũ Chính và số người cùng phe cánh Tư Văn (chết rồi) đã làm cho Đảng "ù tai", "mờ mắt".

Vụ "khủng bố đồng chí Võ Thị Thắng", vu khống đồng chí Nguyễn Văn Thắng, vu khống lý lịch đồng chí Võ Việt Thanh, vu khống đồng chí Tư Sang, Tư Rốp, Nguyễn Khánh Toàn, Võ Nguyên Giáp, Bùi Thiện Ngộ, Võ Văn Kiệt, Phan Văn Khải, Lê Khả Phiêu, tôi (Nam Khánh), Thượng tướng Nguyễn Chơn, Trung tướng Nguyễn Huy Chương, Phạm Gia Khiêm, Vũ Quốc Hùng, v.v... làm việc hoặc liên quan đến CIA, ai đưa ra ? "Cảnh báo Mai Chí Thọ" đảo chính ai đưa ra ? Không thể chỉ có Vinh, Cháp, Nguyên, Đặng Diệu Hà (công ty xuất nhập văn hóa phẩm Thành phố Hồ Chí Minh) mà phải có người trực tiếp chỉ đạo đứng đằng sau, đó là Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh.

Vụ vu khống đồng chí Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Vũ Quốc Hùng nhận tiền hối lộ, ai cung cấp tài liệu ?

Rồi vụ bịa đặt ra một cơ sở đặc tình giả là T4 để vu khống, chia rẽ nội bộ trong thời gian dài, ai làm ra ? Những người trực tiếp thừa hành vụ T4 có Đỗ Ngọc Cháp là Cục Phó Cục 11, có Nguyễn Thái Nguyên là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, nếu không có chỉ đạo của Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh sao dám tùy tiện làm ? [...]

Sai lầm của những người lãnh đạo giai đoạn hiện nay của Tổng cục 2 là sai lầm chính trị nghiêm trọng có hệ thống. Tôi yêu cầu phải báo cáo hết các vấn đề của các

người lãnh đạo Cục 12, Cục 2 và Tổng cục 2 trong giai đoạn từ vụ Xiêm Riệp, Sáu Sứ đến nay để Ban Chấp hành Trung ương xem xét quyết định. Không một ai, dù chức vụ gì, được phép bao che sai lầm của những người lãnh đạo trong giai đoạn hiện nay của Tổng cục 2. Không được vin cơ "ổn định chính trị" để không tích cực làm rõ sự thật. [...]

Thưa các đồng chí,

Tôi thấy cũng cần nói đôi điều về các lời đồng chí Phạm Văn Trà, đồng chí Huấn, một đôi đồng chí khác đã nói về tôi (Nam Khánh).

1. Đồng chí Phan Diễn, đồng chí Truyền, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra trung ương đã gặp tôi và tôi khẳng định : Tôi hành động đúng Điều lệ Đảng (chương đảng viên), hành động đúng nguyên tắc là gửi thư lên Ban Chấp hành trung ương, Bộ Chính trị, Ủy ban kiểm tra trung ương, cơ quan chức năng theo tổ chức. Động cơ, việc làm của tôi là để xây dựng, chỉnh đốn Đảng, là lành mạnh và tâm huyết. Tôi không gửi cho địch. Không có gì diễn ra ở nước ta mà địch không lợi dụng. Không được viện cớ địch lợi dụng để bỏ qua việc xét nghiêm túc các lời tố giác chân thành và đúng đắn của tôi. Tài liệu lọt ra ngoài, là do trách nhiệm của các người nhận.

2. Tôi xin thẳng thắn và chân thành với các đồng chí cấp bậc Thượng tướng do Bộ Chính trị quyết định và Chủ tịch nước ký, tư cách đảng viên của tôi là do chi bộ, Đảng ủy Phường nghiên cứu đề đạt lên đến cấp có thẩm quyền chuẩn y, đồng chí Phạm Văn Trà và đồng chí Huấn lấy tư cách gì, được ai ủy nhiệm, căn cứ theo quyết định nào của Trung ương mà dám nói lên những điều đó ?

Như tôi đã trao đổi với đồng chí Truyền, Phó Chủ nhiệm UB kiểm tra trung ương, các đồng chí muốn thi hành kỷ luật tôi thì phải :

1. Mời hết đồng chí Võ Nguyên Giáp, đồng chí Chu Huy Mân và các đồng chí đã có ý kiến đóng góp về vụ án chính trị nghiêm trọng T4 v.v... lên Ban Chấp hành trung ương và Ban chấp hành trung ương ra một quyết định : cán bộ, đảng viên (bao gồm cả Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị) từ khóa 9 (tháng 4 năm 2001) không được phép gửi thư, kiến nghị, yêu cầu chất vấn lên trung ương, Bộ Chính trị.

2. Ban Chấp hành trung ương Khóa 9 công bố xóa bỏ điều 3 chương Đảng viên trong Điều lệ do Đại hội Đảng lần thứ 9 thông qua.

3. Và tôi đề nghị thêm một điều nữa : Trung ương chỉ thị cho Bộ Văn hóa và Thông tin, Ban Tư tưởng Văn hóa xóa bỏ hết các khẩu hiệu hiện đang viết đầy ngoài đường phố : "toàn dân tham gia tố giác tội phạm"....

Suốt đời tôi, từ khi tham gia cách mạng, vào Quân đội cho đến nay là góp phần chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng Quân đội và Chủ nghĩa xã hội...

Không được phép ghép tôi (Nam Khánh) với Bùi Tín, Nguyễn Gia Kiểng... và bọn thực dân Pháp, đế quốc Mỹ. Kể nào cố tình nói tôi là "phần tử cấp tiến", liên hệ với bọn phản động bên ngoài v.v. là phạm pháp. Tôi có quyền yêu cầu pháp luật Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Thiên Chúa giáo và chủ nghĩa cá nhân

trừng trị theo Luật hình sự.

Tôi yêu cầu :

1. Các đồng chí [...] đã phổ biến những điều về tôi thì đồng thời phải gửi bức thư này đến tập thể những người đã được nghe phổ biến. Đề nghị lưu ý rằng : cơ chế nhận xét đảng viên có quy định: cấp ủy, thủ trưởng nhận xét về đồng chí nào thì cần có sự có mặt của đồng chí ấy.

2. Đề nghị Bộ Chính trị sao thư gửi Ban Chấp hành trung ương ngày 17-6-2004 và bức thư này của tôi cùng với Bản báo cáo của Bộ Quốc phòng [...] đến Ban Chấp hành Trung ương Đảng. [...] Trước mỗi kỳ họp trung ương, Ủy viên trung ương phải tiếp xúc với đảng viên, lắng nghe ý kiến, tổng hợp các vấn đề mà đảng viên kiến nghị, yêu cầu, chất vấn lên Ban Chấp hành trung ương. Có ý kiến khác nhau trong cán bộ, đảng viên thì cứ phản ánh hết, để trung ương nghe. Ví dụ trong các vấn đề tôi nêu ra, đồng chí Lê Đức Anh, đồng chí Đỗ Mười, một số đồng chí khác có ý kiến gì ngược lại thì cứ nêu. Nếu cụ thể cả tên người, sự việc, không nêu chung chung như là một số đông, một số ít, có người, có ý kiến v.v. Trong Đảng phải sòng phẳng và bình đẳng về chính trị.

3. Là Bí thư Quân ủy trung ương, đồng chí Nông Đức Mạnh phải chịu trách nhiệm về sự thông qua tại Hội nghị Quân ủy trung ương mở rộng đối với Bản báo cáo của Bộ Quốc phòng ngày 24-8-2004. Yêu cầu đồng chí Nông Đức Mạnh, theo đúng điều 3, chương đảng viên trả lời cho tôi biết các ý kiến chất vấn, yêu cầu, kiến nghị của tôi.

4. Tập thể Bộ Chính trị và Ban Chấp hành trung ương phải nghe và thông qua Nghị quyết của Hội nghị Đảng ủy quân sự trung ương mở rộng ngày 24-8-2004 về Báo cáo của Bộ Quốc phòng. Nếu đúng thì các đồng chí có quyền công bố là đúng và chịu trách nhiệm về quyết định ấy trước toàn Đảng. Nếu sai điểm nào thì phải sửa điểm ấy và phải phổ biến lại cho cán bộ cao cấp trong toàn quân và các hội Cựu Chiến binh. [...]

5. Nếu các đồng chí không gửi thư này của tôi đến Ban Chấp hành trung ương Đảng, đến các đầu mối trong toàn quân, thì theo như Điều lệ Đảng, tôi sẽ trực tiếp gửi (bao gồm một số lão thành cách mạng và tướng lĩnh quân đội). Danh sách lão thành cách mạng, tướng lĩnh quân đội mà tôi gửi bức thư này tôi sẽ gửi lên Bộ Chính trị và Ban Bí thư biết.

6. Vừa qua có dư luận rằng thư từ kiến nghị, chất vấn gửi lên Bộ Chính trị và Trung ương, đồng chí Phạm Văn Trà đều đưa sang báo cho đồng chí Lê Đức Anh và cho Tổng cục 2 biết. Nếu dư luận đó có thật thì tôi thấy rằng việc làm đó là vô nguyên tắc, tôi yêu cầu phải chấm dứt. Cũng còn một số điểm tôi chưa trình bày được hết và có một số vấn đề không tiện nói ở đây. Nhưng tôi xin tạm dừng ở đây. Mong các đồng chí đọc và trả lời cho tôi theo đúng Điều lệ Đảng, càng sớm càng tốt, tốt nhất là bằng giấy.

Xin chúc sức khỏe và cảm ơn.

Trân trọng,

Thượng tướng **Nguyễn Nam Khánh**
Nguyên ủy viên trung ương Đảng

Trong bài "Nhìn lại kinh nghiệm Ngô đình Diệm" đăng trên Thông Luận số 186, tháng 11-2004, ông Nguyễn Gia Kiểng cho rằng chủ nghĩa nhân vị là cố gắng tổng hợp "hai triết lý không thể dung hợp" là chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa cá nhân và đã được "thực hiện trong tinh thần cộng đồng của Thiên Chúa giáo", và "chủ nghĩa cộng sản... được chuyển chở bởi tư tưởng Thiên Chúa giáo".

Thực ra, Thiên Chúa giáo không hề chủ trương xóa bỏ quyền tư hữu và thành lập một xã hội cộng sản. Tôi không biết chủ nghĩa nhân vị đã nói gì, nhưng một điều chắc chắn là Thiên Chúa giáo không bao giờ "phủ nhận cá nhân". Trái lại, Thiên chúa giáo bao giờ cũng xem cá nhân là thực thể quan trọng nhất trong xã hội. Theo chúng tôi thì con người là cứu cánh của mọi hoạt động văn hóa, chính trị, tôn giáo, chứ không phải là một phương tiện để để dành hy sinh cho những mưu đồ chính trị như những chủ trương của các chủ nghĩa xã hội kiểu cộng sản. Nếu có một người nào đó, bất luận là con chiên hay giáo sĩ Thiên Chúa giáo mà chủ trương "phủ nhận cá nhân" và cho rằng cá nhân chỉ là một phương tiện cho xã hội thì người đó không còn là một tín đồ trung thành với tôn giáo của mình nữa. [...]

Nguyễn Mừng (Champaign)

LTS : *Đúng là giáo hội Công giáo không phủ nhận cá nhân. Giáo hoàng Paul VI đã thăng thần lên án chủ nghĩa tập thể. Chủ nghĩa nhân vị do một số trí thức Công giáo đề nghị nhưng tòa thánh Vatican không có ý kiến.*

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số

Giá bán tại châu Âu : **35 EUR/năm.**

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité.*

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thong Luan, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Ngoc Oanh* (báo Thông Luận).

Tại Úc : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ NGHỊ ĐỊNH 31/CP

là những bằng chứng vi phạm nhân quyền và coi thường xã hội dân sự

Từ khi khởi xướng cuộc "đổi mới", chính quyền cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục theo đuổi những chính sách nhằm đánh lừa người dân trong nước và dư luận quốc tế, đồng thời tiếp tục đàn áp những người bất đồng chính kiến.

Trong thực tế, chủ trương đổi mới nửa vời này dẫn đến trì trệ kinh tế, đất nước vẫn chưa phát triển. Thêm vào đó, Hà Nội còn xem sự hình thành và phát triển của xã hội dân sự là một mối đe dọa cho "an ninh quốc gia".

Tại Việt Nam, đảng cộng sản tuy hô hào đổi mới nhưng thực chất vẫn giữ vững độc quyền chính trị, đúng theo bài bản của chủ thuyết Lenin. Theo đó, giai cấp lãnh đạo, tức đảng cộng sản, là giai cấp tiên phong, thay mặt nhân dân lãnh đạo đất nước. Không làm gì có vấn đề đại diện cho nhân dân vì đảng chỉ chọn những ai họ muốn. Tại Việt Nam, đảng cộng sản nắm trọn quyền lãnh đạo và duy trì độc quyền chính trị bằng bạo lực, do đó sẽ không chấp nhận đa đảng và bầu cử tự do vì như thế vai trò "tiên phong" của đảng sẽ bị phủ nhận. Cũng vì tự cho có vai trò "tiên phong", đảng cộng sản kiểm soát xã hội một cách tinh vi qua Mặt Trận Tổ Quốc.

Mặt Trận Tổ Quốc, được thành lập ở miền Bắc từ năm 1955, có vai trò thanh lọc và chọn những người có "lý lịch tốt" để đưa vào guồng máy đảng và nhà nước, huy động sự tham gia của quần chúng vào cuộc chiến ở miền Nam. Từ sau năm 1975, đặc biệt là từ khi hiến pháp năm 1992 được ban hành, Mặt Trận Tổ Quốc có thêm vai trò là nơi quy tụ và kiểm soát tất cả mọi sinh hoạt của các đoàn thể và chọn người ra ứng cử quốc hội. Như chưa vừa ý, tháng 9-1999, những người lãnh đạo đảng còn muốn thể chế hóa Mặt Trận Tổ Quốc để thay mặt đảng và nhà nước kiểm soát chặt chẽ hơn những sinh hoạt có tính tự phát từ quần chúng. Điều này cho thấy đảng và nhà nước vẫn xem xã hội dân sự là một mối đe dọa.

Nếu Mặt Trận Tổ Quốc là định chế để phòng ngừa những mầm chống đối nói chung, thì chính sách công an trị là biện pháp đối phó với những thành phần chống đối, ôn hòa hay bạo động. Đảng và nhà nước đã thể chế hóa chính sách công an trị này bằng nhiều hình thức, từ Sắc Lệnh Tập Trung trong những năm 1960 ở miền Bắc cho đến Nghị Định Quản Lý Hành Chánh 31/CP ban hành tháng 4-1997 gần đây.

Nghị định 31/CP là sự hợp thức hóa quyền giam giữ và quản thúc bất cứ ai bị tình nghi đe dọa đến an ninh quốc gia hay những người bất đồng chính kiến với chính quyền, không qua xét xử, của các chính quyền địa phương (ủy ban nhân dân, công an và quân đội). Định nghĩa "đe dọa đến an ninh quốc gia" rất là mơ hồ, do đó các chính quyền địa phương tùy tiện muốn bắt ai thì bắt, quản thúc ai thì quản thúc, đại đa số là những người bất đồng chính kiến hay dám tố cáo sự lạm quyền, tham ô của những cán bộ nhà nước. Nghị định này đã được áp dụng từ nông thôn (Thái Bình, Tây Nguyên) đến thành phố (Đà Lạt, Quảng Ngãi, Huế,

Hà Nội, Sài Gòn...), nói chung không chừa một nơi nào trên toàn quốc. Tuy trên danh nghĩa ủy nhiệm cho các địa phương thi hành chính sách đàn áp, nhưng trong thực tế vai trò điều khiển hay điều động đều xuất phát từ trung ương. Nói tóm lại, Nghị định 31/CP, biến nhà ở của công dân thành nhà tù, là một sáng kiến bỉ ổi và vô nhân đạo của chế độ công an trị tại Việt Nam đang còn hiệu lực.

Chính vì thế, hậu quả của việc thể chế hóa Mặt Trận Tổ Quốc và áp dụng Nghị định 31/CP vào đời sống sau hơn 20 năm chấm dứt chiến tranh và hơn 10 năm đổi mới, đã làm xã hội dân sự ở Việt Nam không thể phát triển. Đảng và nhà nước Việt Nam vẫn tiếp tục đứng trên và đứng ngoài pháp luật do chính họ ban hành. Chính quyền cộng sản Việt Nam sẽ rất khó trả lời trước những chất vấn gay gắt đang được đặt ra của dư luận quốc tế và quốc nội.

Trước hết, về mặt công lý, đây là bằng chứng vi phạm những quyền con người căn bản đã ghi trong Công Ước về Quyền Dân Sự và Chính Trị của Liên Hiệp Quốc, mà Hà Nội đã từng long trọng cam kết. Mặt Trận Tổ Quốc ngăn chặn những tiếng nói bất đồng ý kiến ngay từ quần chúng; Nghị định 31/CP cho phép công an và chính quyền địa phương giam giữ công dân không qua xét xử. Đây cũng là bằng chứng vi phạm ngay với luật pháp Việt Nam vì những quyền công dân căn bản này (tự do phát biểu ý kiến, tự do kết hợp, tự do ứng cử và bầu cử...) đã được ghi trong Hiến Pháp của chế độ cộng sản Việt Nam.

Kế là một nguy hiểm đã kéo dài quá lâu. William Duiker và Stanley Karnow (*) trích dẫn lời phát biểu của Hồ Chí Minh khi lập luận rằng chủ nghĩa cộng sản chẳng qua chỉ là một phương tiện mà ông và đảng cộng sản sử dụng để giành độc lập. Cho dù có đồng ý với lập luận này, nghĩa là chủ trương sử dụng bạo lực của đảng cộng sản để cướp chính quyền là phương tiện thích hợp nhất để cướp chính quyền và giành độc lập, thì sang giai đoạn độc lập và kiến thiết đất nước phải bỏ đi chứ. Tại sao đảng và nhà nước vẫn tiếp tục sử dụng để trấn áp những tiếng nói bất đồng và những đòi hỏi cụ thể của quần chúng bằng những phương pháp hòa bình? Tại sao đảng và nhà nước không muốn cho xã hội dân sự phát triển? Họ sợ cái gì?

Chính vì chưa thành tâm thực hiện "đổi mới" để thích ứng với trào lưu thế giới, nghĩa là phải có tự do, dân chủ và nhân quyền, mà chế độ cộng sản Việt Nam chưa được sự hỗ trợ tích cực của các định chế quốc tế như việc tham gia Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới (WTO). Phải tôn trọng những quyền công dân và để cho xã hội dân sự phát triển thì sự giúp đỡ mới dài lâu; những giúp đỡ hiện nay chỉ giúp Việt Nam tạm thời vượt qua những khó khăn trước mắt.

Trương Minh Trí (Canada)

Chú thích :

(*) xem "*Ho Chi Minh*", William Duiker, Hyperion Ed. 2000, trang 570-571; "*Vietnam, a history*", Stanley Karnow, Viking Press 1983, trang 122.

TIỀN LƯƠNG VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Việt Hoàng

Ngày 9-11 Quốc Hội Việt Nam đã thông qua nghị quyết dự toán ngân sách nhà nước năm 2005. Điểm đáng chú ý trong nghị quyết này là số tiền dành cho việc tăng lương là 20.000 tỉ đồng.

Chuyện tăng lương và cùng với nó là việc cải cách hành chính có lẽ là chuyện đã được nghe và bàn... hơi bị nhiều! Thế nhưng rồi mọi chuyện vẫn dẫu vào đấy, kết quả thu được chẳng được bao nhiêu và hình như mọi việc vẫn dậm chân tại chỗ.

Nhân việc "quốc gia đại sự" này, là một công dân cũng xin được đóng góp đôi lời đến toàn thể độc giả, những ai quan tâm.

Cải cách hành chính

Việc này nghe nói khá nhiều và khá lâu rồi, năm nào cũng nghe thấy nhắc đến. Bất cứ người dân nào tại Việt Nam đều lắc đầu ngao ngán khi có việc gì đó phải đến cầu cạnh các cơ quan hành chính. Việt Nam có một bộ máy hành chính vào loại công kênh, phức tạp, đông đúc và kém hiệu quả nhất nhì trên thế giới. Ngay cả chính quyền Việt Nam cũng hiểu quá rõ điều đó, cho nên ông Phan Văn Khải đã nhiều lần kêu gọi cải cách hành chính mà cụ thể là tinh giảm bộ máy nhà nước. Nhiều chỉ tiêu tinh giảm biên chế đã được đề ra, thế nhưng bộ máy nhà nước qua gần chục năm «tinh giảm biên chế» không những ít công kênh đi mà còn tăng lên rất nhiều.

Theo ông nghị sĩ Nguyễn Bá Thanh (bí thư thành ủy Đà Nẵng) thì *"lĩnh vực yếu kém nhất, trì trệ nhất, lực cản lớn nhất, tốn nhiều tiền của, thời gian công sức nhất nhưng ít thành công nhất, đó là cải cách nền hành chính quốc gia"*.

Ngân sách của Việt Nam thì ít ỏi, trong khi đó người dân đóng thuế phải ò lừng ra nuôi một lũ ăn bám khá lớn. (Tôi không có í nói tất cả các công chức nhà nước, không phải ai cũng thế cả, nhưng ai nhận lương mà không làm gì hoặc làm chiếu lệ thì xứng đáng được gọi như vậy). Thật ra lỗi không phải hoàn toàn do họ, nếu có chẳng thì cũng bởi tại tâm lý dựa dẫm, ăn thật làm chơi nó quen rồi. Lỗi là do nhà nước, do những người lãnh đạo đã để cho cơ chế bất hợp lý đó nó tồn tại hàng chục năm nay, và những kẻ ăn bám này là kết quả đã được tạo ra từ chính cơ chế của nhà nước. Giờ đây, "hạt mầm" mà nhà nước gieo hồi nào đã đâm hoa kết trái, nhưng là trái đắng. Nuốt vào thì không được mà nhổ ra cũng không xong.

Cũng như các tệ nạn khác như tham nhũng, quan liêu, cửa quyền, hống hách, coi dân như cỏ rác... đều là sản phẩm của đảng cả. Bởi vì tất cả các tệ nạn này không liên quan gì đến người dân (chính xác hơn nữa là người dân không có những đặc quyền đó), nó xuất phát từ bộ máy công chức của đảng, của nhà nước. Từ những cán bộ đảng viên cao cấp nhất, càng cao càng tham nhũng nhiều.

Bây giờ quay lại chuyện tinh giảm biên chế trong bộ

máy nhà nước. Nhà nước có thể làm được việc này không?

Với các hành xử như bây giờ thì chắc chắn là không được !

Tại sao ? Lí do cũng cực kì đơn giản : nếu tinh giảm biên chế, (nói ngắn gọn và dễ hiểu là đuổi bớt các công chức không làm được việc ra khỏi bộ máy nhà nước) thế nhưng chúng ta ai cũng thấy rằng để trở thành một công chức nhà nước, được vào biên chế nhà nước thì điều kiện đầu tiên không phải là khả năng làm việc của người đó mà là quan hệ của người đó. Thường thì người ta chỉ lấy vào trong ngành con em của họ hoặc do gửi gắm từ người này người nọ, theo nguyên tắc "có qua, có lại". Cách đây cũng lâu tôi có xem một bộ phim truyền hình của thành phố Hồ Chí Minh (lâu quá rồi nên quên mất tên phim, xin bạn đọc thứ lỗi) đã phản ánh rất đúng tình trạng này, đại khái là khi phải thực hiện chủ trương của lãnh đạo về việc tinh giảm biên chế, giám đốc cho gọi trưởng phòng cán bộ lên và hỏi xem nên cho ai nghỉ việc thì khi đưa bất cứ một tên người nào ra đều bị trưởng phòng tổ chức gạt đi, bởi lí do người này là con anh Sáu, người kia là cháu anh Ba, anh Tư, anh Năm... gửi gắm, mà "các anh" đều là cán bộ của sở, ngành, ban... quan trọng của thành phố, cho nên không thể đuổi được ? Thế là vị giám đốc kia đành chịu thua.

Chuyện đó hoàn toàn có thực chứ không đơn thuần là trên màn ảnh, và nó rất phổ biến trong cuộc sống của chúng ta, không ai không biết, không ai không thấy.

Đồng hành cùng với bộ máy công chức khổng lồ này là trách nhiệm của cá nhân, sự thật thì tại Việt Nam có những công trình đầu tư hàng trăm tỉ đồng, sau đó đắp chiếu. Điều đáng "khâm phục" là sau khi đi tranh tra thì các cơ quan thanh tra đã không thể tìm thấy người chịu trách nhiệm chính về vụ việc ; tất cả đều do tập thể, do ban lãnh đạo quyết định. Thành ra không thể truy cứu được bất cứ ai ! Chỉ có tiền thất thoát, và mất đi là có thực. Cách điều hành này của nhà nước đã đi vào ca dao từ lâu :

Mất mùa là bởi thiên tai

Được mùa là bởi thiên tài đảng ta...

Quả thật là hiện tại của Việt Nam không có gì đúng hơn thế.

Giải pháp nào để cải cách hành chính có hiệu quả

Muốn một cơ thể khỏe mạnh thì phải cắt bỏ những khối u. Muốn cải cách hành chính có hiệu quả thì phải chấp nhận bỏ đi cơ chế xin-cho, gửi gắm. Mà phải làm một cách triệt để, hay nói như ông Nguyễn Bá Thanh là phải xử lí từ gốc : *"Tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, rồi đầu tư dàn trải, thất thoát - tất cả những vấn đề đó theo tôi càng ngày càng phức tạp thêm lên nếu như chúng ta vẫn duy trì một cách làm như lâu nay. Tức là chỉ lo xử lý phần ngọn, còn phần gốc chúng ta không tập trung giải quyết"*.

Gốc đó là cơ chế lãnh đạo độc đoán, không tuân theo một qui tắc nào. Gốc đó là những chức vụ có được không nhờ vào khả năng mà chỉ nhờ vào ô dù, nịnh nọt, luồn cúi...

Còn về trách nhiệm của cá nhân thì theo ông : *"Đã nói đến nền hành chính là phải nói đến trách nhiệm cá nhân, nói hành chính là phải có thứ bậc, có trên có dưới, có lớn có nhỏ. Cả nể, xuề xòa, "cá mè một lứa", trên nói dưới không nghe, trên nói dưới từ từ, trên nói cứ nói, dưới làm cứ làm. Trách nhiệm chung chung, cuối cùng thì cũng hòa cả làng"*.

Ông nói tiếp : *"Cần phải phân cấp mạnh mẽ hơn nữa, trao quyền hạn đầy đủ hơn nữa, trên cơ sở đó xác định cho được trách nhiệm cá nhân của những người đứng đầu tổ chức, địa phương tương ứng"*.

Ông kết luận : *"Về đạo đức công chức, đương nhiên cần phải có nhưng khi nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường mà nền hành chính không dựa trên tài năng cá nhân, không dựa trên sáng tạo cá nhân và không dựa trên trách nhiệm cá nhân thì những vấn đề đạo đức công chức chỉ như những câu khẩu hiệu suông ! Chúng ta thường hỏi trách nhiệm thuộc về ai ? Tôi nghĩ rằng nhiều lúc không biết ai đâu để mà hỏi, cứ chung chung như thế !"*

Quả thật là trong kì họp quốc hội lần này mới được nghe những lời mạnh mẽ và chí lí đến như vậy. Và nếu nhà nước chỉ làm được một phần nhỏ như lời ông nghị sĩ này nói thì thôi việc cải cách hành chính sẽ có được những bước tiến đáng kể. Về phần mình tôi xin có thêm một đề nghị là trách nhiệm của cá nhân phải đi đôi với thưởng phạt công minh. Khi một người có tài, làm việc có hiệu quả thì họ phải hưởng một khoản thu nhập cân xứng với công sức và tài năng mà họ đã bỏ ra. Điều này sẽ khuyến khích tài năng phát triển và hơn nữa sẽ tránh được tình trạng tham nhũng. Bởi vì nói gì thì nói, lí tưởng hay đạo đức thì cũng phải ăn, uống, sinh hoạt... cơm áo không đùa với khách thơ, luôn là chân lí của muôn đời.

Về tinh giảm biên chế phải làm một cách triệt để, cách đơn giản nhất và hiệu quả nhất là bỏ phiếu kín trong cơ quan, đơn vị hành chính công. Một phần ba công chức không được đồng nghiệp tín nhiệm phải ra đi. Tất nhiên là việc này phải đảm bảo công bằng và dân chủ, không bị giật dây hay chỉ đạo. Những người bị thôi việc này cần có một khoản đền bù đủ để họ tạo dựng một công việc khác, một cuộc sống mới. Lương của những người kia chia đều cho những người còn lại (vấn đề này sẽ nói sau). Công việc phải được phân công cụ thể và rõ ràng, qui trách nhiệm cho từng người. Thậm chí nhân viên sai phạm thì lãnh đạo cũng bị liên đới. Nếu có những sai phạm nghiêm trọng xảy ra tại một bộ hay sở nào đó như vụ tham nhũng ở ủy ban thể thao, bộ thương mại, dầu khí... thì các vị bộ trưởng của các bộ đó cũng nên từ chức.

Điều quan trọng nhất theo tôi để người ta không tham quyền cố vị, không cố tình bám lấy ghế, lấy chỗ ngồi của mình bằng mọi cách đấy là trao cái ghế đấy, chỗ ngồi đấy cho những người có năng lực thật sự, và trao một cách công khai và người được trao không phải trả bất cứ một cái giá

nào. Hay nói một cách khác là người ta không phải trả giá để có cái ghế đấy, có như vậy thì khi không hoàn thành được nhiệm vụ thì tự họ phải xin rút lui chứ không cần làm "công tác tư tưởng" làm gì. Một hiện thực tại Việt Nam bây giờ là để có được cái ghế tốt, thậm chí một công việc tốt người ta phải trả giá rất nhiều, giá đấy là tiền, là sự nhờ cậy, quen biết, gửi gắm... càng nguy hiểm hơn khi người ta làm mọi cách, trả bằng bất cứ giá nào kể cả xu nịnh, hay đi bằng đầu gối... để vươn tới cái ghế đó. Những kẻ này khi chiếm được ghế rồi, sẽ làm mọi cách để thu hồi vốn, hoặc rửa nhục bằng cách hành lại những kẻ dưới quyền, độc đoán và áp đặt... làm cho nội bộ lung củng, trên bảo dưới không nghe, không làm theo... như vậy dẫn đến công việc bế tắc, năng suất lao động không có. Những kẻ dưới quyền vì bị dồn nén nên quay sang hành dân. Thành ra trăm cái cay đắng, hằn học đều đổ hết lên đầu người dân.

Vấn đề tiền lương

Không biết bao nhiêu lần người ta nói về chuyện này rồi nhưng hình như kết quả vẫn không khá hơn được chút nào. Nói cụ thể là cho đến tận ngày hôm nay, tại Việt Nam không ai sống mà nhờ lương được. Mà phải sống nhờ thêm vào nghề tay trái. Hoặc sống nhờ "bổng lộc" hay những khoản thu lậu, thu chui. Vì vậy mới có những từ như "lương lậu", "lương bổng"...

Giải quyết vấn đề tiền lương là một việc rất quan trọng, nếu không muốn nói là sống còn trong việc hạn chế tham nhũng và cải cách hành chính. Có nhiều í kiến cũng như công trình nghiên cứu về đề tài này, nhưng theo tôi đáng chú ý nhất là bài viết "tiền lương và giải pháp vết dầu loang" của tác giả Nguyễn Thục Nhi đăng trên Talawas. Bằng những dẫn chứng và lập luận hết sức dễ hiểu và thuyết phục tác giả đã nói lên được đúng bản chất của vấn đề cũng như cách giải quyết.

Nhận định đầu tiên của tác giả : *"Với những người hưởng lương nhà nước không ai sống được bằng lương, và tiền lương cơ bản chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong thu nhập của họ. Ngoài lương, công nhân viên nhà nước còn có những khoản thu nhập khác, có thể minh bạch, cũng có thể không minh bạch"*.

Chính vì đồng lương không đủ sống, không đủ trang trải các sinh hoạt thường ngày (ăn mặc, đi đứng, học hành của con cái, nhà cửa...) cho nên dẫn tới tình trạng chung là người ta làm việc cũng có chừng mực, chưa hết khả năng của mình. Thời gian và đầu óc còn phải lo xoay xở để tạo thêm thu nhập cho gia đình. Và tất nhiên nếu có cơ hội (do địa vị và chức quyền đem lại) họ sẽ tham gia vào việc tham nhũng cũng như vòi vĩnh người dân để tạo thêm thu nhập. Ban đầu tôi tin rằng họ cũng xấu hổ áy náy nhưng lâu rồi nó cũng quen đi, hơn nữa nhìn vào cấp trên thấy cấp trên còn bạo tay hơn thì tội gì không tranh thủ kiếm chác. Thói quen vòi vĩnh, hối lộ này đã ngấm vào máu bộ máy công chức nhà nước. Mía mai thay nó còn ngấm cả vào máu của người dân Việt Nam từ lâu. Có những chuyện rất khôi hài như tôi đã từng gặp đó là nhiều người khi nghe nói

động đến "đảng cộng sản quang vinh và muôn năm" là liền nổi đóa lên, cho là phản động này nọ... nhưng khi định đi làm một thứ giấy tờ gì đó liên quan đến các vị công chức nhà nước thì họ không bao giờ quên đem theo tiền để hối lộ, bồi dưỡng, họ coi đó như là "chuyện thường ngày ở huyện" !

Như vậy việc cải cách tiền lương rất là quan trọng trong việc đẩy lùi tham nhũng, phải làm sao để đồng lương đủ sống và trang trải mọi sinh hoạt, để người công chức yên tâm làm việc. Muốn như vậy thì đồng lương đó phải đủ lớn, mà theo tôi để làm được điều đó thì phương pháp vết dầu loang của tác giả Nguyễn Thục Nhi là rất đáng để nghiên cứu và áp dụng. Đầu tiên theo tác giả "để giải quyết rốt ráo vấn đề tiền lương, chúng ta buộc phải mạnh dạn đi thêm một bước nữa : cắt giảm đến mức tối đa số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Số này bao gồm đội ngũ công chức hành chính các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, quân đội, công an. Riêng đối với các doanh nghiệp nhà nước, ngoại trừ một số loại đặc biệt quan trọng nhà nước buộc phải nắm giữ, hãy để nền kinh tế thị trường định đoạt. Trước mắt giải thể ngay các doanh nghiệp thua lỗ triền miên" (con số cắt giảm này khoảng 1/3 như đã nói ở trên), nhưng nếu vì ngân sách hạn hẹp thì ưu tiên công chức ở những ngành "nhạy cảm" nhận mức lương mới, trước hết các ngành thuế, hải quan và "các cơ quan chịu trách nhiệm bảo vệ pháp luật : công an, tòa án, viện kiểm sát". Sau nữa là "các quan chức cao cấp có công việc liên quan trực tiếp đến việc lập, phê duyệt, thực thi các dự án lớn, các công trình xây dựng cơ bản có vốn đầu tư lớn".

Tất nhiên là cùng với những ưu đãi đầu tiên và rất nhiều như vậy thì sẽ phải đi kèm với những chế tài nghiêm khắc. "Lực lượng thuế vụ, hải quan nằm trong đợt đầu tiên hưởng lương mới. Tuy nhiên phải kèm theo biện pháp cứng rắn : đưa ra tòa với khung hình phạt đặc biệt cho những kẻ nào gian lận thuế hoặc giúp người khác né thuế, trốn thuế (quốc hội thông qua điều luật mới)".

Hoặc "với mức lương cao, nếu ai không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, dung túng cho các tội phạm trong đó có tội phạm về kinh tế - loại tội phạm gây thất thoát một số tiền khổng lồ của nhân dân, sẽ bị trừng trị theo khung hình phạt đặc biệt".

Với các quan chức, "một điều luật mới cũng sẽ được quốc hội thông qua với khung hình phạt đặc biệt cho tội biển thủ, làm thất thoát, gây thiệt hại, tham nhũng nhằm răn đe. Lẽ tất nhiên đi kèm với những điều này phải là các biện pháp quản lý chặt chẽ, tránh tạo khe hở...".

Tác giả nhận định thêm : "Việc được hưởng lương cao kết hợp với các biện pháp quản lý, kiểm tra, giám sát, theo dõi chặt chẽ cùng với hình phạt nghiêm khắc sẽ hạn chế được rất nhiều các tiêu cực có thể xảy ra bởi lúc đó những người thuộc các nhóm này :

- không cần trục lợi cũng có thể sống ung dung,
- khó có thể trục lợi,
- ít dám trục lợi".

Theo tác giả, thực hiện được những việc trên sẽ dẫn đến kết quả : "Nhóm tính và thu thuế, nhằm thu đủ, thu

đúng; nhóm bảo vệ pháp luật, nhằm đảm bảo sự nghiêm minh của việc thực thi pháp luật, gián tiếp bảo vệ tiền thuế do dân đóng. Nhóm công chức cao cấp, nhằm tránh thất thoát thiệt hại tiền thuế người dân đóng... Như thế bước đầu có một bộ phận hưởng lương đủ sống, thậm chí được ưu đãi, nhưng hình phạt nặng luôn lơ lửng trên đầu họ, và hoạt động của các đối tượng này luôn được giám sát, theo dõi quản lý chặt".

Như vậy tiền thuế sẽ thu được đầy đủ, nạn thất thoát sẽ được hạn chế đến mức tối đa. Ngân sách vì vậy sẽ tăng lên và tiền đó sẽ dùng vào việc "trả lương mới cho các ngành nghề khác đồng thời trả tiền truy lĩnh".

Tôi có một người quen làm lãnh đạo trong một cơ quan (nhỏ thôi) từng nói rằng : "Vì nhà nước trả lương ít quá nên làm việc cũng vừa vừa thôi. Nếu nhà nước trả lương gấp 3-4 lần hiện nay thì chúng tôi cũng sẽ làm việc nhiều hơn. Và cứ ba người công chức nên cho thôi việc hai, tiền lương của hai người kia dồn vào cho một người còn lại, như thế vừa gọn nhẹ bộ máy vừa có hiệu quả trong công việc". Không hiểu ý kiến của người này có chủ quan không nhưng cũng mạn phép nêu lên để rộng đường dư luận.

Trở lại vấn đề cải cách tiền lương của chính phủ mà quốc hội đang họp e rằng không có hiệu quả là bao nhiêu. Tăng một vài trăm nghìn cho mỗi người không giải quyết được vấn đề gì. Theo báo Lao Động thì mặc dù cán bộ công chức nhà nước được tăng lương trung bình khoảng 30% kể từ tháng 10 năm nay, nhưng số tiền đó chưa nhận được trong khi vật giá ngoài thị trường từ tháng 10 năm ngoái tới nay tăng hơn 30%.

Đài RFA cho biết "theo chỗ chúng tôi tìm hiểu, sự kiện vừa nói thể hiện một thực tế, kế hoạch cải cách tiền lương của chính phủ chưa đáp ứng được chính sách về giá-lương-tiền, theo đó người hưởng lương được bảo đảm một cuộc sống tối thiểu, nghĩa là đáp ứng được các điều kiện về ăn-mặc, ở-di song hành với sự ổn định giá trị tiền tệ. Đợt tăng lương tháng 10, không phải ai cũng được hưởng mức 30%, những người có bậc lương thấp trên thực tế không được tăng nhiều".

Trên thực tế mức tăng lương này không bằng mức gia tăng vật giá trên thị trường, cho nên được tăng lương mà người dân vẫn lo hơn là mừng. Giá cả thị trường luôn là thước đo nhiệt độ kinh tế của một quốc gia : nếu nhà nước bơm tiền vào hệ thống tiền lương trả cho công chức thì vật giá thị trường tự do cũng sẽ tăng theo cùng tỷ lệ, có khi còn hơn nếu chính sách tăng lương tập thể này không hữu hiệu. Chính vì thế để khỏi mất nhiều thời giờ họp bàn, chính quyền nên có những hành động cụ thể khuyến khích sinh hoạt kinh tế vĩ mô, đừng chạy theo sự tăng giá của thị trường để bù đắp sự chênh lệch tiền lương.

Hãy làm sao để "khi đồng lương làm đúng chức năng của mình, nó sẽ phát huy hiệu quả tạo điều kiện để kinh tế tiếp tục đi lên, con người sống thanh thản hơn bởi thu nhập ngoài lương chỉ là chuyện của ngày hôm qua, họ không còn phải bận tâm để xoay sở sao cho đủ sống nữa" (Nguyễn Thục Nhi).

Việt Hoàng (Moskva)

QUAN ĐIỂM MỚI VỀ CHÍNH SÁCH CỦA HOA KỲ ĐỐI VỚI HÀ NỘI

Vũ Dương

Trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vừa qua, với tâm lý "Cộng Hòa là chống cộng", cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ đã tích cực ủng hộ ông Bush. Đa số tin rằng ông Kerry (người có quá khứ thân thiện với Hà Nội) sẽ không phải là vị tổng thống mà cộng đồng có thể hi vọng vào những đối sách với Việt Nam khả dĩ cho sự chuyển biến tích cực về tự do, dân chủ và nhân quyền. Ông Bush đã tái đắc cử với một thuận lợi hiếm thấy là đảng viên đảng Cộng Hòa chiếm luôn đa số trong cả hai viện quốc hội. Nhưng, chính sách của Hoa Kỳ trong nhiệm kỳ thứ hai tới đây đối với Hà Nội sẽ không có nhiều thay đổi ! Việc dự luật về "nhân quyền", "tự do tôn giáo", chưa từng được thông qua tại Thượng viện trong suốt nhiệm kỳ thứ nhất của ông Bush, cũng như vừa rồi, vấn đề này bị loại ra khỏi "Luật phân bổ ngân sách tổng hợp năm 2005" trong chương trình nghị sự quốc hội khóa mới sắp tới, chúng ta thấy biểu hiện phần nào đối sách của Hoa Kỳ với nước Việt Nam cộng sản. Tại sao vậy ?

Nói chung, cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ mong mỏi, kỳ vọng vào một chính sách cứng rắn của chính phủ cũng như lưỡng viện Hoa Kỳ đối với Việt Nam, nhằm gây sức ép của một cường quốc lên chế độ cộng sản độc tài. Nước Mỹ trong nhiệm kỳ thứ nhất của ông Bush cho thế giới thấy sự quyết đoán, mạnh mẽ và quả cảm với chính sách đối ngoại của mình (như truyền thống cầm quyền của đảng Cộng Hòa). Nhưng với Việt Nam, thời ông Bush là sự kế tiếp chính sách từ thời ông Clinton, vấn đề "nhân quyền", "tôn giáo" ở Việt Nam dưới chế độ cộng sản không thực sự được Hoa Kỳ quan tâm đủ như là một trở ngại trong quan hệ song phương.

Chính quyền Hà Nội luôn bị các tổ chức nhân quyền, các tổ chức tôn giáo lên án, đưa vào danh sách các nước "đáng quan ngại đặc biệt". Cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ cũng như những người Mỹ tâm huyết luôn tích cực vận động trong mong mỏi và hi vọng quốc hội Hoa Kỳ, chính phủ Mỹ chấp nhận những dự luật về Việt Nam, để cụ thể và pháp lý hóa chính sách của Mỹ đối với Hà Nội. Nhưng những nỗ lực đó nhận về bằng sự thất vọng ! Chưa một dự luật nào như vậy được thượng viện Hoa Kỳ đem ra thảo luận, chứ chưa nói đến biểu quyết và thông qua.

Nếu nhìn vào thực tế đó và không có một nhân quan chính trị sáng suốt, chắc chắn không ít người cho rằng Việt Nam không còn được sự quan tâm trong chính sách của Mỹ nữa. Thật ra, nhìn nhận vậy là sai lầm và phiến diện, chỉ nhận thấy phần nổi của núi băng mà chưa thấy ý đồ chiến lược thật sự của người Mỹ. Nước Mỹ, với tư cách là một siêu cường đệ nhất thế giới, với quá khứ ngẩng cao đầu kiêu hãnh, sẽ không quên được Việt Nam như là một thất bại nhục nhã trước người cộng sản. Chỉ khi góp sức lớn cho một Việt Nam tự do, dân chủ khi đó vết thương lòng nước

Mỹ mới lành hẳn. Việt Nam, với vị trí địa lý chiến lược trên bán đảo Á Đông và 80 triệu dân năng động, có thể thuyết phục được sự dính líu của Hoa Kỳ. Đối với Hoa Kỳ, một nước Việt Nam tự do, dân chủ trong tương lai sẽ là ngọn cờ vinh danh sự đóng góp của Hoa Kỳ cho thế giới tự do. Việt Nam còn ở một vị thế chiến lược chống sức bành trướng, khống chế Á Đông của quốc gia khổng lồ Trung Quốc trong thế kỷ 21. Khi còn tự ái của một cường quốc, còn sự tính toán thực dụng và khôn ngoan cho vị trí siêu cường độc tôn của mình trên thế giới, Hoa Kỳ sẽ còn nhớ đến Việt Nam trong chiến lược toàn cầu của mình.

Lý giải những chính sách của Hoa Kỳ đối với Hà Nội trong thời gian qua chính là vì sự thực dụng của người Mỹ. Khi Liên Xô thành trì của hệ thống xã hội chủ nghĩa không còn, chế độ cộng sản tan rã trên phạm vi toàn thế giới vào đầu thập niên 1990, Hoa Kỳ đã nhanh chóng nhận ra rằng chế độ cộng sản Hà Nội cũng biến đổi như chú tắc kè hoa. Đảng cộng sản trong nỗ lực kéo dài nền chuyên chính của mình đã thực hiện "đổi mới".

Theo gương Trung Quốc, chế độ cộng sản Việt Nam đã làm một cuộc thay áo ngoạn mục trước mắt thế giới. Như nhiều người nghiên cứu đã nhận định, chế độ cộng sản Việt Nam hiện nay thực chất khác xa thời ông Hồ, ông Duẩn. Về hình thức, danh xưng nó vẫn là xã hội chủ nghĩa, là cộng sản nhưng thực tế đảng cộng sản công khai thừa nhận họ đang học tập mô hình kinh tế tư bản chủ nghĩa. Có điều đó là một nền kinh tế tư bản "rừng rú", chịu sự khống chế của đảng. Chỉ có sự chuyên chế quyền lực là không hề "đổi mới". Công bằng mà nói, nhờ "đổi mới" kinh tế Việt Nam có những bước chuyển động đột phá, tốc độ tăng trưởng GDP liên tục cao. Việt Nam là một thị trường hấp dẫn các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Pháp, v.v. Vì lý do thực dụng trong kinh tế, Hoa Kỳ không muốn chậm chân so với các nước khác trong sự cạnh tranh đó. Quan trọng hơn, trong tương lai, khi Việt Nam thành một đất nước dân chủ thật sự, Hoa Kỳ không muốn bắt đầu lại từ đầu trong quan hệ kinh tế với Việt Nam. Người Mỹ không muốn chậm chân !

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã thể hiện sự gian manh của mình trong việc thay đổi nhanh chóng sách lược để phù hợp với tình hình quốc tế. Song song với việc thay đổi về chính sách kinh tế, chính sách đối ngoại của họ cũng có nhiều thay đổi. Từ sự tự cô lập mình với thế giới tự do, giới hạn quan hệ trong phạm vi các nước xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, Đông Âu, Cu Ba), coi các nước tư bản là thù địch, với Trung Quốc thì bất đồng và hận thù sâu sắc, chính quyền Hà Nội quay sang bợ đỡ Bắc Kinh với những quy lụy mất hết thể thống, danh dự quốc gia. Nhưng đồng thời họ cũng học thuộc lòng bài học từ quá khứ, đảng cộng sản hiểu rằng là mạo hiểm và đại đột nếu hoàn toàn nằm trong quỹ

đạo của Trung Quốc nên chủ trương đa phương hóa quan hệ, nhất là đối với các nước lớn phương Tây như Mỹ, Pháp, Nhật, vân vân, trong nỗ lực cân bằng lại sự đe dọa và khống chế của Trung Quốc.

Một số nhà bình luận Việt Nam hải ngoại cho rằng Hà Nội đã cảnh giác quá đáng đối với Hoa Kỳ, còn đối với Bắc Kinh thì chấp nhận sự nô lệ. Theo tôi, không phải như vậy. Trong suốt những năm qua Hà Nội đã dồn mọi nỗ lực để xích gần với Hoa Kỳ trước nguy cơ từ phương Bắc, nhưng với điều kiện tiên quyết và kiên định là "phải tôn trọng chuyên chế độc tài cộng sản", nói một cách hoa mỹ là "tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau". Hoa Kỳ hiểu điều này như là một sự mặc cả, nó là hệ quả tất yếu dẫn đến thái độ dè dặt của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Hoa Kỳ không thể chấp nhận những điều kiện này, nhưng nếu không chấp nhận sự ngã giá đó, Hoa Kỳ và dân tộc Việt Nam mất nhiều hơn được.

Lý do là nếu Hoa Kỳ cứng rắn với Hà Nội như với Bắc Triều Tiên, Cu Ba, hậu quả thấy được là chính quyền cộng sản Việt Nam, vì tình nguyện hay bắt buộc, sẽ hoàn toàn nằm trong quỹ đạo của Trung Quốc nhằm đảm bảo quyền lãnh đạo độc tôn của mình trên toàn quốc. Như đã phân tích, vì những lý do trên, Hoa Kỳ không chấp chận điều này !

Nếu Hoa Kỳ quyết tâm cứng rắn với Hà Nội, thậm chí sử dụng vũ lực, điều này chỉ gây tổn thất lớn về mọi mặt đối với nước Mỹ, đó là chưa nói đến việc có thể bị sa lầy lần thứ hai. Nhưng đừng lo, không nên quên rằng người Mỹ theo đuổi chính sách thực dụng, họ sẽ không chọn giải pháp này. Khi hệ thống xã hội chủ nghĩa sụp đổ, vài nước còn cộng sản còn rơi rớt lại chỉ là những quốc gia rời rạc (thậm chí thù ghét nhau), không phải là một liên minh, một hệ thống đe dọa tới Hoa Kỳ và phần còn lại của thế giới tự do. Việt Nam cũng không còn là một đe dọa cần giải quyết mang tính phối hợp, thống nhất của Hoa Kỳ với các nước đồng minh (Nhật, Pháp, Đức...) để ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản trong vùng Đông Nam Á. Các nước này đều chạy theo lợi ích và vai trò của mình trong quan hệ với Hà Nội. Như vậy, việc bằng mọi giá lật đổ chế độ độc tài cộng sản Việt Nam không phải là đòi hỏi cấp thiết với Hoa Kỳ, khi điều đó mâu thuẫn với những lợi ích kinh tế, chính trị trước mắt. Nếu cứng rắn, kiên quyết lật đổ chế độ cộng sản Việt Nam hiện tại, Hoa Kỳ sẽ phải trả một giá rất đắt. Giả thuyết này không hề mâu thuẫn với quan điểm trình bày ở trên. Có thể Hoa Kỳ chấp nhận sự lựa chọn này như là một thỏa hiệp với những cân nhắc, tính toán thực dụng của họ.

Nước Mỹ chắc chắn sẽ đóng một vai trò quan trọng trong một nước Việt Nam dân chủ. Khi những chuyển biến về dân chủ trong lòng người Việt Nam đã chín muồi, đạt tới mức độ cần và đủ, những đóng góp có ý nghĩa lớn của Hoa Kỳ, qua phương thức "diễn biến hòa bình", cho cuộc cách mạng dân chủ ở Việt Nam sẽ diễn ra trong tương lai gần. Hãy tin và hi vọng !

Vũ Dương (Sài Gòn)

Thơ

Lời nguyện mùa Thu

Mến tặng Phạm Hồng Sơn và các chiến sĩ
đấu tranh cho dân chủ trong ngục tù

Thu chảy tràn trề
Tiếng kêu vang trời
Trời màu nước hồ
Chim không ngừng bay !

Quá khứ trăm bề tế toái
Chấn ngang trước mắt
Đường một đời anh
Hồi tưởng đấu tranh áp đầy lồng ngục.

Ngôn từ cầu nguyện tôi nào biết
Chỉ tiếc cho cảnh rừng Thu
Không vàng trắng khuyết trên trời Ba Sao (*)
Giếng vàng còn vọng tiếng người "thăm nuôi"
Trong lòng đất nghe chứa chan mạch nước
Người thương ơi,
Chờ dòng sông Đáy tức nước vỡ bờ !

Thu chảy tràn trề
Lá rừng xào xạc
Đất màu bánh mật
Tim không ngừng đập
Chim không ngừng bay !

Nguyễn Long Vân
(Thu Yokohama nhớ về Ba Sao)

(*) Ba Sao là tên trại tù nghiệt ngã nhất Việt Nam, nơi từng giam những chiến sĩ dân chủ nổi tiếng ở núi rừng Hà Nam Ninh. Trăng khuyết và Ba Sao trong chữ Hán thành chữ Tâm, dưới chữ Thu thành chữ Sầu.

Thoát

Buồn tình tóc dơng chơi
Đi tìm ông Khổng hỏi chơi vài điều
Ông chẳng trả lời
Ba ngàn năm trước bi chữ giống chăng ?
Nên chăng cái thú vô vi
Hãy leo lên núi tìm vì Lão Đam
Tim chẳng thấy
Xuống núi

Gặp mục đồng
Chú bảo
Thầy lên Ba Vì thăm thánh Tản
Ông hãy gắng đi nhanh kéo lờ

Mời
Cố leo lên núi Ba Vì
Hỏi thăm thánh Tản thiếu gì ?
Một quân !

Vũ Đức Tiễn (Torcy, Pháp)

AI LÀ NHÂN DÂN ?

Phạm Việt Vinh

Cùng với nhiều nước Tây Âu khác, nước Đức đang tiến hành một chương trình cải tổ xã hội sâu rộng và phải gánh chịu những biến động đáng chú ý. Đã xa rồi những ý tưởng và những chính sách "chế độ xã hội chủ nghĩa tiên tiến", "nhà nước phúc lợi xã hội" - tuy chúng mới được hình thành từ 3-4 thập niên gần đây ở những nước tiên tiến như Thụy Điển, Phần Lan, Anh, Đức, và do những đảng Dân chủ xã hội cầm quyền quá nhiệt thành với những giá trị "bình đẳng", "ái hữu".

Trong cơn lốc toàn cầu hóa, với sự cạnh tranh khốc liệt từ các thị trường lao động rẻ tại Đông Âu và Châu Á, phần ứng hầu như mang tính bắt buộc của các tập đoàn công nghệ là phải gia tăng đầu tư sang các vùng đất mới để đảm bảo sức cạnh tranh và khả năng tồn tại. Điều trở trêu ở đây là các mỹ từ như "ái quốc", "trách nhiệm quốc gia" có vẻ như không còn chỗ đứng khi hầu hết các công ty lớn đều thuộc sở hữu đa quốc gia, và việc một công ty xuyên lục địa gục ngã vì hết sức cạnh tranh cũng đồng nghĩa với thất bại của không ít quốc gia. Mới đây, chính phủ liên bang đã phải can thiệp khá mạnh để ngăn cản việc công ty đóng toa xe lửa Bombadier của Canada định chuyển toàn bộ dây chuyền công nghệ từ Brandenburg sang Đông Âu; và hàng chục ngày đình công, chặn cổng xí nghiệp của công nhân hãng sản xuất xe hơi Opel đã làm giới chủ tập đoàn General Motors từ Mỹ - công ty mẹ của Opel, phải tạm thời không cắt giảm cường độ sản xuất và hoãn thả hồi hơn 8.000 công nhân Đức. Nhưng, tất cả chỉ là những biện pháp tạm thời. Dù muốn hay không, những xí nghiệp công nghệ đồ sộ với hàng ngàn nhân công dần dần sẽ trở thành một quá khứ của Tây Âu. Từ lâu, các chính phủ tại đây đã nhận ra điều này và dồn sức cho việc cải tổ cấu trúc sản xuất của xã hội. Tuy vậy, những ngành công nghệ cao như tin học, sinh học,... sẽ không bao giờ cần đến một khối lượng nhân công như lắp ráp xe hơi hay đóng tàu. Việc chuyển hóa từ một xã hội công nghiệp sang một xã hội dịch vụ, hậu công nghiệp, thậm chí hậu tin học,... là công việc của không phải hai hay ba thập niên.

Từ một nước dẫn đầu về xuất khẩu công nghiệp, CHLB Đức đang trở thành một quốc gia "quán quân thế giới về xuất khẩu việc làm" - theo như cảnh báo trên trang bìa của tạp chí "Tấm Gương" nổi tiếng mới đây. Chắc chắn rằng, mặc cho những cố gắng của bất kỳ chính phủ nghiêm túc nào, tại nước Đức, tỷ lệ thất nghiệp cao sẽ là một căn bệnh khá dài lâu.

Trong khi đó, tâm lý xã hội được nuôi dưỡng từ những ngày "hoàng kim" thời thập niên 1960, 1970 của thế kỷ trước không phải là một thành quả trơn tru. Sức ép của hệ thống công đoàn hùng mạnh cùng những quy định ngặt nghèo của Luật lao động đã dựng lên một rào cản lớn cho việc sa thải nhân công - trừ khi hãng xưởng đóng cửa hay

phá sản. Từ đó, sự ù lỳ, trễ nải ngày càng lộ rõ trong những công ty lớn và các cơ quan công chức. Ngay cả nếu bị thất nghiệp, thì lương thất nghiệp khá cao và mức trợ cấp thất nghiệp không nhỏ đã làm cho không ít người có tâm lý: ngôi nhà ăn thất nghiệp còn hơn phải đi làm trái nghề và lương có thể còn thấp hơn tiền thất nghiệp hay trợ cấp thất nghiệp. Có nguồn thu thấp nhất là những người phải lĩnh trợ cấp xã hội. Khi này, sau khi gánh chịu tiền thuê nhà, tiền bảo hiểm y tế và một vài những chi phí cơ bản khác, nhà nước chỉ cấp cho mỗi người hàng tháng khoảng 300 Euro cho tiêu dùng tối thiểu.

Nhưng không phải "người Đức cần mẫn" nào cũng mặc cảm về sức lao động thừa thãi và tình trạng quá dỗi "nhàn cư" của mình. Thực tế hàng tháng lĩnh tiền thất nghiệp hay trợ cấp xã hội để ngày ngày nhón nhờ tản bộ hoặc "đi làm chui" đã không còn là điều hiếm. "Đau vai nặng gánh" nhất, ngoài các quỹ bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội, là những hãng bảo hiểm y tế của nhà nước. Ngay mới gần đây, tỷ lệ nghỉ bệnh của nhân công tại Đức thuộc hàng đầu thế giới. Tuy Luật bảo hiểm y tế có quy định số tiền tối đa phải trả cho bác sĩ điều trị những bệnh án thông thường, nhưng việc các cụ già hưu trí hầu như tuần nào cũng đến thăm bác sĩ nhiều khi chỉ vì một lưng hay vì một đơn thuốc, đã góp phần không nhỏ vào lỗ hổng vài chục tỷ Euro mỗi năm của các hãng bảo hiểm này.

Tháng 9 vừa qua, thủ tướng Gerhard Schroeder (*) đã không được "chính trị" lắm khi buột miệng nói ra nhận định rằng ở nước Đức đang tồn tại một "tâm lý ăn theo". Tuyên bố trên đã trở thành miếng mồi ngon cho các đảng đối lập - đặc biệt là ở phía Đông, lên án ông thủ tướng "nhục mạ một số đông nhân dân". Nhiều chính trị gia trong đảng cầm quyền đã phải nhắc nhở "tương đối hóa" phát ngôn trên. Còn Schroeder thì vẫn im lặng. Có lẽ, ông ta không muốn rút lui một nhận định chính xác, tuy chỉ đúng với một số người nhưng gây phản ứng cho khá nhiều người. Cũng có thể, sự im lặng này cho thấy quyết tâm cải tổ của chính quyền CHLB Đức.

Ngay từ 2002, năm cuối cùng nhiệm kỳ cầm quyền thứ nhất của Schroeder và là năm bầu cử quốc hội liên bang nhiệm kỳ mới, nhiều nhà nghiên cứu có uy tín đã trách cứ chính phủ liên minh Đỏ-Xanh của Schroeder, gồm Đảng Dân chủ xã hội (SPD) và Đảng Xanh, quá do dự và chậm chạp trong việc phát động và tiến hành cải tổ - một điều đã trở nên bắt buộc khi mà chỉ số phát triển kinh tế chỉ ở mức 1,3%, và nạn thất nghiệp đã tới mức xấp xỉ 10%. Cùng với hậu quả khủng hoảng tài chính Châu Á cuối những năm 1990, biến động toàn cầu sau New York 11-9-2001 cũng như lực cạnh tranh của Châu Á và Đông Âu, nhu cầu cải tổ không chỉ nằm ở những sai lầm chiến thuật của

các đảng cầm quyền và của ban lãnh đạo các công ty kinh tế.

Ngày 1-11-2004, giáo sư Dahrendorf - một trong những nhà nghiên cứu kinh tế xã hội hàng đầu thế giới, trong dịp hội thảo kỷ niệm Ludwig Erhard - cựu bộ trưởng kinh tế Đức, cha đẻ của lý thuyết "kinh tế thị trường mang tính xã hội", đã đưa ra khái niệm "chủ nghĩa tư bản mang tính trách nhiệm". Để đảm bảo cho sự phát triển xã hội hiện đại, chính sách của nhà nước và giới kinh tế phải mang tính trách nhiệm đối với toàn bộ cộng đồng. Và có lẽ, các chính sách này cũng phải dựa trên tinh thần trách nhiệm của đa số cộng đồng. Tức là, phương Tây nói chung và nước Đức nói riêng sẽ phải thực thi một cuộc cải tổ hai chiều cả từ trên và dưới. Có điều, trong một xã hội hòa bình, quần chúng ít khi là động lực trực tiếp cho một biến đổi nhanh mạnh. Quần chúng bao giờ cũng cần rất nhiều thời gian.

Ngay sau khi đắc cử lần hai, chính phủ đã bắt tay vào hàng loạt các chương trình cải tổ: thay đổi luật ngoại kiều, cải tiến hệ thống giáo dục và đào tạo, thay đổi tổng cục lao động, miễn phạt các khoản tiền "trốn thuế" được cất giấu tại ngân hàng ngoại quốc, cải tiến chế độ bảo hiểm y tế,... và gần đây nhất là đưa ra thực hiện chương trình Hartz IV, thường được gọi tắt là Hartz IV. Nội dung chính của Hartz IV là giảm thiểu thời gian và tiêu chuẩn cho những người thất nghiệp dài hạn. Mục đích chính của Hartz IV là thúc đẩy người thất nghiệp tìm chỗ làm mới cùng với việc dùng kinh phí tiết kiệm được từ khoản cắt giảm để trợ cấp cho người tìm việc và các hãng xưởng nhận những nhân công đã thất nghiệp lâu.

Trái với thông lệ, chính sách cải tổ xã hội trên đây đã được ngay cả phe đối lập là CDU - Liên minh Thiên chúa giáo do Edmund Stoiber (***) cầm đầu, đồng tình. Các chính đảng lớn đã đứng cùng góc độ khi coi chương trình cải tổ với những cắt giảm phúc lợi xã hội là một điều không thể tránh. Việc cắt giảm này đang rất phổ biến ở khắp Tây Âu, bất kể đảng cầm quyền là bảo thủ hay tả khuynh, theo tư tưởng Thiên chúa giáo hay dân chủ xã hội.

Trong xu thế "phi ý thức hệ hóa" của các chính đảng lớn tại các nước tiên tiến, việc nhiều nhà chiến lược SPD - Đảng Dân chủ xã hội cầm quyền, đang xem xét kỹ hơn khái niệm "bình đẳng, tương trợ" - những giá trị cơ bản của các đảng Dân chủ xã hội trên thế giới, làm cho người ta có cảm giác rằng những khái niệm này đã bị lạm dụng, nhất là khi "xã hội vui chơi" đã trở thành một trào lưu không phải là chỉ ở các nước Phương Tây. Hiện tượng "xét lại" trên cùng với chương trình Hartz IV đã làm cho SPD nói riêng và chính quyền nói chung vấp phải sự phản kháng nặng nề. Chưa bao giờ SPD lại phải đối đầu một cách khó khăn với "người anh em ruột" của mình là các nghiệp đoàn như hiện nay. Trong nhiều cuộc biểu tình, bãi công, đích danh Schroeder - lãnh tụ SPD, đã bị công kích nặng nề. Không ít biểu ngữ đã gọi Schroeder là "kẻ phản bội giai cấp công nhân". Có vẻ như, sự phẫn nộ này che

lấp cả những kết quả hiện còn hiềm hoi của đường lối cải tổ. Theo thống kê, sau khi Luật bảo hiểm y tế đưa ra những yêu cầu chặt chẽ hơn đối với điều kiện khám chữa bệnh, cho thuốc, và bắt dân chúng (trừ trẻ em và người lĩnh trợ cấp xã hội) khi đến bác sĩ phải góp 10 Euro mỗi quý cho quỹ bảo hiểm y tế, thì tỷ lệ nhân công nghỉ bệnh đã giảm gần 1/3, và trong vòng 6 tháng đầu năm 2004, các hãng bảo hiểm y tế thuộc nhà nước đã giảm chi được hơn 10 tỷ Euro. Trong khi đó, số người bỏ phiếu ủng hộ Đảng Dân chủ xã hội ngày càng giảm. Thực ra, trong tình hình hiện nay, bất cứ đảng cầm quyền mang màu sắc chính trị nào cũng bị mất phiếu. Sự bất bình đang là náo trạng của một bộ phận dân chúng CHLB Đức.

Thua thiệt nhiều nhất bởi chính sách cải tổ này là phần Đông Đức, nơi hàng ngàn tỷ Euro được đổ vào sau 14 năm thống nhất tuy mang lại đổi thay mãnh liệt cho toàn bộ xã hội, nhưng tỷ lệ thất nghiệp vẫn quá cao (trung bình là 16% so với mức 10% của toàn liên bang). Nhiều nhà đầu tư Tây Đức vẫn phàn nàn về sự "ỷ lại", "kém năng động" của không ít nhân công phía Đông. Cùng là mác Made in Germany nhưng máy móc Đông Đức vẫn kém xa sức hút so với máy móc Tây Đức, Mỹ hay Pháp. Thăm dò dư luận đầu năm 2004 cho biết có tới 1/4 dân chúng Đông Đức nuôi tiếc cuộc sống tại CHDC Đức trước đây. Được tự do đi khắp thế giới, được tự do đi bầu cử hay ngồi lì ở nhà phản đối, được sở hữu chiếc xe BMW bóng lộn, được ăn cam, chuối từ Nam Mỹ có vẻ như không quan trọng bằng tiền nhà rẻ (tuy nhà được sưởi bằng than cục) và có chỗ làm ổn định. Chuyện "thăm hỏi", bắt bớ của cơ quan an ninh quốc gia Stasi, chuyện chờ đợi 15 năm để mua được một chiếc xe Trabi vỏ nhựa, chuyện háo hức chờ đón gói quà gồm một hộp cà phê Jakob và mấy phong sôcôla từ "người bà con phía bên kia nước Đức" đã là một quá khứ xa vời, không đáng nhớ. Trong nỗi phấp phỏng lo mất chỗ làm vì hãng xưởng có thể phải đóng cửa vì không có khách hàng, người ta chỉ nhớ đến "tình đồng nghiệp vui vẻ" tại những buổi "liên hoan xí nghiệp" trong những nhà máy đông đúc nhân công với những công việc không cần thức bách.

Người gạt hái trong làn sóng bất bình này là PDS - Đảng Xã hội chủ nghĩa dân chủ Đức, và các đảng phái cực hữu hoặc phát-xít mới. Là hậu thân của SED - Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất (tức Đảng cộng sản) Đức, PDS là nơi tập hợp của một số những người còn trung thành với CHDC Đức trước đây, hay còn theo đuổi chủ nghĩa cộng sản. Tuy phải tuyên bố tuân thủ hiến pháp liên bang, nhưng về nguyên tắc, PDS vẫn cương quyết coi chủ nghĩa tư bản là tử thù và công khai nguyện vọng phấn đấu thay thế chế độ hiện hành bằng một thể chế xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, PDS cũng là nơi họp mặt của những người căm ghét hệ thống chính trị đương thời. Thực chất, PDS đã trở thành một ngọn cờ đầu trong phong trào phản đối Hartz IV khi họ vẽ lên hình ảnh chính quyền là "tay sai tư bản" còn mình là đại diện cho những người dân thiệt thòi ở phía Đông. Khi nước Đức thống nhất, sau những thất bại nặng

nền ban đầu do cái "tiền thân" cộng sản của mình và do sự hồ hởi "thoát cũi, sổ lồng" của dân chúng, PDS đã dần dần hồi sức dựa trên những khó khăn của chính phủ liên bang trong việc kiến thiết lại vùng Đông Đức đã khá tan hoang. Tại các tiểu bang phía Đông, PDS nhận được tỷ lệ phiếu bầu cao, có nơi tới hơn 20%. Thắng lợi này đã mang lại cho PDS chỗ đứng của một khối nghị sĩ tại quốc hội liên bang. Nhưng với thời gian, sự bế tắc về tư tưởng và đường lối chính trị, sự lúng túng trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế đã làm cho uy tín của PDS sút giảm cực mạnh. Nhìn chung, PDS đã chỉ hiện hữu như là một sự phản đối bất bình, chứ hoàn toàn không phải là một giải pháp để chọn lựa. Thất bại lớn trong cuộc bầu cử quốc hội liên bang năm 2002, khi chỉ còn hai thành viên trúng cử, đã làm cho PDS coi như ngã gục trên bình diện liên bang.

Chương trình Hartz IV với làn sóng phần nộ ở Đông Đức đã mang lại cho PDS luồng sinh khí mới. Cùng với một số những hội đoàn khác, PDS là ngọn cờ đầu đưa ra sáng kiến tổ chức những cuộc biểu tình lớn và liên tiếp để phản đối chính sách cải tổ. Tuy hầu như chỉ diễn ra ở phía Đông, nơi tỷ số thất nghiệp cao và PDS còn có một chỗ đứng nhất định, nhưng có những ngày làn sóng biểu tình đã quy tụ được hàng trăm ngàn người, có những đoàn biểu tình có hơn 20.000 người tham gia. Trong những buổi tuần hành, cờ của PDS với chân dung của Marx hầu như bao giờ cũng đi hàng đầu cùng với những cán bộ cộng sản trung thành và những người thất nghiệp đã lâu. Cao điểm của phong trào này là các buổi "Biểu tình vào Thứ Hai". Mỗi Thứ Hai hàng tuần, vào giờ tan tầm tại các thành phố lớn Đông Đức, các buổi biểu tình sẽ diễn ra. Cách đây chẵn 15 năm, tại khắp nơi trên Đông Đức, hình thức "Biểu tình vào Thứ Hai" này - lúc đầu còn trầm lặng, lẻ tẻ, nhưng càng về sau càng đông đảo, sôi sục với khẩu ngữ bất hủ "Ta là nhân dân", đã dẫn đến sự tan vỡ bất ngờ của Cộng Hòa Dân Chủ Đức, và theo nó là SED - tiền thân của PDS hôm nay. Điều không rõ là các nhà lãnh đạo PDS nghĩ sao về sự bi hài này, nhưng rất nhiều chính trị gia và các nhân vật năm 1989 đã hết sức phần nộ về hiện tượng "râu ông nọ cắm cằm bà kia" này. Theo họ, đây là một hành vi lạm dụng và nhạo báng lịch sử. Nhưng, mặc cho số phiếu tín nhiệm xuống thấp thê thảm, chính quyền vẫn cứng rắn không từ bỏ chương trình cải tổ. Làn sóng biểu tình cũng lắng xuống. Sau những thắng lợi bầu cử nghị viện tiểu bang tại Sachsen và Brandenburg với số phiếu chỉ đứng thứ hai sau đảng cầm quyền, vai trò và uy tín của PDS lắng xuống. Cố gắng kêu gọi biểu tình phản kháng của PDS rơi dần vào khoảng trống. Người ta đã nghĩ tới việc chấm dứt "Biểu tình vào Thứ Hai". Cuộc biểu tình đầu tháng 11 vừa qua, tại Berlin, đã chỉ có gần 200 người tham dự. Nổi bất bình đơn giản không hứa hẹn một giải pháp khả thi.

Người hoan hỷ tiếp theo trong cơn đau thua thiệt là các đảng phái phát-xít mới. Tuy ra đời từ phía Tây, nhưng phía Đông - với sự tụt hậu về kinh tế, sự mất phương hướng sau khi ý thức hệ cũ bị phá sản, sự non trẻ của gốc rễ dân chủ,

mới là mảnh đất màu mỡ cho các tổ chức cực hữu. Cũng như PDS, các tổ chức này được nuôi dưỡng chủ yếu bằng sự từ chối chế độ hiện hành. Khác với PDS, bọn phát-xít mới sẵn sàng dùng bạo lực công khai và không hề đưa ra bất kỳ một giải pháp chính trị nào ngoài những tuyên bố phá phách, khiêu khích và bài xích sắc tộc, xua đuổi những ngoại kiều yếu đuối.

Thời gian đầu, các tổ chức này hết sức tích cực tham gia các cuộc biểu tình phản đối chính phủ. Nhưng, những biểu ngữ, bích chương thấp thoáng màu máu, vẽ hình nắm đấm đập vụn Hartz IV, Schroeder với những hàng chữ "Nước Đức của người Đức" đã làm cho những người biểu tình khác e ngại và không muốn đồng hành. Vào thời gian cuối, bọn phát-xít mới chỉ có thể trà trộn đơn lẻ vào các đoàn biểu tình ngày càng thưa thớt. Tuy vậy, cùng với thắng lợi của PDS - Đảng Xã hội chủ nghĩa dân chủ Đức ở phía Đông, các tổ chức phát-xít mới với mục tiêu "xã hội chủ nghĩa quốc gia" (gọi tắt là "quốc xã"), tuy không có bất kỳ một câu trả lời nghiêm túc nào cho mọi vấn đề của xã hội, cũng đã nhận được đủ tỷ lệ phiếu (tối thiểu là 5%) để có mặt tại nghị viện tiểu bang Sachsen và Brandenburg. Có vẻ như mỹ từ "xã hội chủ nghĩa" - theo nhiều màu sắc khác nhau, vẫn có sức hút khá lớn đối với không ít người.

Dù vậy, giới phân tích chính trị vẫn cho rằng bọn phát-xít mới sẽ không có chỗ đứng đáng kể trên nước Đức. Hy vọng rằng, đa số người Đức vẫn nhận thấy rõ kết cục của một nổi bất bình khủng đại chắc chắn sẽ là sự tự hủy khôn lường, và xã hội phương Tây sẽ có đủ sức mạnh để đào thải dần mọi trạng thái cực đoan. Hơn nữa, những gương mặt cực tả hay cực hữu nổi trội dưới tấm biểu ngữ "Ta là nhân dân!" trong các đoàn biểu tình phản đối những bước đi cải tổ không thể dừng của chính phủ đã bắt người ta phải suy xét kỹ hơn những điều một thời đã đóng vai trò chân lý.

Ai cũng là một người dân ; nhưng suy cho cùng, nhân dân thì không là ai cả ! Không có ai, không có tổ chức lớn, đảng phái mạnh nào được phép mệnh danh đại diện nhân dân. Sẽ còn rất lâu, có lẽ là mãi mãi, mọi chính thể, mọi quốc gia phải là tập hợp của nhiều chính kiến, quyền lợi khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau. Vấn đề là mọi ý nguyện đó, mọi quyền lợi đó - ngay cả khi nó yếu ớt, lẻ loi hay nghịch lý, vẫn phải có quyền được biểu lộ, được công khai. Đó là sức mạnh của mọi quốc gia. Có lẽ phương Tây - với tất cả những căn bệnh của mình, đã và sẽ chứng minh được điều đó trên bước tiến của mình - có thể là chẳng về một thứ "chủ nghĩa" nào cả, mà là để đi tới một cuộc sống "tự do với tinh thần trách nhiệm" trên mọi bình diện.

Phạm Việt Vinh (Berlin)

Chú thích :

(*) **Schroeder** (Gerhard) : lãnh tụ SPD - Đảng Dân chủ xã hội Đức, đương kim thủ tướng CHLB Đức.

(**) **Stoiber** (Edmund) : lãnh tụ CDU - Liên minh xã hội Thiên chúa giáo, thống đốc tiểu bang Bayern, nguyên ứng cử viên thủ tướng liên bang của Liên minh Thiên chúa giáo.

7. Có một nền văn hóa học Việt Nam

Lê Văn Hào

Phải chăng người Việt cổ đã "viết" nên những "trang" văn hóa học đầu tiên của Việt Nam cách nay hơn 3.000 năm ?

Từ Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp đến các trường phái khoa học nhân văn Việt Nam ngày nay, một thế kỷ nghiên cứu đã đưa đến một chân lý lịch sử : tổ tiên người Việt là người Việt cổ, còn gọi là người Lạc Việt, và thời đại đầu tiên của lịch sử Việt Nam là thời đại các vua Hùng, vua Thục, vua Trưng dựng nước Văn Lang - Âu Lạc, thời đại của văn hóa Đông Sơn, còn gọi là văn minh sông Hồng. Và cách nay hơn 3.000 năm, tổ tiên chúng ta, bằng đồ gốm Phùng Nguyên, đồ đồng Đông Sơn, và bằng những chữ viết còn đây bí ẩn, đã sáng tác nên những trang cổ kính nhất của nền văn hóa học Việt Nam.

Những người Việt cổ nhất thời Phùng Nguyên đã làm nên những đồ gốm được trang trí bằng ba loại hoa văn đối xứng, nghĩa là họ đã biết đến ba khái niệm đối xứng khác nhau : đối xứng gương, đối xứng trục (còn gọi là đối xứng quay) và đối xứng tịnh tiến (Hà Văn Tấn, *Người Phùng Nguyên và đối xứng*, 1969).

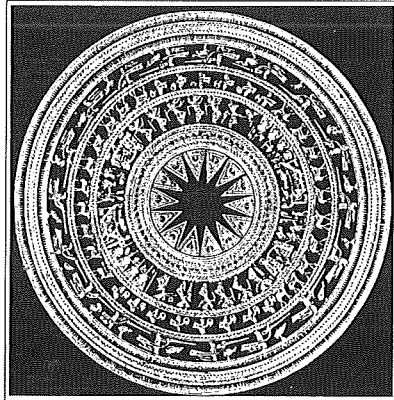
Người Việt cổ thời Đông Sơn đã đúc nên những trống, thạp, vũ khí, dụng cụ bằng đồng... với nhiều hình ảnh khắc chạm cho chúng ta biết nhiều điều cụ thể về đời sống tinh thần : thờ thần mặt trời, tín ngưỡng phồn thực, biểu diễn và thưởng thức âm nhạc, múa, tổ chức lễ hội, chơi trò chồng nọ chồng hoa..., cũng như về đời sống vật chất của họ : chăn nuôi, trồng trọt, dựng nhà, ăn mặc, trang điểm, đi thuyền trên sông nước và cả thế giới thiên nhiên chung quanh họ, với những chim, cá, cá sấu, cóc, hươu, bò, chồn, cáo, voi...

Điều khắc Đông Sơn còn cho thấy cả một cuộc sống Việt cổ bình yên, vui tươi, lạc quan, tình tứ : người thổi sáo, hai người công nhau thổi khèn, bốn đôi gái trai giao hoan... (Hà Văn Tấn chủ biên, *Văn hóa Đông Sơn*, 1994 ; Nguyễn Duy Hinh, *Trống đồng, quốc bảo Việt Nam*, 2001).



Gái trai Việt cổ giao hoan trên mặt thạp đồng

Đặc biệt nhất là trên bốn chiếc qua đồng Đông Sơn có chạm khắc 28 chữ. Đó là những chữ viết Việt cổ mà cho đến nay chưa giải mã được (Hà Văn Tấn, *Dấu vết một hệ thống chữ viết trước Hán và khác Hán ở Việt Nam*



Cuộc sống người Việt cổ trên mặt trống đồng

và Nam Trung Quốc, 1982).

Rõ ràng tổ tiên ta là những nhà nông biết trồng lúa giả gạo, biết dựng nhà, đóng thuyền, những người thợ gốm, thợ luyện kim, đúc đồng có tay nghề cao, chế tạo ra đồng thau, có tâm hồn nghệ sĩ, biết vẽ tranh, tạc tượng, có tư duy khoa học và tư duy thẩm mỹ, biết thế nào là đối xứng, hài hòa, và làm chủ được những khái niệm hình học, số học, và có lẽ đã sáng tạo được chữ viết (dù đến nay chưa giải mã được), chứng minh cho một trình độ tư duy đã vượt qua hiện thực, để đạt đến trừu tượng, biểu tượng, khái quát.

Đóng góp phong phú của người nước ngoài vào nền văn hóa học Việt Nam từ hơn 2.000 năm qua

Do tình cờ của lịch sử, Việt Nam đã trải qua một đêm dài Bắc thuộc hơn nghìn năm và một đêm ngắn Pháp thuộc ngót nghét trăm năm. Ngoài ý muốn của họ, người Trung Quốc và người Pháp đã đóng góp nhiều cho văn hóa học Việt Nam.

Những ghi chép đầu tiên về Văn Lang - Âu Lạc, rồi Đại Việt nằm trong 25 bộ sử của các vương triều phương Bắc và trong trước tác của nhiều tư gia Trung Quốc. Tất cả các thư tịch cổ ấy đã được tập hợp đầy đủ trong *Tứ khố toàn thư* đồ sộ của đời Thanh.

Trong các thế kỷ từ 16 đến 19, vương quốc Đại Việt rồi Đại Nam đã tiếp xúc với nhiều giáo sĩ, nhà buôn, nhà thám hiểm, nhà mạo hiểm châu Âu. Chữ quốc ngữ ra đời. Thư từ, du ký, hồi ký, từ điển... của họ cộng với những tác phẩm của người Việt theo đạo Công giáo viết bằng chữ quốc ngữ đã tạo nên một nguồn tư liệu văn hóa học quý báu.

Từ nửa sau thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20 là thời kỳ giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa Việt Nam với Pháp và Âu Tây. Sự có mặt của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO) tại Việt Nam từ 1900 đến 1957, rồi từ 1990 đến nay là một đóng góp to lớn cho văn hóa học Việt Nam. Đáng chú ý là trường đã đào tạo cho Việt Nam nhiều nhà văn hóa học ưu tú như những Nguyễn Văn Huyền, Trần Văn Giáp... trước 1945. Ngoài những đóng góp của Trung

Số thứ tự	Hệ hiệu	Tên số	Qua	Số thứ tự	Hệ hiệu	Tên số	Qua
1	𠄎	1	TS4	11	𠄎	4	OS1
2	𠄎	1	TH	12	𠄎	1	OS2
3	𠄎	1	TS1	13	𠄎	1	OS3
4	𠄎	1	TH	14	𠄎	1	TS2
5	𠄎	1	TH	15	𠄎	1	TS2
6	𠄎	2	TH/TS1	16	𠄎	1	OS1
7	𠄎	2	TS1	17	𠄎	1	TS1
8	𠄎	4(5)	OS2	18	𠄎	4	TH
9	𠄎	5	TS2	19	𠄎	1	OS1
10	𠄎	1	OS1	20	𠄎	1	OS1

Hệ thống chữ viết Việt cổ (chưa giải mã được)

Quốc và Pháp, còn phải kể đến những công trình văn hóa học của học giả nhiều nước trên thế giới : Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga... (Phan Huy Lê, *Việt Nam học trên đường phát triển và giao lưu, hợp tác quốc tế*, 2004).

Bước đầu phát triển của nền văn hóa học Việt Nam trong thời đại quân chủ ngàn năm

Nói gì thì nói, phần đóng góp quan trọng nhất vào văn hóa học Việt Nam vẫn là của người Việt Nam.

Văn hóa học thời Lý-Trần-Lê sơ (thế kỷ 11-15)

Vào những năm 1930, nhà khảo cổ học Pháp Louis Bezacier đã phát hiện ra những bệ đá kê các cột của chùa Pháp Tích có niên đại thế kỷ 11 trên đó chạm nổi dàn nhạc mười nghệ sĩ Việt chơi tám nhạc khí gần gũi với những nhạc khí Trung Quốc và Ấn Độ. Ông cha ta đã viết nên những trang văn hóa học ở thời Lý như thế đó. Ở thời Trần ta sẽ gặp lại hình ảnh những nhạc sĩ, những vũ sĩ Việt được chạm nổi trên các điêu khắc gỗ của chùa Thái Lạc. Vậy thì tài liệu văn hóa học đâu chỉ xuất hiện dưới dạng chữ viết? Nhưng phải nói thêm rằng bên cạnh những *Đại Việt sử lược*, *Tam Tổ thực lục*, *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Nam Ông mộng lục*... của thời Lý-Trần, *An Nam chí lược* của Lê Tắc (1307) là tư liệu văn hóa học rất quan trọng vì nó đã tập hợp được một khối lượng khá lớn những sự kiện lịch sử và văn hóa (kể cả âm nhạc) liên quan đến Việt Nam.

Ở thế kỷ 15, Nguyễn Trãi, tác giả *Đại cáo bình Ngô* bất hủ, đã cống hiến cho văn hóa học Việt Nam kiệt tác lớn đầu tiên : đó là cuốn *Dư địa chí* (1434), còn gọi là *Ức Trai dư địa chí*, gồm 54 mục, ghi chép khá đầy đủ địa lý thiên nhiên, hành chính lãnh thổ, văn hóa vật chất và tinh thần của Đại Việt từ thời cổ đại đến đầu thời Lê sơ.

Văn hóa học từ thời Mạc-Trịnh-Nguyễn-Lê mạt (thế kỷ 16-18) đến thời Tây Sơn-Nguyễn (cuối thế kỷ 18-cuối thế kỷ 19)

Nếu Lý-Trần-Lê sơ là *thời đại phục hưng văn hóa dân tộc*, thời đại của những Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông lừng lẫy thì có thể xem Mạc-Trịnh-Nguyễn-Lê mạt là một *thời kỳ phục hưng văn hóa dân gian* với ca dao, tục ngữ, truyện cười, truyện Trạng, truyện nôm, hàng trăm ngôi đình chứa đựng hàng ngàn bức chạm khắc gỗ dân gian, rồi tranh Đông Hồ, và nhất là gồm



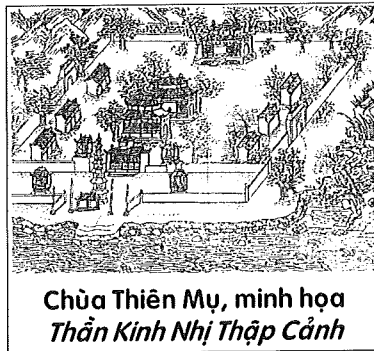
**Nguyễn Trãi (1380-1442)
nhà văn hóa học lớn**

sứ Bát Tràng, Chu Đậu... được thế giới trung đại chú ý và nể trọng.

Hai đại biểu ưu tú của văn hóa học thời Mạc-Trịnh-Nguyễn-Lê mạt là Lê Hữu Trác và Lê Quý Đôn. Lê Hữu Trác (1720-1791) là tác giả bộ bách khoa thư y dược học *Hải thượng Y tông tâm lĩnh* đồ sộ; ông còn là nhà dưỡng sinh học, nhà dinh dưỡng học và ẩm thực học với *Vệ sinh yếu quyết* và *Nữ công thắng lãm*. Còn Lê Quý Đôn (1726-1784), nhà bác học đã viết gần 40 bộ sách thuộc nhiều lãnh vực khoa học nhân văn thì đúng là nhà bách khoa toàn thư lớn nhất của thời đại quân chủ. Kiệt tác của ông là *Vân Đài loại ngữ* mà để viết nó ông đã tham khảo 557 cuốn

sách của ta và của Trung Quốc, có cả sách châu Âu dịch ra chữ Hán để lại cho đời sau một cái nhìn bao quát về đất nước và văn hóa Đại Việt giàu đẹp.

Thời Tây Sơn-Nguyễn (từ 1789 đến 1885) với đất nước được thống nhất lại và mở rộng tối đa, với quốc hiệu Đại Việt trở thành Đại Nam như muốn thách thức với những Đại Đường, Đại Tống, Đại Minh, Đại Thanh ở phía Bắc, đã là một *thời kỳ chớm phục hưng văn hóa* nhưng rồi bị dở dang, thui chột vì nạn mất nước. Nếu không có phong trào thực dân uy hiếp cả châu Á lẫn châu Phi thì đó là thời kỳ vẻ vang của những Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Phan Huy Chú, Cao Bá Quát..., của kiến trúc cung đình và nhã

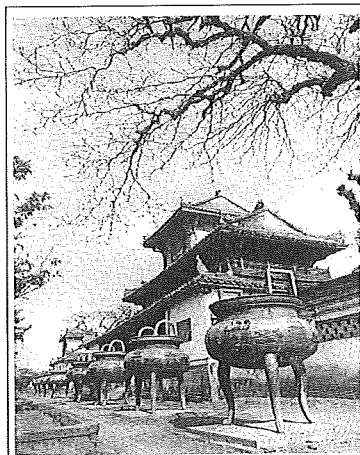


**Chùa Thiên Mục, minh họa
Thần Kinh Nhị Thập Cảnh**

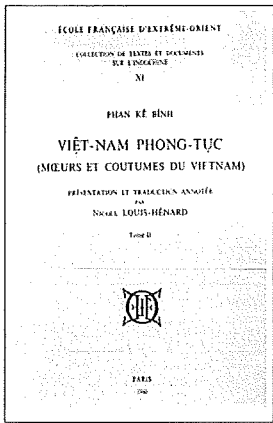
nhạc cung đình Huế, hai sáng tạo Việt Nam mới đây đã được công nhận là di sản văn hóa thế giới (1993, 2003).

Nhà bác học Phan Huy Chú (1782-1840) đã cống hiến cho văn hóa học Việt Nam kiệt tác *Lịch triều hiến chương loại chí*, soạn thảo trong 10 năm và mang dáng dấp một bách khoa toàn thư đích thực gồm 49 quyển, lần lượt trình bày tình hình lịch sử và địa lý Việt Nam qua các thời đại, tiểu sử các nhân vật, chế độ quan chức, các hình thức lễ nghi, chế độ khoa cử, chế độ thuế má và hành chính, tình hình pháp luật các triều đại, cách tổ chức quân đội, tình hình sách vở Hán-Nôm, chính sách đối ngoại và lịch sử ngoại giao Việt Nam-Trung Quốc.

Bên cạnh *Lịch triều hiến chương loại chí*, thời thịnh của triều Nguyễn (Minh Mạng) còn để lại cho đời sau một công trình rất độc đáo, đó là bộ đỉnh đồng lớn chín cái (Cửu Đỉnh) đúc vào năm 1835-1837, vừa là một kiệt tác của kỹ thuật đúc đồng và nghệ thuật trang trí, vừa là một bách khoa thư văn hóa học bằng hình ảnh. Mỗi đỉnh được đặt một tên (Cao, Nhân, Chương, Anh, Nghị, Thuần, Tuyên, Dụ, Huyền) và được trang trí bằng các hình



**Cửu Đỉnh Huế, một công
trình văn hóa học**



chạm nổi, tổng cộng 162 hình, phản ánh tất cả những gì đặc sắc nhất của vũ trụ, thiên nhiên, đất nước và văn hóa vật chất Việt Nam. Trên chín cái đỉnh, chúng ta thấy hình ảnh : biển Đông, biển Nam, cửa Thuận, cửa Hàn, núi Tản Viên, núi Ngự Bình, đèo Hải Vân, sông Hồng, sông Cửu Long, kênh Vĩnh Tế..., con rồng, chim công, chim trĩ, cá sấu, con sam, con trăn, rùa các loại, ve

sâu, cọp, beo, ngựa, heo, nai..., quế, trầu, trầm hương, gừng, hành, tỏi..., gạo tẻ, gạo nếp, cây mít, cây cau, nhãn vải, gỗ trắc, gỗ lim, hoa sen, hoa nhài, hướng dương... Nhà Việt Nam học người Pháp Barnouin đã gọi Cửu Đỉnh là tấm gương của vũ trụ Việt Nam (*Le miroir du cosmos vietnamien*).

Cơ quan văn hóa học thuật lớn nhất của triều Nguyễn là Quốc sử quán, hoạt động từ 1824 đến 1945, đã biên soạn và khắc in gần 70 bộ sách, mỗi bộ dày từ 1.000 đến 10.000 trang chữ Hán, nhiều bộ có cả tranh minh họa, nổi tiếng nhất là *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Đồng Khánh địa dư chí*... là những công trình văn hóa học đồ sộ nhất của thời đại quân chủ đã qua (Phan Thuận An, *Quốc sử quán triều Nguyễn*..., 1998).

Thành tựu của văn hóa học Việt Nam trong ngót một trăm năm giao lưu và tiếp biến văn hóa Việt Nam-Âu Tây

Kể từ sau khi người Pháp gây hấn với Đại Nam (1858) đến giữa thế kỷ 20 để áp đặt sự thống trị trên đất nước ta, áp đặt luôn việc sử dụng tiếng Pháp và chữ quốc ngữ trong hoạt động hành chính, đời sống chính trị và sinh hoạt văn hóa thì chữ quốc ngữ đã trở thành cái đòn bẩy thúc đẩy văn hóa Việt Nam thời thuộc địa nói chung và văn hóa học Việt Nam nói riêng gặt hái được những thành tựu đáng kể ngoài ý muốn của kẻ cầm quyền. Văn học chữ quốc ngữ xuất hiện đầu tiên tại Nam kỳ, gắn liền với hoạt động rầm rộ của báo chí chữ quốc ngữ (tờ báo đầu tiên của Việt Nam là *Gia Định báo*, số 1, 15-4-1865), gắn liền với sự nghiệp văn hóa quan trọng của những Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký... Văn học và báo chí chữ quốc ngữ xuất hiện tại Bắc kỳ muộn hơn (*Đại Việt tân báo*, 1905, *Đại Nam đồng văn nhật báo*, 1907...), gắn liền với sự nghiệp văn hóa to tát của những Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Phan Kế Bính, Trần Trọng Kim... và nhất là Tự Lực Văn Đoàn. Nền văn hóa học Việt Nam, từ nay thôi sử dụng chữ Hán, chữ Nôm, đã đạt đến những thành tựu đáng kể như *Việt Nam phong tục*, *Nam Phong tùng thư*, *Thượng chí văn tập*, *Âu Tây tư tưởng*, *Việt Nam văn minh sử lược khảo*...

Có lẽ ba nhà văn hóa học lỗi lạc của thời kỳ nửa đầu

thế kỷ 20 là Trần Văn Giáp (*Lược truyện các tác gia Việt Nam*, *Tim hiểu kho sách Hán-Nôm*...), Đào Duy Anh (*Việt Nam văn hóa sử cương*, *Từ điển Pháp-Việt*, *Từ điển Hán-Việt*...), và nhất là Nguyễn Văn Huyền : bộ sách *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* (1995-1996) của ông là tập đại thành hàng chục công trình dân tộc học và văn hóa học đã được công bố trong khoảng 1/4 thế kỷ, từ *Nam nữ đối ca ở Việt Nam* và *Nghiên cứu nhà sàn ở Đông Nam Á* xuất bản tại Paris đến những nghiên cứu lớn khác xuất hiện trên tập san Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp mà ông là một thành viên ưu tú trước 1945.

Bước trưởng thành và phát triển mạnh mẽ của 30 năm văn hóa học Việt Nam hiện đại hiện kim (1975-2004)

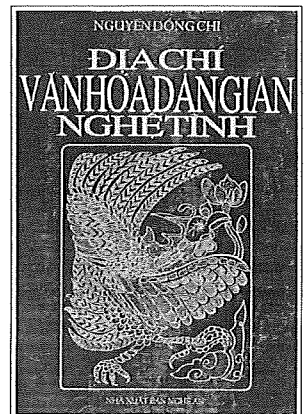
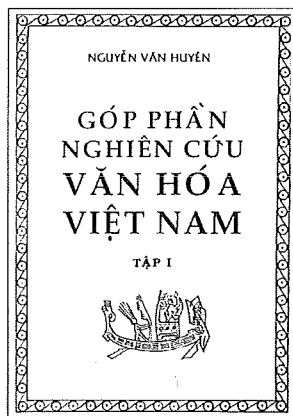
Vào tháng 8-1995, bộ môn văn hóa học được chính thức đưa vào giảng dạy tại đại học quốc gia Hà Nội trong hai chương trình : *Văn hóa học đại cương* và *Cơ sở văn hóa Việt Nam*.

Tuy là môn học mới nhưng văn hóa học đã có mặt từ nửa thế kỷ nay trong đời sống khoa học nhân văn Việt Nam. Nó đã có mặt từ ngày có ban Văn Sử Địa (1953) và tiếp tục có mặt - dù không có tên - trong các viện nghiên cứu của một tập hợp cơ quan nhiều lần thay đổi tên gọi : đầu tiên là Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, rồi đổi thành Viện khoa học xã hội Việt Nam, sau đổi thành Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia Việt Nam, để mới đây năm 2004 lại trở về với tên cũ là Viện khoa học xã hội Việt Nam.

Bên cạnh các cơ quan nghiên cứu chuyên ngành gắn bó mật thiết với văn hóa học, việc nghiên cứu liên ngành khoa học nhân văn Việt Nam cũng được quan tâm. Đại học tổng hợp Hà Nội đã thành lập Trung tâm hợp tác nghiên cứu Việt Nam (1989) được đổi thành Trung tâm nghiên cứu Việt Nam và giao lưu văn hóa trực thuộc Đại học quốc gia Hà Nội (1995), và mới đây được đổi thành Viện Việt Nam học và khoa học phát triển (2004). Cần ghi nhận hai hoạt động lớn của văn hóa học Việt Nam hiện đại ở trong nước:

- Trung Tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia Việt Nam phối hợp với Đại học quốc gia Hà Nội đã tổ chức *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất* tại Hà Nội, từ 15 đến 17-7-1998, với chủ đề tổng quát *Nghiên cứu Việt Nam và phát triển hợp tác quốc tế*, với sự tham dự của gần 300 nhà khoa học nước ngoài và 400 nhà khoa học Việt Nam.

- Viện khoa học xã hội Việt Nam và Đại học quốc gia Hà Nội đã tổ chức *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ hai* tại Sài Gòn từ 14 đến 16-7-2004, với chủ đề lớn *Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập : truyền thống và hiện đại*, với sự tham dự của 550 nhà khoa học, trong đó 189 người đến từ 26 nước.



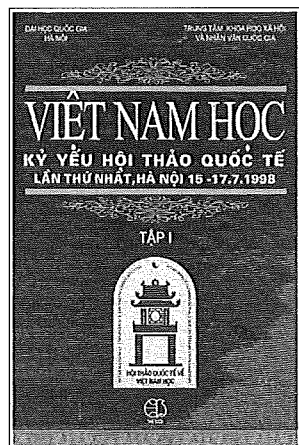
Điều quan trọng là trong khoảng thời gian 1/4 thế kỷ qua, văn hóa học Việt Nam trong cũng như ngoài nước cũng đã gặt hái được nhiều thành quả quan trọng.

Ở nước ngoài, nhất là ở Tây Âu và Bắc Mỹ, kể từ khi những Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Mạnh Tường làm luận án tiến sĩ về *Nam nữ đối ca ở Việt Nam* hay về *Bộ luật Hồng Đức thời Lê sơ*, Việt Nam học của người Việt hải ngoại đã không ngừng đóng góp cho nền Đông phương học thế giới. Trong nửa thế kỷ gần đây, sự đóng góp ấy lại càng thêm dồi dào đa dạng. Các tạp chí, tập san trên giấy và trên mạng internet chuyển tải những công trình nghiên cứu văn hóa học xuất hiện ngày càng nhiều: *Thế kỷ 21, Hợp Lưu, Vietnamologica...* ở Hoa Kỳ, Canada..., *Thông Luận, Diễn Đàn, Thời Đại, Chim Việt Cành Nam, Cahier d'Etudes vietnamiennes* (Đại học Paris 7)... ở Pháp đã góp phần làm cho trăm hoa văn hóa học Việt Nam đua nở dưới trời Âu Mỹ. Một công trình có tính tổng hợp cao như *Hành trình vào các nền văn hóa của Việt Nam* (Lê Thành Khôi), bộ sách nhiều tập gồm *Việt Nam gấm hoa, Việt Nam tinh hoa, Việt Nam quang hoa, Việt Nam anh hoa, Việt Nam thăng hoa* (Thái Văn Kiểm), *Nhật ký nhiều tập cực kỳ hấp dẫn của những Phạm Duy, Trần Văn Khê...* chỉ là một vài ví dụ của vô vàn thành tựu văn hóa học Việt Nam hải ngoại.

Ở trong nước, chỉ xin nêu ra những thành tựu văn hóa học trong hai lãnh vực rất đáng chú ý: *Địa phương chí và văn nghệ dân gian*.

Muốn chứng minh rằng có một nước Việt Nam giàu đẹp cả về thiên nhiên lẫn nhân văn thì nhất thiết phải tham khảo gần 20 công trình địa phương chí đã được công bố trong vòng 25 năm gần đây: *Địa chí Hà Bắc, Địa chí Vĩnh phú, Địa chí văn hóa dân gian Thăng Long-Đông Đô-Hà Nội, Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh, Địa chí văn hóa Bến Tre, Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh* (4 tập), v.v. Và mới đây nhất: *Địa chí Cao Bằng* (2001, 907 trang), *Địa chí Bắc Giang* (2002, 914 trang), *Địa chí Bình Định* (nhiều tập, 2002), Đất và người Thái Bình (2003, 987 trang)...

Đóng góp nhiều nhất vào văn hóa học Việt Nam trong những năm gần đây có lẽ là cuộc tổng kiểm kê kho tàng văn nghệ dân gian Việt Nam dưới hình thức những xuất bản phẩm đồ sộ: *Kho tàng tục ngữ người Việt* (hai tập, 3246 trang), *Kho tàng ca dao người Việt* (hai tập, 3082 trang), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (hai tập, 1858 trang), *Kho tàng truyện cười Việt Nam* (5 tập, 2260 trang), *Kho tàng truyện Trạng Việt Nam* (6 tập, 2000 trang), *Nguyễn Quỳnh, Trạng Quỳnh, Truyện Trạng Quỳnh* (420 trang), *Kho tàng điển xướng dân gian* (884 trang), *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam* (1445 trang), *Di sản*



thủ công mỹ nghệ Việt Nam (1207 trang), v.v.

Những quan trọng nhất có lẽ là việc công bố bộ *Tổng tập văn hóa dân gian người Việt*, 19 tập, do Nguyễn Xuân Kính và bốn chuyên gia văn hóa học ở Hà Nội chủ biên. Tiếp theo bộ *Tổng tập văn học Việt Nam* (văn học viết của người Việt), do Đinh Gia Khánh tổng chủ biên, với 42 tập và hơn 40.000 trang, thì bộ *Tổng tập văn học dân gian người Việt* này với một bản thảo dày 19.000 trang đánh máy khổ A4 là thành tựu văn hóa học mới nhất, với 11 tập đã công bố, tính đến tháng 7-2004.



Có thể nêu tên một số nhà xuất bản đã công bố nhiều công trình văn hóa học có giá trị khi họ cố gắng chọn tiêu chuẩn khoa học và văn hóa đích thực thay cho tiêu chuẩn lười gở đã chế ngự lâu dài trong chế độ toàn trị. Đó là các nhà xuất bản: Trẻ, Thế Giới (hậu thân của nhà xuất bản Ngoại Văn), Khoa học xã hội, Văn hóa thông tin, Văn hóa dân tộc, Âm nhạc, Mỹ thuật, v.v. Một số tạp chí, tập san cũng đã đóng góp nhiều cho sự phát triển của văn hóa học: *Etudes vietnamiennes* (tiếng Pháp và tiếng Anh) có mặt từ 40 năm nay và đã ra hơn 150 số, *Nghiên cứu văn hóa* (hậu thân của Văn nghệ dân gian), *Nghiên cứu nghệ thuật, Dân tộc học, Khảo cổ học, Nghiên cứu lịch sử, Nghiên cứu Hán-Nôm, Văn học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Văn hiến, Thông báo khoa học* của Viện âm nhạc, v.v.

Có những tên tuổi được giới Đông phương học và Việt Nam học quốc tế chú ý: đó là những Hà Văn Tấn, Vũ Khiêu, Đinh Gia Khánh, Nguyễn Đồng Chi, Nguyễn Huệ Chi, Nguyễn Từ Chi, Đinh Xuân Lâm, Trần Quốc Vượng, Đỗ Văn Ninh, Cao Xuân Huy, Cao Xuân Hạo, Tô Ngọc Thanh, Đặng Văn Lung, Phan Ngọc, Vũ Ngọc Khánh, Huỳnh Ngọc Trảng, Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Xuân Kính, Cao Huy Đình, Chu Quang Trứ, Hữu Ngọc, Nguyễn Huy Hồng, Phan Huy Lê, Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Vinh Phúc, Phan Thuận An, Trần Bảng, Hà Văn Cầu, Nguyễn Đình Đầu, Sơn Nam, Nguyễn Duy Hinh, Lư Nhất Vũ, Phạm Đức Dương, Nguyễn Tấn Đắc...

Trước tác văn hóa học được in lại nhiều lần, được dịch ra tiếng nước ngoài và đang gây nhiều tranh luận là cuốn *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam* của Trần Ngọc Thêm, viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm khoa học tự nhiên Nga, và nhà văn hóa học có sự nghiệp trước tác phong phú và sâu sắc vào hàng đầu hiện nay là Trần Quốc Vượng, giáo sư Đại học quốc gia Hà Nội, mà cuốn *Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm* (2000, 986 trang) đáng được xem là một kiệt tác.

Lê Văn Hảo (Paris)

Một chiến thắng của nhân dân ?

Cuộc bầu cử tổng thống đầy sóng gió tại nước cộng hòa Ukraine (thuộc Liên xô cũ) hồi cuối tháng 11 vừa qua đã làm cả thế giới chú ý. Hai ứng cử viên tổng thống, với hai luồng tư tưởng khác nhau, đang gây ra nhiều tranh cãi. Yushchenko, chủ tịch đảng "Ukraine của chúng ta", thuộc phe đối lập với đường lối thân phương Tây, coi trọng các giá trị của phương Tây, muốn xích lại gần hơn với châu Âu. Bên kia là đương kim thủ tướng Yanukovich, với lập trường thân Nga, được tổng thống Kuchma và đặc biệt là tổng thống Nga Putin ủng hộ mạnh mẽ.

Theo công bố của Ủy ban bầu cử trung ương, sau cuộc bầu cử vòng hai ngày chủ nhật 21-11-2004, ông Yanukovich đã đắc cử với tỉ lệ phiếu cao hơn ông Yushchenko gần 3%. Ngay sau khi kết quả này được loan báo thì đã vấp phải sự phản ứng mạnh mẽ từ phía ông Yushchenko cũng như dân chúng, những người ủng hộ ông. Điều này dẫn đến các cuộc biểu tình rầm rộ phản đối kết quả bầu cử trên khắp nước, đông nhất là tại thủ đô Kiev. Ban đầu là hàng chục nghìn người, một hai hôm sau con số này đã tăng lên hàng trăm ngàn người, và họ đã ở lại biểu tình suốt một tuần qua trong thời tiết lạnh giá (ban đêm nhiệt độ dưới 10 độ âm).

Các cuộc biểu tình khổng lồ đã diễn ra là do cáo buộc có gian lận bầu cử. Nhiều quan sát viên của nước ngoài, trong đó có châu Âu và Mỹ, cũng đã xác nhận cáo buộc này. Trừ Nga và Trung Quốc.

Ukraine là một nước thuộc Liên Xô cũ, người dân khá hiền lành và cam chịu vì đã quen sống dưới sự bảo hộ của đế quốc Nga, đặc biệt là trong thời cộng sản, họ chỉ biết tuân phục mệnh lệnh, ít khi dám chống đối. Chính vì vậy những cuộc biểu tình khổng lồ đang diễn ra đã làm nhiều người ngạc nhiên. Dù kết quả sau này có như thế nào đi nữa thì đây đã là một chiến thắng ngoạn mục của người Ukraine. Họ đã nhận thức được giá trị của mình và biết lo lắng cho tương lai và vận mệnh của đất nước.

Người thua cuộc đầu tiên có lẽ là tổng thống Kuchma sắp mãn nhiệm. Với hai nhiệm kỳ tổng thống ông ta đã không làm được gì nhiều cho đất nước, để đến lúc gần rời nhiệm sở phải chứng kiến cảnh người mà mình ủng hộ hết lòng (Yanukovich) bị dân chúng tẩy chay mạnh mẽ đến như vậy. Người cùng cảnh với Kuchma là ứng cử viên tổng thống, đương kim thủ tướng Yanukovich, với quyền lực đang có trong tay, với sự ủng hộ mạnh mẽ của giới tài phiệt cũng như các phương tiện truyền thông đại chúng, thế nhưng vẫn không thu phục nổi nhân tâm. Người thứ ba là tổng thống Nga Putin, vì quá nóng lòng mong cho Yanukovich thắng cử mà ông đã đi những bước vội vã và hấp tấp : trước khi xảy ra cuộc bầu cử, Putin đã hai lần đến Kiev ủng hộ Yanukovich, không những thế ông còn đã đối thoại trực tiếp với dân Ukraine trên truyền hình (một việc chưa từng xảy ra) ; rồi ngay sau khi cuộc bầu cử kết thúc,

ông là người đầu tiên gọi điện chúc mừng Yanukovich, trong khi kết quả vẫn chưa rõ ràng. Chỉ với việc Quốc hội tuyên bố hủy bỏ kết quả bầu cử không thôi thì tổng thống Putin cũng đã mất mặt, huống chi lần này lại có thêm phán quyết hủy bỏ cuộc bầu cử của Tòa án Tối cao Ukraine.

Dân chúng Ukraine hiện nay đang tạm chia thành hai nhóm ủng hộ hai ứng cử viên của mình. Nhiều lời đe dọa đã được đưa ra như việc thống đốc các vùng đất phía Đông đòi trưng cầu dân ý để tự trị, còn các vùng phía Tây và Nam Ukraine cho biết sẽ bất tuân phục chính quyền trung ương nếu Yanukovich làm tổng thống. Nhiều cáo buộc đưa ra từ hai phía như Yushchenko là con rối của Mỹ, do Mỹ và châu Âu giật dây, còn Yanukovich thì bám đuôi Nga.

Tuy nhiên, khách quan và công bằng mà nói, nguyên nhân chính dẫn đến các cuộc biểu tình rầm rộ là cuộc sống của đa số dân chúng vẫn còn quá nghèo khổ. Cho dù kinh tế của Ukraine vẫn tăng trưởng đều trong mấy năm qua nhưng đời sống của dân chúng vẫn còn nhiều khó khăn, công bằng xã hội vẫn chưa có, luật pháp vẫn chưa tôn trọng đúng mức, nhân quyền vẫn còn bị chà đạp... Nói tóm lại, Ukraine vẫn còn thua xa những nước láng giềng thân phương Tây như Ba Lan, cộng hòa Séc, Hungari... Chính vì vậy, kết quả cuộc bầu cử công bố Yanukovich thắng cử đã là giọt nước tràn ly ; lời kêu gọi xuống đường của Yushchenko đáp ứng một phên nào ước vọng muốn thay đổi của quần chúng. Dân Ukraine muốn **thay đổi hiện tại của ngày hôm nay**, đặc biệt là vùng phía Tây và Nam Ukraine, nơi giáp ranh với Ba Lan ; người dân tại đây đã chứng kiến những thay đổi to lớn tại quốc gia láng giềng này. Ngược lại, dân chúng sinh sống ở vùng phía Đông Ukraine, nơi giáp ranh với Nga ; do sống chung với nước Nga quá lâu nên nhiều người vẫn cho mình là người Nga. Sự ủng hộ Yanukovich của dân chúng tại đây phần lớn là do cảm tính chứ chưa hẳn là chương trình hành động của ông đã thu phục được họ.

Vị trí địa lí của Ukraine cũng khá đặc biệt, một bên giáp với Liên Hiệp Châu Âu (Ba Lan), một bên giáp với Nga. Vì vậy cả Nga và châu Âu đều quan tâm đến cuộc bầu cử này, vì quyền lợi và tiếng nói của mình. Nhiều tuyên bố và phản ứng đưa ra (kể cả nhiều cuộc vận động sau hậu trường) chứng minh cho điều này.

Trước khí thế của nhân dân sôi sục như vậy chỉ có chương trình hành động của các ứng cử viên mới có thể đem lại chiến thắng. Nhiều lời đe dọa một Ukraine bất ổn, đổ máu và bị chia cắt đã được đưa ra, nhưng hy vọng rằng mọi chuyện sẽ kết thúc trong hòa bình và tốt đẹp. Nguyện vọng của người dân sẽ được tôn trọng và lắng nghe. Dân là nước, họ có thể đẩy thuyền đi hay lật úp thuyền.

Bài học mà những người lãnh đạo Việt Nam có thể rút ra từ Ukraine là hãy biết lắng nghe và tôn trọng ước nguyện của người dân. Đừng để "giọt nước tràn ly", "tức nước vỡ bờ". Hãy làm cho cuộc sống người dân được tốt đẹp, hãy đối xử tốt với họ từ bây giờ, với lòng bao dung, chân thành và thiện chí. Không có một dân tộc nào chịu im lặng và khiếp sợ mãi cả.

Trần Vượng (Kiev)

UKRAINE tương lai sẽ rất phức tạp

Cuộc bầu cử gian lận trắng trợn ngày 21-11-2004 đã bị hủy bỏ. Một cuộc bầu cử cử mới sẽ được tổ chức ngày 26-12-2004 với kết quả là dân đảo ngược sự thắng lợi. Viktor Yushchenko sẽ đắc cử.

Người ta không thể hiểu tại sao tổng thống Nga Vladimir Putin lại đại đột khuyến khích sự gian lận, công khai hỗ trợ thủ tướng Viktor Yanukovich để rồi bị bẽ bàng nếu không quay lại với lịch sử Ukraine. Quốc gia này mới chỉ được thành lập sau thế chiến 1, lãnh thổ chỉ ổn định trong biên giới hiện nay sau thế chiến 2.

Ukraine gồm hai miền khác nhau : miền Đông theo đạo Cơ Đốc Chính Thống, rất gần với Nga, đa số dân chúng gốc Nga ; miền Tây theo Công giáo La Mã, trước đây thuộc Ba Lan, trong lòng đế quốc Áo-Hung. Trong thế chiến 2, Ukraine đã chịu những tổn thất nặng nề, hơn 5 triệu người đã thiệt mạng. Trước đó chính sách nông nghiệp của Stalin trong hai năm 1932-1933 cũng đã làm gần 10 triệu người chết đói, trên một dân số chưa tới 30 triệu người, và đã gây chia rẽ trầm trọng dân tộc Ukraine.

Ukraine có địa điểm chiến lược rất quan trọng đối với Nga. Miền Đông Ukraine có bờ biển dài mở ra Biển Đen, cửa ra vào Địa Trung Hải của Nga, và bán đảo Crimea chế ngự Biển Đen, trên đó Nga có căn cứ hải quân quan trọng tại Sebastopol. Nếu Ukraine trở thành một nước thân phương Tây và là thành viên của khối NATO, như ứng cử viên đối lập Yushchenko chủ trương, thì Nga sẽ mất phần ảnh hưởng trên Biển Đen. Vì thế đối với Nga, sự tan vỡ của Ukraine thành hai nước phía Đông và phía Tây, ngăn cách bởi sông Dniepr với miền Đông gần bó với Nga, vẫn còn lợi hơn là một nước Ukraine thống nhất thân phương Tây.

Liên Hiệp Châu Âu về lâu về dài cũng muốn Ukraine trở thành một quốc gia thành viên của mình để yên trí về phía Đông. Ba Lan, nước gần gũi với Ukraine cả về địa lý lẫn chủng tộc và văn hóa lại càng mong muốn có một người anh em trong gia đình châu Âu. Hoa Kỳ cũng mong Ukraine sớm sáp lại và hội nhập với châu Âu vì như thế họ sẽ có thêm được một đồng minh lớn, để có thể cân bằng thế lực của hai nước kinh địch với Mỹ là Đức và Pháp.

Nếu Yushchenko đắc cử như dự đoán và lấy thái độ công khai thân phương Tây, sự tan vỡ của Ukraine có khả năng xảy ra. Cuộc bầu cử sắp tới không giải quyết xong vấn đề của Ukraine. Muốn tồn tại được, quốc gia này cần một chính sách hòa giải, quân bằng những nguyện ước của hai miền Đông và Tây.

TRUNG QUỐC nông dân nổi loạn

Việc trưng thu và cấp phát đất đai bù trừ của các cán bộ nhà nước đang gây xung đột lớn giữa nông dân và các chính quyền địa phương trên qui mô toàn quốc. Nhiều cuộc xung đột lớn giữa nông dân và công an đã xảy ra và làm nhiều người thiệt

mạng, hàng trăm người khác bị bắt. Từ tháng 1 đến đầu tháng 11-2004 vừa đã có 87 vụ xung đột trên toàn lãnh thổ Trung Quốc. Lý do của những cuộc xung đột này là sự bất mãn của nông dân sinh sống sâu trong lục địa trước cuộc sống ngày càng nghèo khó hơn so với các nhóm dân cư sinh sống tại thành phố và vùng ven biển, vừa sung túc và phát triển kinh tế với tốc độ cao.

Cuối tháng 10 vừa qua, hàng chục ngàn nông dân huyện Hán Nguyên, tỉnh Tứ Xuyên, đã xuống đường phản đối chính quyền địa phương cưỡng bức họ từ bỏ ruộng đất, nhà cửa để xây một nhà máy phát điện mà không được đền bù xứng đáng. Thật ra những nông dân này chỉ muốn nhà nước tăng thêm một ít tiền bồi thường so với ngạch trả tiền chính thức của chính quyền, gần như là còn số không, nhưng đã bị lực lượng cảnh sát vũ trang tràn tới đàn áp, một nông dân bị chết. Liền tức thì, đoàn biểu tình khiêng xác người nông dân bị chết lên kiệu rồi tiến về ủy ban nhân dân tỉnh khiếu kiện. Không được thỏa mãn, ngày 3-11, hàng chục ngàn nông dân đến bao vây trụ sở hành chính địa phương, cảnh sát chống biểu tình được gọi tới để giải tán nhưng đã bị nông dân chống trả dữ dội, phía công an có 2 người chết, các cán bộ tỉnh đều bỏ trốn.

Cuối tháng 10, tại Trùng Khánh, khoảng 100.000 người đã bao vây trụ sở thành phố phản đối việc công an đàn áp cuộc biểu tình đòi bồi thường thiệt hại do mất đất của nông dân. Tại huyện Hán Nguyên, tỉnh Tứ Xuyên, quân đội cũng đã được gọi tới trấn áp cuộc biểu tình hàng trăm ngàn người trong liên tiếp 10 ngày từ 27-10 đến 5-11. Bắc Kinh đã phải ra lệnh tạm ngưng việc xây đập cho đến khi chính quyền trung ương điều tra xong. Đầu tháng 11-2004, tại Tiền Lâm, tỉnh Thiểm Tây, nông dân "bám trụ" giữ đất không cho công an tới trục xuất

ra khỏi ruộng đất mà chính quyền địa phương dự định xây một khu kinh tế, hàng chục nông dân bị tử thương. Phía nông dân đã cử một đoàn đại biểu gồm 18.000 người lên Bắc Kinh để đưa bản trần tình khẩn cấp lên chủ tịch nhà nước Hồ Cẩm Đào. Ngày 4-11 tại Phúc An, tỉnh Phúc Kiến, khoảng một ngàn nông dân biểu tình phản đối chính quyền địa phương tịch thu đất để xây xe đường cao tốc, 17 người đã bị bắt.

Theo cơ quan nghiên cứu nông nghiệp của Trung Quốc, từ mùa hè năm 2003 đến mùa hè năm 2004 đã có 130 vụ

THỜI SỰ QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM



**Nông dân Trung Quốc
biểu tình lật xe cảnh sát**

kháng nghị lên chính phủ do tranh chấp ruộng đất, trong đó có 87 vụ xung đột, làm 3 nông dân chết và 160 người bị bắt. Các vụ xung đột lớn đã diễn ra tại các tỉnh Triết Giang, Liêu Đĩnh, Giang Tô, Hà Bắc, Sơn Đông, Quảng Đông, Cam Túc, nghĩa là ở khắp Trung Quốc. Những cuộc biểu tình đông nhất là quanh các thành phố kinh tế phát triển nhất là Thượng Hải, Thẩm Dương, Bắc Kinh, Quảng Châu, Thành Đô.

Lo sợ sự nổi loạn của nông dân, cuối tháng 10 vừa qua, thủ tướng Ôn Gia Bảo ra lệnh : "Phải bảo vệ đất đai canh tác, phải quản lý đất đai theo pháp luật, phải bảo chứng lợi ích của nông dân". Nhưng trên thực tế, vì những quyền lợi quá lớn do trưng dụng và bán đất mang lại, đại đa số các cấp chính quyền địa phương đều không tuân hành.

Cũng nên biết, dân số Trung Quốc hiện nay trên 1,3 tỷ người, nông dân chiếm 70%, nếu không giải quyết ổn thỏa những bất mãn của nông dân Trung Quốc sẽ rất khó tiến xa, và không chừng sẽ sống trong bạo loạn. Từ 10 năm nay, do nhu cầu tìm đất để xây dựng cơ sở kinh tế tăng cao, các cấp chính quyền địa phương đã tùy tiện khoanh vùng rồi bán đất của nông dân cho các tổ hợp bất động sản. Các chính quyền địa phương chỉ trả tượng trưng cho nông dân tiền bồi thường bị trưng dụng đất và bán lại rất cao cho những tổ hợp bất động sản lớn. Số nông dân bị mất đất mỗi năm trên hai triệu người.

Ngoài những tranh chấp về đất đai còn xảy ra xung đột về chủng tộc. Cuối tháng 10 vừa qua ở nông thôn tỉnh Hà Nam, đa số là người Hán, đã xung đột với người Hồi, một sắc tộc thiểu số địa phương, vì một tài xế người Hồi do bất cẩn đã cán chết một thiếu nữ người Hán, thế là toàn bộ người Hán tại đây kéo nhau đi đốt nhà người Hồi, và bị đốt nhà lại, 148 người chết. Trong tháng 11, sinh viên đại học Nội Mông cũng đã biểu tình phản đối việc bán Miếu thờ Thành Cát Tư Hãn cho người Hán khai thác.

CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN BẮC HÀN có vẻ chao đảo

Trong tháng 11 vừa qua, nhiều nguồn tin từ Bắc Hàn do Trung Quốc và Nhật thu nhận được cho thấy có nhiều dấu hiệu chứng tỏ chế độ cộng sản Bắc Hàn đang khủng hoảng. Những người Bắc Hàn vượt sông Áp Lục sang tị nạn tại Trung Quốc cho hay tại nhiều nơi ảnh lãnh tụ Kim Nhật Thành (cha của Kim Chính Nhật đang cầm quyền) đã bị dỡ xuống. Một số truyền đơn chống chế độ cũng đã xuất hiện tại Hán Thành. Báo Sankei Shimbun của Nhật đã đăng phóng ảnh một truyền đơn trong đó viết : "*Chủ nghĩa juche [tự lập] biến con người thành nô lệ, cha con [Kim Nhật Thành và Kim Chính Nhật] làm dân tộc ta nghèo đói thế thảm*".

Gần đây đã có bốn tướng lĩnh Bắc Hàn đào thoát qua Trung Quốc và được Trung Quốc sung vào quân đội của mình ở sát biên giới. Sự kiện này khiến một số dư luận cho rằng Trung Quốc có thể mong muốn một cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Kim Chính Nhật. Trong tháng 5 vừa qua, ông O Se Ok, một viên tướng nổi tiếng tại Bắc Hàn, đã vượt

biên sang Nhật và sau đó được cho tị nạn tại Mỹ. Cha của O Se Ok là tướng O Kuk Ryol đứng hàng thứ nhì trong quân ủy trung ương, chỉ sau Kim Nhật Thành.

Tại Nhật, ông Shinzo Abe, lãnh đạo đảng Tự Do đang cầm quyền tại Nhật, cho rằng có thể sắp có thay đổi chế độ tại Bắc Hàn. Những tin tức từ Bắc Hàn rất khó kiểm chứng vì chế độ này cực kỳ bưng bít. Điều chắc chắn là từ hơn hai năm qua Bắc Hàn trải qua một nạn đói kinh khủng, đến nỗi Kim Nhật Thành phải yêu cầu Nam Hàn và thế giới trợ giúp lương thực.

HÀ NỘI TĂNG CƯỜNG quan hệ với Đại Hàn

Từ sau Hội nghị Á-Âu, tổ chức tại Hà Nội thượng tuần tháng 10 vừa qua, quan hệ giữa Việt Nam và Đại Hàn (tức Nam Hàn) càng trở nên gắn bó. Từ khi hai nước thiết lập bang giao với nhau năm 1992, hai vị tổng thống Đại Hàn (Kim Vĩnh Tam, Kim Đại Trọng) đã viếng thăm chính thức Việt Nam, đặc biệt lần này tổng thống Lữ Vũ Huyền còn viếng thăm lăng Hồ Chí Minh và đặt hoa.

Điều này cho thấy quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Đại Hàn bước sang một tốc độ mới. Từ sau cuộc chiến Việt Nam chấm dứt năm 1975, quan hệ giữa Việt Nam và Nam Hàn đã rất khó khăn vì Hán Thành đã gửi quân tham chiến tại Việt Nam và đã gây rất nhiều thiệt hại cho quân đội Bắc Việt và du kích quân cộng sản tại Bình Định. Nhưng sau khi Việt Nam bắt đầu mở cửa, Đại Hàn là một trong vài quốc gia đầu tiên bỏ tiền nhiều nhất vào đầu tư, cho đến nay sự hiện diện của Đại Hàn trong nền kinh tế Việt Nam rất là đáng kể. Đại Hàn rất cần Việt Nam vì có nguồn nhân lực đông đảo, rẻ và chuyên cần, và Việt Nam cũng rất cần Đại Hàn vì là nhà đầu tư lớn, có khả năng giúp nền kinh tế Việt Nam đi lên. Nói chung khi xiết chặt quan hệ ngoại giao, hai nước chỉ có lợi. Chính vì thế, theo lời yêu cầu của Nam Hàn, khoảng 400 người Bắc Triều Tiên (Bắc Hàn) nhập cảnh lậu vào Việt Nam đã được Hà Nội giao lại cho chính phủ Đại Hàn để cho tị nạn. Đây là một cái tát mạnh vào mặt chế độ Bắc Triều Tiên ; Bình Nhưỡng đã trách cứ Hà Nội lạnh nhạt với người đồng chí cũ đang gặp khó khăn.

PHE LÊ ĐỨC ANH chọn thái độ lì lợm thách thức ?

Vụ T4 vẫn tiếp tục gây căng thẳng lớn trong nội bộ đảng cộng sản và quân đội. Thượng tướng Nguyễn Nam Khánh vừa gửi thư chất vấn thứ ba đến các cơ chế lãnh đạo của đảng (Xem Thông Luận số này, trang 10). Sự bất mãn trước những lạm quyền của Tổng Cục 2 ngày càng lan rộng trong đảng, đặc biệt là quân đội. Tương quan lực lượng trong đảng có thể tóm tắt như sau : đại đa số đảng viên và sĩ quan thù ghét phe Lê Đức Anh và nhất là Tổng Cục 2 của phe này nhưng không có quyền ; phe Lê Đức Anh tuy rất cô lập nhưng lại có hầu hết mọi quyền hành ; tổng bí

thư Nông Đức Mạnh và đa số ủy viên bộ chính trị đi nước đôi, không ưa nhưng cũng không dám chống phe Lê Đức Anh.

Ngày càng có dấu hiệu phe Lê Đức Anh chọn đối đầu một cách cứng rắn với phe Võ Nguyên Giáp-Nguyễn Nam Khánh. Trong khi ông Khánh, hành động như là phát ngôn viên của một nhóm tướng lãnh cao cấp, phần lớn đã nghỉ hưu, đòi đem xét xử Đặng Vũ Chính (trung tướng, cựu tổng cục trưởng Tổng Cục 2) và Nguyễn Chí Vịnh (thiếu tướng, con rể Đặng Vũ Chính, hiện là tổng cục trưởng Tổng Cục 2) thì có tin là Nguyễn Chí Vịnh được đề nghị thăng cấp lên trung tướng. Nếu chuyện này xảy ra thì quả thực phe Lê Đức Anh không coi dư luận ra gì.

Ngoài ra trong lá thư thứ ba, ông Nguyễn Nam Khánh còn cho biết nhiều người trong phe Lê Đức Anh đang đòi kỷ luật ông, biện pháp kỷ luật có thể là khai trừ khỏi đảng. Nếu phe Lê Đức Anh dám làm như vậy chắc chắn sẽ có nổ lớn trong đảng, bởi vì ông Khánh không đơn độc. Ông được nhiều tướng lãnh ủng hộ, nhưng hỗ trợ mạnh nhất là những người, dù có thiện cảm hay không với ông Nguyễn Nam Khánh và Võ Nguyên Giáp, muốn đào thải phe Lê Đức Anh để chấm dứt những lộng hành đã kéo dài quá lâu.

THỨ TRƯỞNG NGOẠI GIAO MỸ hội kiến với Nguyễn Thanh Giang

Bộ ngoại giao Mỹ tỏ ra đặc biệt tích cực sau khi tổng thống Bush tái đắc cử. Các áp lực trên các chế độ độc tài có thể thấy được. Các chế độ này biết ông Bush rất mạnh bạo và họ phải chọn lựa hoặc đối đầu một cách vất vả với ông với nhiều thiệt hại, hoặc nới lỏng bớt sự đàn áp các lực lượng dân chủ. Cuba đã phải phóng thích các nhân vật dân chủ mà họ mới xử án 20 năm tù cách đây hơn một năm. Trung Quốc đã trả tự do cho nhà đối lập dân chủ Liu Gingsheng hai năm trước hạn tù (Bắc Kinh giải thích là vì ông này cải tạo tốt). Miến Điện trả tự do cho gần 9.000 tù nhân, phần lớn là tù chính trị.

Tại Việt Nam, ngày 23-11-2004, một phái đoàn ngoại giao quan trọng Mỹ đã đến gặp nhà dân chủ nổi tiếng Nguyễn Thanh Giang. Phái đoàn gồm bà Elizabeth Dugan, thứ trưởng ngoại giao, bà Susan William O'Sullivan, cố vấn cao cấp bộ ngoại giao về các vấn đề dân chủ và nhân quyền, phó đại sứ Mỹ tại Hà Nội John Boardman và hai cố vấn chính trị của sứ quán Mỹ tại Việt Nam, các ông Marc Knapper và Noah Zaring.

Phái đoàn đã tới thăm tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang vào buổi sáng, sau đó mời ông Giang dùng cơm trưa tại nhà riêng của ông Boardman tới 14 giờ. Ông Giang đã trình bày bối cảnh chính trị Việt Nam, đả kích chính sách đàn áp dân chủ của Đảng Cộng Sản Việt Nam và yêu cầu chính quyền Mỹ đòi hỏi Hà Nội phải trả tự do cho mọi tù nhân chính trị và tôn giáo. Ông Giang đặc biệt nhấn mạnh đến trường hợp của các tù nhân chính trị Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Khắc Toàn. Ông Giang cũng nhấn mạnh rằng cách đối xử vô nhân đạo

với hai vị đại lão hòa thượng Huyền Quang và Quảng Độ là một thách đố lớn đối với lương tâm thế giới. Cuộc trao đổi đã diễn ra trong không khí thân mật, cảm thông và tương kính.

Bà Dugan cũng đã thăm viếng hòa thượng Quảng Độ tại Thanh Minh Thiền Viện, Sài Gòn. Đại sứ Mỹ đã tới thăm hòa thượng Huyền Quang đang lâm bệnh nặng tại tu viện Nguyên Thiều. Những cuộc thăm viếng này có ý nghĩa đặc biệt sau khi Hà Nội ngăn cản không cho phái đoàn tăng sĩ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất từ Sài Gòn ra Qui Nhơn thăm hòa thượng Huyền Quang.

Chính phủ Mỹ, qua lời đại sứ Marine, chủ trương tăng cường quan hệ và hợp tác với Việt Nam nhưng Hà Nội sẽ gặp nhiều khó khăn với Mỹ nếu tiếp tục đàn áp những người dân chủ. Những cuộc gặp gỡ này là một thông điệp thẳng thắn gửi tới ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam.

DÂN BIỂU LORETTA SANCHEZ bị cấm tới Hà Nội

Bà Loretta Sanchez, dân biểu bang California, đã bị từ chối chiếu khán để thăm viếng Việt Nam vào đầu tháng 12 này. Bà Sanchez là một nhân vật quen biết với những người dân chủ Việt Nam. Bà theo dõi sát tình hình Việt Nam và đã tới Việt Nam hai lần trong thời gian gần đây, năm 1999 và năm 2000. Trong lần thăm viếng thứ hai, bà tháp tùng tổng thống Clinton. Trong dịp này, bà đã ghé thăm ông Phạm Quế Dương và hội kiến với các ông Trần Độ, Hoàng Minh Chính và Nguyễn Thanh Giang tại nhà ông Dương.

Là một người bộc trực, bà Sanchez đã nhiều lần phê phán chế độ cộng sản Việt Nam vi phạm nhân quyền, tuy nhiên bằng Sanchez, thuộc đảng Dân Chủ, không chống lại việc tăng cường quan hệ ngoại giao và thương mại đối với Việt Nam.

Hà Nội giải thích quyết định từ chối chiếu khán cho bà Sanchez bằng lý do: "Bà Sanchez thiếu khách quan và không có thiện cảm đối với Việt Nam. Quốc hội và nhân dân Việt Nam quan niệm rằng chuyến viếng thăm của bà Sanchez sẽ không có lợi cho quan hệ giữa hai nước". Đây chỉ là ngôn ngữ lừa dối. Điều chắc chắn là hành động từ chối chiếu khán cho một dân biểu Mỹ sẽ gây phần nộ cho quốc hội Mỹ và làm cho quan hệ Việt-Mỹ xấu đi. Chính quyền Hà Nội chỉ coi dân biểu của họ như những tay sai nên không hiểu rằng một dân biểu Mỹ có trọng lượng rất lớn. Tệ nhất là thư từ chối lại do chính văn phòng quốc hội Việt Nam gửi tới Sứ quán Mỹ. Trong các quốc gia dân chủ, các đại biểu quốc hội thường rất kính trọng dân biểu các nước khác và sẵn sàng can thiệp để cho dân biểu các nước khác được mời.

HÒA THƯỢNG THÍCH HUYỀN QUANG bệnh nặng

Tin từ Phòng Thông Tin Phật Giáo Hải Ngoại cho

CẤM ĐẠO : mục sư Nguyễn Hồng Quang bị xử ba năm tù

Ngày 12-11-2004, tòa án nhân dân Sài Gòn đã đem xét xử mục sư Nguyễn Hồng Quang và 5 nhà truyền đạo của giáo hội Tin Lành Mennonite. Mục sư Nguyễn Hồng Quang bị kết tội hành hung công an đang làm nhiệm vụ, 5 người bạn của ông bị kết tội đồng lõa. Tội danh này thật là thô lỗ vì ai có thể tưởng tượng là ở Việt Nam có người dám đánh công an, nhất là người đó lại là những người tu hành ?

Theo một số thân hữu của ông Quang thuật lại thì từ đầu năm 2001, sau khi những biến động tại Tây Nguyên, trong đó đồng bào các sắc tộc biểu tình phản đối chính quyền cướp đất đai của họ và cấm đoán tôn giáo, đạo Tin Lành bị coi là kẻ thù của nhà nước cộng sản và bị theo dõi chặt chẽ. Ông Nguyễn Hồng Quang vì là mục sư Tin Lành nên được đặc biệt chiếu cố. Ông phát hiện có những người lạ mặt luôn luôn đến trước nhà mình rình rập nên sinh nghi và đã trình với công an phường, nhưng tình trạng này vẫn tiếp tục. Một hôm vào tháng 6-2004, ông cùng với một số thân hữu ra hỏi bọn người lạ mặt này thì chúng bỏ đi và sau đó là công an đến bắt ông, buộc ông vào tội hành hung.

Lý do nào cũng tốt để nhà nước cộng sản Việt Nam bỏ tù những người hành đạo, nhất là đạo Tin Lành. Phiên tòa xử 6 người đã kéo dài 6 giờ. Mỗi bị can chỉ được có một thân nhân chứng kiến vụ xử, các nhân chứng do các luật sư viện dẫn không được phép vào phòng xử. Tòa tuyên án Nguyễn Hồng Quang 3 năm tù, năm người truyền đạo bạn của ông Quang bị xử mỗi người từ 9 tháng đến 2 năm tù. Thân nhân các bị cáo cho biết họ sẽ kháng án.

Phiên tòa này cũng như các vụ án chính trị và tôn giáo khác, quan tòa chỉ đọc những bản án do công an quyết định trước. Điều khác biệt đáng nói là đã có một đám đông

hay sức khỏe của hòa thượng Thích Huyền Quang, tăng thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đã đột ngột suy giảm tới mức nguy ngập từ cuối tháng 11-2004.

Hòa thượng Huyền Quang, năm nay 87 tuổi, đã được hội đồng lưỡng viện bầu vào chức tăng thống (giáo chủ) Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất năm 2003. Ông bị bắt giam, rồi quản thúc từ năm 1976 tại Quảng Ngãi. Từ một năm nay ông tự ý dời đến tu viện Nguyên Thiều, Qui Nhơn. Chính quyền cộng sản cô lập ông tại đây.

Một phái đoàn tăng sĩ Phật Giáo do hòa thượng Thích Quảng Độ dẫn đầu đã khởi hành đi Qui Nhơn thăm hòa thượng Huyền Quang nhưng bị chặn lại.

Tại sao lại cô lập một tu sĩ đã 87 tuổi và yếu bệnh trong gần 30 năm ? Tại sao lại ngăn cản không cho các đồng đạo thăm ông trong tình trạng nguy ngập này ? Những câu hỏi này không thể trả lời được vì ở ngoài sức tưởng tượng. Có những trường hợp mà ngôn ngữ trở thành bất lực vì sự thô鄙 đã vượt mọi giới hạn.

khoảng 300 người tụ tập trước tòa để bày tỏ sự ủng hộ đối với các bị cáo. Trong số người tụ tập này có cả những đồng bào sắc tộc Tây Nguyên.

Đây chỉ là một vụ bắt người và xét xử hoàn toàn được dàn dựng nằm trong chính sách triệt hạ giáo phái Tin Lành Mennonite. Cái tội thực sự của đạo Tin Lành và đặc biệt là giáo hội này là đã khá thành công.

Có mặt tại Việt Nam từ trước 1975, giáo hội này tiếp tục hoạt động xã hội và truyền giáo. Cho tới đầu thập niên 1990, nhà cầm quyền cộng sản hầu như không quan tâm đến đạo Tin Lành nói chung và giáo phái Mennonite nói riêng, coi đây là một thiểu số không đáng kể, để tập trung đàn áp các giáo hội đông đảo hơn như Phật Giáo, Công Giáo, Cao Đài và Hòa Hảo. Từ đó đạo Tin Lành và giáo phái Mennonite đã âm thầm phát triển, nhất là trên Tây Nguyên. Từ sau 1990 trở đi chính quyền cộng sản đàn áp dữ dội. Nhiều buổi lễ của giáo phái bị giải tán, các mục sư và đạo hữu bị đánh đập dã man. Chính sách thô bạo này không dập tắt được đạo Tin Lành mà còn gây thêm phần nộ, dẫn tới những cuộc biểu tình lớn hồi đầu năm 2001 trên Tây Nguyên. Sự đàn áp của chính quyền cộng sản lại càng gia tăng và thêm phần trắng trợn.

Tháng 5 vừa qua, dư luận thế giới đã xúc động khi hay tin mục sư Ksor No, hạt trưởng giáo phái Mennonite, bỗng nhiên vô cớ bị bắt. Cho tới nay người ta vẫn không biết ông bị kết tội gì. Tháng 6 đến lượt mục sư Nguyễn Hồng Quang và 5 người truyền đạo vừa bị xét xử.

Đầu năm nay, ngày 16-1-2004, công an đem xe ủi đất đến ủi sập nhà nguyện, cũng là nhà riêng của mục sư Nguyễn Công Chính, với lý do giáo phái Mennonite tại Kontum không được nhà nước công nhận là một tôn giáo. Tín đồ Tin Lành Mennonite đã giúp mục sư Nguyễn Công Chính dựng lại nhà nguyện này. Tháng 9 năm nay, giáo phái Mennonite, cùng với một số giáo phái Tin Lành khác, nộp đơn lên chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An khiếu nại việc họ bị bạo hành và xin được tự do hành đạo. Để trả lời, ngày 14-9, công an Kontum đem xe ủi đất đến ủi sập nhà nguyện của mục sư Nguyễn Công Chính một lần nữa, và lần này nhà nguyện bị san bằng thành bình địa, không những thế vợ và con ông Chính còn bị đánh đập và bị bắt. Đáng thương nhất là vợ ông Chính bị đánh đập mặc dù đang có thai 7 tháng. Một nhân chứng thuật lại rằng một công an đã đâm vào bụng bà Chính. Bà Chính và con đã được trả tự do sau nửa ngày bị giam giữ. Bà thuật lại rằng tại đồn công an bà cũng bị đánh đập, kể cả bị đá vào bụng.

Người ta không thể hiểu nổi tại sao chính quyền cộng sản lại vô cùng thô bạo và dã man đối với đạo Tin Lành trên Tây Nguyên. Tại sao những vụ đánh đập, phá nhà này vẫn cứ tiếp tục mặc dù đã nhiều lần được tường thuật và gây xúc động trong dư luận thế giới ? Phải chăng công an Tây Nguyên nghĩ rằng Tây Nguyên là rừng và họ mặc sức dùng luật rừng ? Điều chắc chắn là chính quyền cộng sản sẽ phải trả giá rất đắt vì các tín đồ Tin Lành rất kiên cường và các giáo hội Tin Lành có khả năng động viên dư luận thế giới và các chính phủ dân chủ để bảo vệ tín đồ của họ.

Nguyễn Văn Huy

NGOẠI GIAO

Chúng ta đều biết tổng thống George W. Bush là một người thông thái và bất thiệp. Mặc dù sinh ra và lớn lên ở miền East Coast, ông lập nghiệp tại bang Texas và hấp thụ ngôn ngữ và nếp sống trang nhã của xứ rục nắng này. Ngay sau dịp lễ Tạ Ơn, ngoại trưởng vừa được chỉ định Condolezza Rice, mà tổng thống coi như em gái, đến hội kiến với ông.

- Hello Condi ! ông Bush nói, tôi vừa nghĩ lễ Thanks Giving với Dick Cheney và Donald Rumsfeld. Học được nhiều với họ về địa lý và chính trị thế giới.

- Hay quá, thưa tổng thống, đúng là lúc chúng ta cần xét lại chính sách ngoại giao, khôi phục lại hình ảnh một nước Mỹ khiêm tốn và thỏa hiệp. Tổng thống nghĩ gì về một cuộc gặp gỡ với tổng thống Chirac để hòa giải giữa Mỹ và Pháp ? Ta cần cải thiện quan hệ với châu Âu.

- Chirac ? No, thanks. CIA cho biết là lão già mắc dịch này chửi tôi là đồ vô học, cao bồi, hiếu chiến, một tên côn đồ quốc tế. Lão ta là cái quái gì ? Bất chấp cả các giá trị đạo đức, dân chủ, nhân quyền, đi quy lụy bọn độc tài Saddam Hussein, Qadafi, Hà Nội, Bắc Kinh để bán hàng. Một đại diện thương mại không hơn không kém. Không chừng hết nhiệm kỳ tổng thống lão ta còn bị lôi ra tòa vì lem nhem tiền bạc. Nước Pháp của lão chỉ là một nước trung bình, tiếng Pháp còn được bao nhiêu người nói ? Chỉ có rượu Pháp là ngon nhưng tôi đã thề với Laura là không uống nữa.

- Rất hay, hai vị đánh giá nhau cao như thế thì tốt lắm. Tổng thống sẽ nói với Chirac là tổng thống quý trọng ông ta như một lãnh tụ lớn, có uy tín trên thế giới, nước Pháp là một cường quốc lớn, có vai trò trọng yếu trong Liên Hiệp Châu Âu và Mỹ thành thực muốn hợp tác với Pháp trong việc giải quyết những vấn đề lớn của thế giới, như Iraq.

- Iraq ? Pháp sẽ chẳng có vai trò gì cả. Chúng ta đêch cần biết Chirac nghĩ gì. Hấn giả dối, đi đêm với thằng Saddam để khai thác dầu khí. Hấn cay cú vì chúng ta đánh đổ tên này mới bày ra cái trò chủ quyền quốc gia, chống bạo lực... Thế hấn đang làm gì ở Côte d'Ivoire ? Chúng ta sẽ thành công ở Iraq, chính quyền dân chủ mới Iraq sẽ tẩy chay Pháp, xóa bỏ sự hiện diện của Pháp tại Iraq. *The game is over !*

- Đúng vậy, tổng thống sẽ nói với ông Chirac là ngài rất chia sẻ quan tâm chính đáng của ông ta về vấn đề chủ quyền dân tộc của Iraq và vì thế mong mỗi sự hợp tác của Pháp để xây dựng một nước Iraq dân chủ, có đầy đủ chủ quyền và có quan hệ tốt đẹp với mọi quốc gia trên thế giới, đặc biệt là Pháp. Một vấn đề khác là lúc này Pháp cũng như châu Âu đang lo âu về sự sụt giá của đồng Dollar.

- Ha ha ! Cho chúng nó chết. Đồng Dollar xuống giá làm châu Âu và Pháp nghệt thở. Hàng Pháp ế vì đất,

Mục lục

1. Kinh nghiệm Ukraine *Thống Luận*
2. Đường lối ngoại giao mới của Trung Quốc *Machida Trinh Nguyễn*
4. Quyền con người *Nguyễn Gia Kiểng*
8. Bộ chính trị tề liệt trước thử thách... *Bùi Tín*
10. Thư của thượng tướng Nguyễn Nam Khánh
13. Thư độc giả : Thiên Chúa giáo... *Nguyễn Mừng*
14. Mặt Trận Tổ Quốc và Nghị định 31/CP *Trương Minh Trí*
15. Tiền lương và cải cách hành chính *Việt Hoàng*
18. Quan điểm mới về chính sách của Hoa Kỳ... *Vũ Dương*
19. Thơ : Lời nguyện mùa Thu & Thoát *Nguyễn Long Vân & Vũ Đức Tiến*
20. Ai là nhân dân ? *Phạm Việt Vinh*
23. Có một nền văn hóa học Việt Nam *Lê Văn Hào*
27. Thư Ukraine *Trần Vương*
28. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Ngoại giao *Đáy*

hàng Mỹ chạy vì rẻ. Chúng ta tăng trưởng mạnh, tạo nhiều jobs, giảm tỷ lệ thất nghiệp trong khi Pháp và châu Âu méo mặt. Đáng đời cho Chirac và Schroeder, cho chúng nó chừa cái tội chống Mỹ.

- Vâng đúng như vậy, tổng thống sẽ nói với Chirac rằng nước Mỹ rất gắn bó với một đồng Dollar mạnh, bảo đảm sự ổn định tiền tệ trên thế giới, nền tảng của một tăng trưởng bền vững. Mỹ tin rằng với sự hợp tác của châu Âu tình trạng trì trệ kinh tế hiện nay sẽ sớm chấm dứt. Mỹ mong mỗi một châu Âu phồn vinh, đóng vai trò quyết định trong cố gắng xây dựng chung một thế giới dân chủ và giàu mạnh. Đề nghị tổng thống và phu nhân mời cặp Chirac tới trang trại của ngài, cuộc thảo luận sẽ thân mật hơn và dễ dàng hơn.

- Mời thằng đểu này tới ranch của tôi ? Không bao giờ. *Forget it !* Hấn đến nhà John Kerry mà tá túc.

- Cám ơn tổng thống đã bỏ thù riêng vì việc lớn. Tôi sẽ cố gắng dàn xếp cuộc gặp gỡ thân mật này trong thời hạn ngắn, ngay đầu nhiệm kỳ tới, tháng 2 nếu có thể được, chắc chắn hình ảnh phu nhân Laura khả ái sẽ chinh phục được tình cảm của người Pháp nói riêng và người châu Âu nói chung.

- Condi, cô là một cộng tác viên tuyệt vời. Cô bao giờ cũng làm đúng những gì tôi muốn.